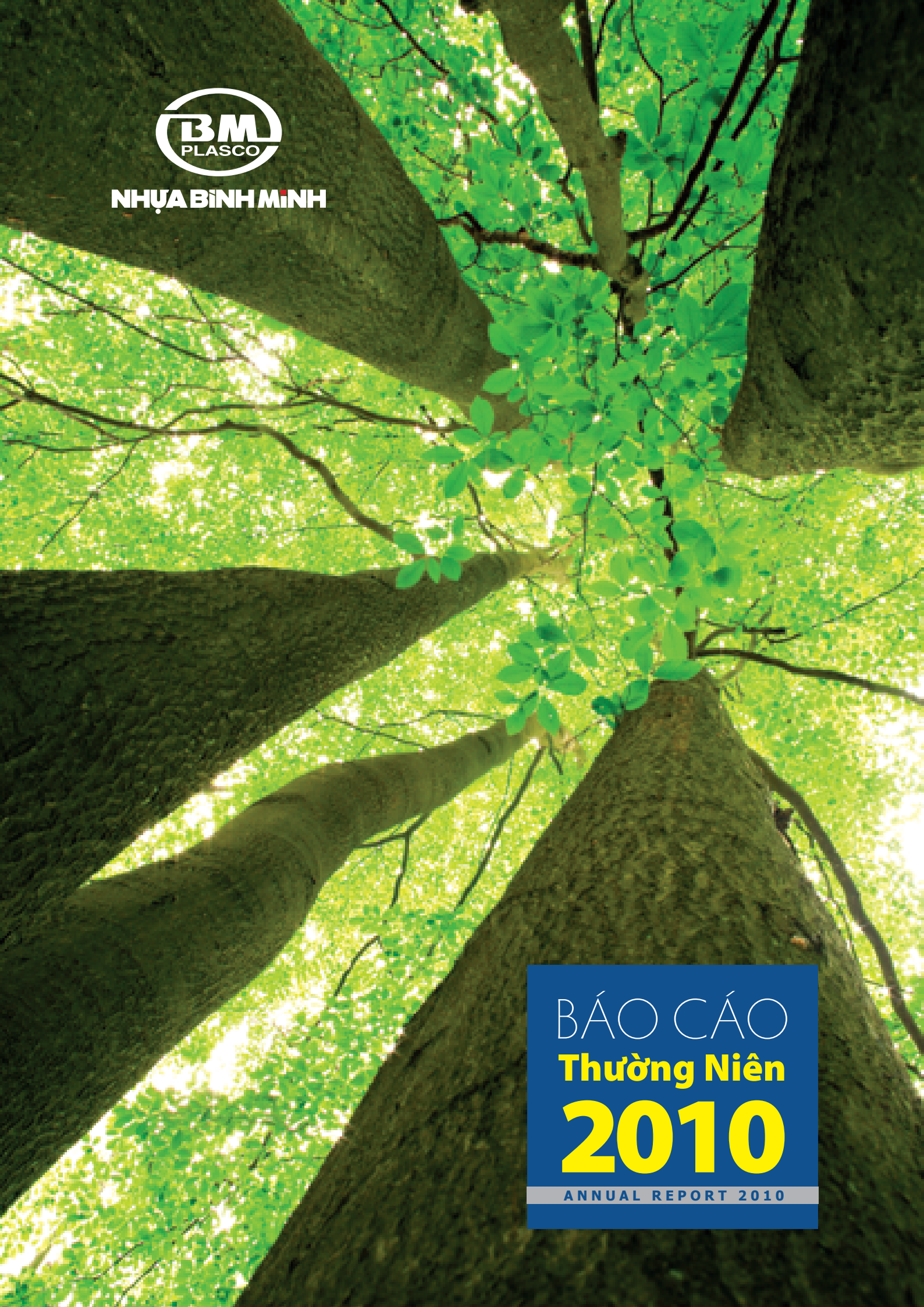
BM
PLASCO
NHỰA BÌNH MINH
BÁO CÁO
Thường Niên
2010
ANNUAL REPORT 2010

# Phát triển bền vững

# NỘI DUNG


| | |
|---|---|
| Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi | 4 |
| Thông điệp của Hội đồng Quản trị | 7 |
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị | 8 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc - Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu | 12 |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát | 18 |
| Định hướng phát triển từ năm 2011-2015 | 22 |
| Tóm lược lịch sử hình thành và phát triển của Công ty | 24 |
| Giới thiệu Ban Quản trị - Sơ đồ tổ chức | 28 |
| Hệ thống các chi nhánh, Công ty con liên doanh, liên kết và đầu tư<br>Báo cáo tài chính của các Công ty con | 32 |
| Hệ thống phân phối | 36 |
| Các lĩnh vực hoạt động - Giới thiệu thương hiệu, sản phẩm | 38 |
| Các hoạt động và thành tích nổi bật trong năm | 48 |
| Quan hệ cộng đồng | 50 |
| Hệ thống quản lý chất lượng | 53 |
| Văn hoá doanh nghiệp- Nguồn lực nội tại | 54 |
| Báo cáo tài chính - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 60 |
| Thông tin về Cổ đông và quản trị công ty | 88 |
| Biểu đồ - Phụ lục số liệu | 89 |

BM
PLASCO
NHỰA BÌNH MINH

# TẦM NHÌN

Là doanh nghiệp hàng đầu của ngành nhựa Việt Nam, Nhựa Bình Minh tự tin sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai vì có nền tảng văn hóa doanh nghiệp tốt; thương hiệu mạnh; cơ cấu sản phẩm đồng bộ, chất lượng cao; mạng lưới phân phối rộng lớn; hệ thống quản trị vừa ổn định vừa uyển chuyển và quan trọng là luôn biết tự đòi hỏi ở mình sự đổi mới để phát triển.

# SỨ MỆNH

Cung ứng cho thị trường các sản phẩm ngày càng đa dạng về chủng loại, hoàn thiện về chất lượng và phong phú về dịch vụ. Bảo đảm hài hòa các lợi ích trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp; tôn trọng lợi ích cổ đông, khách hàng; chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

# GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tự hào với " Văn hóa Bình Minh" được hình thành qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển. Tôn trọng quá khứ; học hỏi, cầu thị trong hiện tại, tự tin hướng tới tương lai. Đó chính là giá trị nền tảng giúp Nhựa bình Minh luôn đoàn kết tốt, có nhiều giải pháp linh hoạt, ngày càng được khách hàng đánh giá cao.

# Thông điệp của Hội Đồng Quản Trị

*Kính thưa Quý vị*

*Năm 2010 đã qua với bao khó khăn, thử thách và để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm. BMP đã nỗ lực cố gắng, hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông đã thông qua.*

*Bước sang năm 2011, khó khăn dự báo sẽ càng nhiều và khốc liệt hơn.*

*Bên cạnh những khó khăn chung, BMP còn có các khó khăn riêng của mình. Đó là nguồn lực còn nhiều mặt hạn chế, nhu cầu sắp xếp, cấu trúc lại bộ máy quản lý còn nhiều việc phải làm...*

*Song thông điệp Hội đồng Quản trị mạnh mẽ gởi đến Quý vị đó là SỰ TỰ TIN*

*Chúng ta sẽ đối mặt mọi khó khăn với sự bình tĩnh, tìm ra các giải pháp ứng phó kịp thời, phù hợp và toàn diện.*

*BMP có uy tín trên thương trường, có truyền thống đoàn kết, văn hóa doanh nghiệp luôn được coi trọng, gìn giữ và xây dựng ngày càng tốt đẹp hơn.*

*Chúng tôi cam kết sẽ phát huy tiềm năng nội lực, tận dụng cơ hội, đưa BMP phát triển ổn định, bền vững.*

*Xin cảm ơn và kính chúc những điều tốt đẹp nhất tới Quý vị cổ đông, khách hàng, toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty BMP, các cơ quan quản lý và những người luôn ủng hộ, giúp đỡ BMP.*

**"CHÚNG TA SẼ ĐỐI MẶT MỌI KHÓ KHĂN VỚI SỰ BÌNH TĨNH, TÌM RA CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ KỊP THỜI, PHÙ HỢP VÀ TOÀN DIỆN"**

*Trân trọng kính chào.*

*Lê Quang Doanh*
*Chủ tịch Hội đồng quản trị*

Báo cáo của

# Hội Đồng Quản Trị

SẢN XUẤT PHẢI AN TOÀN - AN TOÀN ĐỂ SẢN XUẤT

Với đặc điểm cả 5 thành viên đều tham gia điều hành, Hội đồng Quản trị đã rất linh hoạt và chủ động trong việc trao đổi, bàn bạc để thống nhất sự chỉ đạo, đề ra những định hướng chiến lược cho sự phát triển của Công ty.

Chúng tôi đã có những nhận định tổng quan về lợi thế của Công ty:

- **LỢI THẾ SẢN PHẨM:** Không mang tính thời vụ cao, sản phẩm Nhựa Bình Minh được sử dụng gần như đồng đều trong cả năm. Sức sống của sản phẩm còn dài với tình trạng hạ tầng cơ sở của Việt Nam hiện nay. Chưa có dòng sản phẩm nào thay thế được ống nhựa trong việc dẫn, thoát nước và luồn cáp trên thế giới.

- **LỢI THẾ THƯƠNG HIỆU:** Đã trở thành sự lựa chọn đầu tiên và cuối cùng của đông đảo khách hàng khi xây dựng dân dụng, tưới tiêu và trong những công trình trọng điểm quốc gia.

- **LỢI THẾ CẠNH TRANH:** Tên tuổi Nhựa Bình Minh hết sức quen thuộc với người tiêu dùng và trở thành thước đo về chất lượng ngành ống. Dịch vụ chu đáo, chăm sóc tận tâm, giá cả hợp lý.

- **LỢI THẾ NGUỒN LỰC:** Với hiệu quả cao, Nhựa Bình Minh luôn quan tâm đến việc đầu tư đổi mới trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, hiện đại nhất. Bên cạnh đó, sở hữu một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, gắn bó với Công ty với tâm huyết và tinh thần kỷ luật cao, chú trọng đến việc huấn luyện, đào tạo và truyền bá "Văn hóa Bình Minh", làm nên nét đặc trưng riêng của Công ty.

Từ nhận định trên, Hội đồng Quản trị đã tự tin quyết định việc mở rộng mặt bằng, tiếp tục phát triển lợi thế, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tận dụng thời cơ củng cố vị thế hàng đầu trong ngành nhựa Việt Nam hiện nay. Do đó, mặc dù năm 2010 có rất nhiều khó khăn, từ đầu năm giá xăng dầu, nguyên vật liệu đã tăng cao, thị trường ngành ống nhựa ngày càng cạnh tranh gay gắt nhưng với sự bình tĩnh, quyết tâm cao và định hướng đúng đắn, một lần nữa Nhựa Bình Minh đã vượt qua thử thách, hoàn thành vượt mức kế hoạch được Đại hội Cổ đông thông qua với 1.417 tỷ doanh thu, 314 tỷ lợi nhuận trước thuế, 20% cổ tức; Gần 16ha đất tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc A tỉnh Long An đã được ký kết để mở nhà máy thứ tư; Giàn ống HDPE đến đường kính 1.200mm lớn nhất Việt Nam đã được đưa vào sản xuất. Đặc biệt, Nhựa Bình Minh miền Bắc sau hai năm có lãi, đã bù lỗ hoàn toàn cho dự án.

Sau một năm, chúng tôi đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị là có hiệu quả. Mặc dù cả 5 thành viên đều là người của Công ty, song đã rất nghiêm túc tổ chức họp đúng kỳ, căn cứ vào nghị quyết của Đại hội cổ đông để phân tích tình hình, đưa ra nhiều giải pháp kịp thời, hiệu quả. Các thành viên Hội đồng Quản trị mặc dù bận công tác điều hành, vẫn tham gia các buổi hội thảo, học tập nhằm nâng cao nhận thức và năng lực quản trị, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của một công ty đại chúng. Sự đoàn kết nhất trí rất cao thể hiện rõ tính cầu thị, tinh thần xây dựng vì mục đích chung là hài hòa lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động, tạo niềm tin vững chắc cho những nhà đầu tư vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2011 sẽ là một năm tiếp tục có nhiều khó khăn với tình hình lạm phát gia tăng; những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất như xăng dầu, điện nước, nguyên liệu đều tăng; lãi suất ngân hàng, tỷ giá ngoại tệ, tình trạng thiếu điện đều là những thách thức lớn đối với Nhựa Bình Minh. Tự tin nhưng thận trọng, chúng tôi đặt ra kế hoạch phấn đấu cho năm 2011 là 1.650 tỷ doanh thu, 300 tỷ lợi nhuận trước thuế và 20% cổ tức. Rất mong nhận được sự đồng thuận cao của Đại hội cổ đông, sự ủng hộ của khách hàng và sự quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của Cán bộ công nhân viên Công ty.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Lê Quang Doanh

Báo cáo của

# Ban Tổng Giám đốc

## Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu

**“ĐÁNH GIÁ ĐÚNG TÌNH HÌNH, ĐỀ RA GIẢI PHÁP PHÙ HỢP CHO VIỆC THỰC THI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY”**

## I HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã nhận dạng khó khăn trong năm 2010, đánh giá đúng tình hình, đề ra giải pháp phù hợp cho việc thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

### 1. Nhóm giải pháp lâu dài:

- **Xây dựng Văn hóa Bình Minh,** coi đây là giá trị cốt lõi tạo nên sự khác biệt đặc sắc trong văn hóa kinh doanh, văn hóa giao tiếp, văn hóa chia sẻ với cộng đồng của người lao động tại Nhựa Bình Minh. Phấn đấu bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động, khách hàng và xã hội

- **Xây dựng thương hiệu** trở thành nhiệm vụ cho toàn thể mọi người tại Công ty để tạo dựng hình ảnh một Bình Minh chất lượng, thân thiện với khách hàng trên cơ sở tôn trọng, bình đẳng đôi bên cùng có lợi và không ngừng chia sẻ cuộc sống.

- **Triệt để tiết kiệm** với phương châm tránh những lãng phí lớn bằng cách bắt đầu từ những tiết kiệm nhỏ.

### 2. Nhóm giải pháp tình thế:

Mỗi năm, mỗi thời điểm tình hình thực tế đều có những biến chuyển khác nhau, đòi hỏi các giải pháp khác nhau nhưng đều phải đáp ứng yêu cầu nhanh, phù hợp và hiệu quả. Vào cuối năm 2008 đầu năm 2009, giá nguyên liệu giảm liên tục và có những diễn biến phức tạp theo đà khủng hoảng kinh tế thế giới, việc tăng cường tích trữ nguyên liệu giá thấp là giải pháp ưu tiên. Đến năm 2010, nền kinh tế bắt đầu hồi phục, giải pháp lúc này là:

- **Tập trung đầu tư,** phát triển dòng sản phẩm HDPE, đặc biệt là ống 1.200mm, trước đây hoàn toàn phải nhập ngoại, thực hiện chủ trương ưu tiên dùng hàng Việt Nam của Chính phủ.

- **Phát triển rộng mạng lưới phân phối** sản phẩm qua hệ thống các cửa hàng trên toàn quốc, bảo đảm "xóa vùng trắng, thúc đẩy vùng yếu".

- **Chăm lo việc phát triển nhân lực** phù hợp bằng quy chế cán bộ tập sự nhằm đào tạo, huấn luyện, phát huy năng lực tại chỗ và thu hút nhân tài từ bên ngoài vào.

## II HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI:

Xác định rằng hoạt động xã hội là một yếu tố rất quan trọng cho sự phát triển bền vững, Công ty đã nâng hoạt động này từ chỗ phong trào lên thành mục tiêu hằng năm một cách chủ động:

- ***Thường xuyên:***

✶ Nuôi dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách.

✶ Xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa.

✶ Hiến máu nhân đạo.

✶ Đóng góp cho các quỹ xóa đói giảm nghèo, hội chữ thập đỏ địa phương

- ***Đột xuất:***

✶ Cứu trợ đồng bào bão lụt miền Trung.

✶ Ủng hộ nhân dân Nhật Bản sau trận động đất - sóng thần.

✶ Ngoài ra, Công ty cũng có những buổi thăm nom, giúp đỡ những người về hưu già yếu, bệnh tật hoặc có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

## III PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH:

### 1/ Khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động:

| KHẢ NĂNG SINH LỜI VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **CHỈ TIÊU** | **2006** | **2007** | **2008** | **2009** | **2010** |
| Lãi gộp/doanh thu | 26% | 21% | 23% | 29% | 27% |
| Lợi nhuận hoạt động/DT | 20% | 16% | 14% | 25% | 22% |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) | 30% | 25% | 21% | 43% | 36% |
| Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) | 24% | 21% | 20% | 36% | 31% |
| Doanh thu / Tổng tài sản bình quân | 1,46 | 1,48 | 1,54 | 1,64 | 1,57 |
| Vòng quay hàng tồn kho | 3,31 | 4,11 | 3,88 | 3,52 | 3,60 |
| Vòng quay các khoản phải thu | 6,21 | 5,26 | 6,66 | 10,16 | 6,51 |

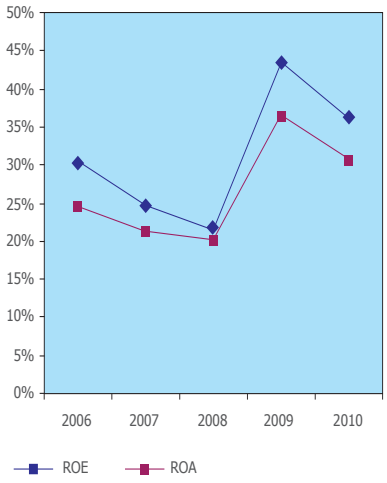


Từ năm 2006 đến nay, Công ty đã có sự phát triển tốt về hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nếu so riêng với năm 2009, là năm mà Công ty còn dự trữ được một lượng lớn nguyên vật liệu giá rẻ, giúp giảm đáng kể chi phí giá thành thì các chỉ tiêu của năm 2010 hầu hết đều thấp hơn. Mặc dù vậy, vượt qua những biến động trong giá cả, chi phí tăng vọt, Công ty vẫn đạt được tỷ suất sinh lời rất cao so với mặt bằng chung của ngành, tiếp tục khẳng định được vị trí dẫn đầu của mình trong ngành nhựa tại thị trường khu vực phía Nam, thể hiện qua thành quả kinh doanh đã đạt được.

### 2/ Khả năng thanh toán:

| KHẢ NĂNG THANH TOÁN | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **CHỈ TIÊU** | **2006** | **2007** | **2008** | **2009** | **2010** |
| Khả năng thanh toán hiện hành | 7,00 | 4,19 | 4,02 | 3,64 | 5,52 |
| Khả năng thanh toán nhanh | 4,58 | 2,53 | 1,80 | 1,86 | 3,14 |

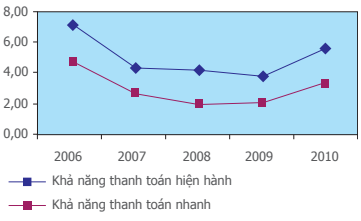


Qua số liệu trên ta thấy, khả năng thanh toán của BMP luôn đảm bảo ở mức an toàn, Công ty luôn có đủ tài sản để đảm bảo cho các khoản nợ ngắn hạn. Không những thế, tài sản ngắn hạn của Công ty có thể chuyển hóa thành tiền rất nhanh để có thể thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn, thể hiện qua chỉ tiêu khả năng thanh toán ngay là 3,14. Điều này nói lên rằng, hàng hóa của Công ty không bị ứ đọng, thu hồi công nợ tốt, giảm thiểu rủi ro xảy ra do nợ khó đòi.

### 3/ Phân tích các hệ số phù hợp với khu vực kinh doanh

Hiện nay, trên sàn giao dịch chứng khoán, có 5 doanh nghiệp trong ngành nhựa là NTP, DAG, DPC, DNP, RDP. Do đó, BMP dùng chỉ số trung bình của các doanh nghiệp này so sánh như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| CHỈ TIÊU | BMP | Bình quân ngành |
|---|---|---|
| Doanh thu thuần | 1.417 | 709 |
| Lợi nhuận gộp/doanh thu thuần | 27% | 27% |
| Chi phí tài chính trên doanh thu thuần | 0,5% | 1,9% |
| Chi phí bán hàng, quản lý trên doanh thu thuần | 5,1% | 9,2% |
| Tỷ lệ lợi nhuận ròng/doanh thu thuần | 19,4% | 14,7% |
| Tổng tài sản | 982 | 535 |
| Vốn chủ sở hữu | 852 | 337 |

*Ghi chú: Số liệu của 5 doanh nghiệp trên là số liệu chưa được kiểm toán, được lấy từ trang web của Sở giao dịch chứng khoán.*

Theo bảng trên, so sánh với bình quân ngành, chúng ta thấy rằng:
- Quy mô của BMP lớn hơn khoảng 2 lần theo doanh số và tổng tài sản
- Vốn chủ sở hữu lớn hơn khoảng gần gấp 3 lần
- Tỷ trọng chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý so với doanh thu thấp hơn nhiều so với bình quân ngành.

**4/ Phân tích mối quan hệ giữa các dòng tiền**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| CHỈ TIÊU | NĂM | |
|---|---|---|
| | 2009 | 2010 |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 241 | 83 |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư | - 90 | - 42 |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính | - 75 | - 69 |
| Dòng tiền thuần trong năm | 76 | - 27 |

Dòng tiền thuần trong năm 2010 của BMP giảm so với năm 2009. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính, Công ty đã gia tăng các khoản phải thu khách hàng, làm cho dòng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh giảm hơn so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành đầu tư thêm nhà máy mới, mua sắm máy móc thiết bị... nên dòng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu khác không đủ bù đắp cho các khoản chi trên.

Mặc dù dòng tiền thuần năm 2010 có bị giảm đi do một số nguyên nhân chủ quan, nhưng thực tế BMP có khả năng lưu chuyển tiền rất tốt. Minh chứng là sau hai tháng đầu năm 2011, các khoản phải thu khách hàng đã giảm xuống đáng kể, chênh lệch giữa đầu kỳ và cuối kỳ năm 2010 là 56 tỷ, trong khi đó chênh lệch giữa tháng 2/2011 so với cuối năm 2010 chỉ còn 6 tỷ.

Với chủ trương của Chính phủ trong năm 2011 là "Kềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô", nhận định rằng dòng tiền sẽ khó khăn trong lưu thông. Mặt khác, nguồn điện cung không đủ cầu sẽ gây khó khăn rất lớn cho công tác sản xuất. Bên cạnh đó, giá nguyên liệu đang tăng rất cao sau biến động tại các nước Trung Đông và thiên tai tại Nhật Bản, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để có thể hoàn thành những chỉ tiêu do Hội đồng Quản trị giao, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra những giải pháp trong năm nay là:

- Có chính sách phù hợp với khách hàng để thu hút dòng tiền, hạn chế tối đa việc vay ngân hàng với lãi suất cao hiện nay.
- Bố trí, điều độ sản xuất hợp lý, tăng cường sản xuất vào những giờ  thấp điểm, những ngày chủ nhật và ngày lễ, tết để tích trữ sản phẩm.
- Tiếp tục áp dụng các giải pháp tiết kiệm, đặc biệt là tiết kiệm điện trong toàn Công ty.
- Tìm nguồn cung ứng nguyên liệu phù hợp, bảo đảm cho việc sản xuất liên tục của Công ty.

Những giải pháp dài hạn sẽ được tiếp tục áp dụng song song với giải pháp tình thế. Ban Tổng giám đốc với khả năng xử lý thông tin nhạy bén, sử dụng nguồn lực một cách có hiệu quả, luôn tìm ra lộ trình thích hợp để thực hiện kế hoạch phát triển Công ty trước mắt và lâu dài theo sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự đồng tâm nhất trí của toàn thể Cán bộ công nhân viên và sự tin cậy, ủng hộ của khách hàng, cổ đông. Nhựa Bình Minh sẽ tiếp tục phát triển.

Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Kim Yến

Báo cáo hoạt động của

# Ban Kiểm Soát

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

*Kính thưa Quý Cổ đông,*

Ban Kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, được Đại hội cổ đông 2008 bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm gồm:

1/ Bà Nguyễn Thị Phương Nga - Trưởng phòng Tiếp Thị - Trưởng Ban

2/ Ông Nguyễn Kim Thượng - Trưởng phòng Đầu tư Nghiên cứu và Phát triển - Thành viên

3/ Bà Đinh Thị Nguyệt Hà - Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán - Thành viên

Trong năm 2010, Ban Kiểm soát đã thực hiện một số việc sau đây:

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2010:

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán, quản lý doanh thu, chi phí thông qua việc kiểm tra báo cáo tài chính hằng quý và cả năm;  tham gia vào công tác kiểm kê định kỳ của Công ty vào 2 đợt ngày 01/7/2010 và 01/01/2011

Kiểm tra việc thực hiện điều lệ và nghị quyết của Đại hội Cổ đông năm 2010.

Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị về việc huy động và sử dụng các nguồn vốn, thực hiện các dự án đầu tư.

Thông báo cho các thành viên trong Ban về nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Đóng góp ý kiến cho hoạt động của Ban kiểm soát, hoạt động của Công ty.

Tất cả thành viên của Ban đều được đào tạo kiểm toán viên và thường xuyên tự cập nhật kiến thức, thông tin. Ban có quy chế làm việc riêng, đảm bảo hoạt động đúng theo quy định pháp luật và điều lệ của Công ty. Vì vậy, tuy 3 thành viên đều là CBCNV Công ty nhưng chúng tôi thực hiện công việc được giao một cách công tâm và cẩn trọng, các số liệu và thông tin báo cáo dưới đây phản ánh trung thực kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, nghị quyết HĐQT của Công ty trong năm 2010.

## 2. KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2010:

Hoạt động sản xuất kinh doanh, chi trả cổ tức, thù lao: So với chỉ tiêu được Đại hội Cổ đông năm 2010 thông qua ngày 16/4/2010, số liệu thực hiện cụ thể như sau:

| TT | CHỈ TIÊU | THEO NGHỊ QUYẾT | THỰC HIỆN | TỈ LỆ% |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu | 1.234 tỷ | 1.417 tỷ | 115 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 170 tỷ | 314 tỷ | 185 |
| 3 | Cổ tức bằng tiền mặt | Tối thiểu 15% | 20% | 133 |
| 4 | Thù lao của HĐQT và BKS | 1,5%/tổng quỹ lương | 946 triệu | 100 |
| 5 | Tiền thưởng cho HĐQT và BKS | Không vượt quá tổng thù lao | 944 triệu | 100 |

Hoạt động Tài chính: Công ty đã tuân thủ đúng quy định của luật Kế toán, luật Thuế, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều lệ Công ty. Các khoản hạch toán minh bạch, rõ ràng, cụ thể như sau:

### Về nguồn vốn:

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2010 là 348.763.720.000 đồng (tương đương với 34.876.372 cổ phiếu đã bán ra công chúng) tăng 0,3% so với đầu năm 2010 do bổ sung cổ phiếu ESOP năm 2009 theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông 2006. Số cổ phiếu đang lưu hành là 34.769.192 do 107.180 cổ phiếu ESOP năm 2009 chưa được đăng ký.

Việc trích lập các quỹ được thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội cổ đông 2010 (chi tiết theo tờ trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 của Hội đồng quản trị).

Công ty kiểm soát tốt và sử dụng có hiệu quả các khoản vay, hiện tổng nợ phải trả là 130 tỷ đồng/ tổng giá trị tài sản là 982 tỷ, chủ yếu là nợ ngắn hạn, nợ dài hạn không đáng kể.

Về quản lý tiền, doanh thu, chi phí:
Việc kiểm soát các khoản phải thu được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Công ty, trích lập dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi theo đúng quy định của Nhà nước là 982 triệu, giảm 11% so với năm 2009 do thu hồi được công nợ nên hoàn nhập dự phòng.
Các quy trình xử lý nghiệp vụ của Công ty được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, do đó Công ty kiểm soát tốt các chi phí.

### Về hoạt động đầu tư:

Đầu tư tài chính: Ngoại trừ các khoản đã đầu tư ở các năm trước, trong năm 2010 Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư tài chính nào. Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước là 6,159 tỷ, tăng 10% so với năm 2009.

Đầu tư tài sản: Trong năm 2010, Công ty đã đầu tư vào máy móc thiết bị, khuôn mẫu, nhà xưởng để tăng cường năng lực sản xuất bằng nguồn vốn tự có. Tổng giá trị đầu tư là 47,83 tỷ đồng. Tất cả các dự án đầu tư đều được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định của Điều lệ. Riêng đối với các khoản đã chi cho 2 dự án đầu tư lớn là giàn máy ống PE 1200mm và lô đất 15,56ha tại khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2 được ghi nhận trong khoản trả trước cho người bán vì chưa xong thủ tục đưa vào sử dụng.

**Phân phối cổ phiếu thưởng ESOP:**

Trong năm 2010 Công ty đã tiến hành việc phân phối cổ phiếu thưởng ESOP cho CBCNV với tổng số 107.180 cổ phiếu. Việc bình chọn được căn cứ vào thành tích đóng góp của từng cá nhân và tiến hành từ các tổ sản xuất đúng theo quyết định số 602/QĐ-BM/HĐQT/2006 của Hội đồng quản trị Công ty ngày 01/11/2006 về việc ban hành quy chế thực hiện chương trình cổ phiếu thưởng ESOP và nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 10/6/2006.

## 3. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

Trong năm 2010, giao dịch của cổ đông nội bộ đều tuân thủ theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, cụ thể như sau

Ông Nguyễn Thanh Hải - tại thời điểm là người công bố thông tin của Công ty đã bán 20.000 cổ phiếu, còn giữ 30.922 cổ phiếu.

## 4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2010:

Đơn vị kiểm toán của Công ty trong năm 2010 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), là 1 trong 4 đơn vị kiểm toán được Đại hội cổ đông năm 2010 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, chúng tôi nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.

## 5. ĐỀ NGHỊ:

Đề nghị Hội đồng quản trị cho tiến hành đăng ký lưu hành 107.180 cổ phiếu ESOP của năm 2009 đã được phân phối cho CBCNV Công ty.

*Kính thưa Quý Cổ đông,*

Năm 2011 được dự báo là một năm vô cùng khó khăn cho các doanh nghiệp nhưng chúng tôi tin rằng với ưu thế là thương hiệu lớn có uy tín trong ngành sản xuất ống nhựa tại Việt Nam, cùng với tầm nhìn chiến lược cho sự định hướng phát triển Công ty trong 5 năm tới của HĐQT, bên cạnh sự đoàn kết nhất trí trong Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp của Công ty, nếu có được sự quan tâm và ủng hộ của Quý vị cổ đông, Nhựa Bình Minh nhất định sẽ vượt qua được mọi khó khăn để tiếp tục phát triển bền vững.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban
Nguyễn Thị Phương Nga

# Định hướng phát triển công ty đến năm 2015

## 1 NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

Ống uPVC vẫn chiếm vị trí lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh.
Ống HDPE - đặc biệt là cỡ lớn - sẽ thay thế dần ống gang cho những dự án quốc gia.
Ống PP-R sẽ trở nên phổ biến hơn cho những dự án nhà cao cấp và dân dụng.
Giá nguyên liệu không giảm.
Cạnh tranh về phương thức bán hàng, quảng bá thương hiệu sẽ mạnh mẽ hơn.
Tuy nhiên, nhân lực của Bình Minh tiếp tục được đào tạo, bổ sung để chuyên nghiệp hơn, làm tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm tới.

## 2 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tiếp tục là doanh nghiệp hàng đầu của ngành nhựa Việt Nam, xứng đáng là Thương hiệu Quốc gia, cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao trên toàn quốc. Bình quân mỗi năm tăng trưởng tối thiểu 15%,
lợi nhuận trên 300 tỷ , cổ tức 20%.
Hài hòa với môi trường sống.

## 3 BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng Nhà máy thứ tư tại Long An.
2. Đa dạng hóa sản phẩm, giữ vững chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.
3. Mở rộng hệ thống phân phối trong nước. Quan tâm đến thị trường xuất khẩu.
4. Bảo vệ môi trường bằng việc áp dụng hệ thống quản lý ISO 14.000.
5. Tạo sự gắn bó và thu hút nhân tài làm việc tại Công ty.

TCM
FL-117

Lịch sử hình thành và

# phát triển công ty

**NGÀY 02/01/2004 CÔNG TY NHỰA BÌNH MINH CHÍNH THỨC CHUYỂN ĐỔI SANG CÔNG TY CỔ PHẦN THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ 4103002023 NGÀY 02/01/2004 VỚI TÊN GIAO DỊCH LÀ BÌNH MINH PLASTIC JOINT- STOCK COMPANY. TÊN VIẾT TẮT LÀ BMPLASCO**

## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

### Hình thành

Nhựa Bình Minh được hình thành từ việc sáp nhập hai Công ty ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) ở số 139 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và Công ty Nhựa Kiều Tinh ở số 301-309 đường 54 (nay là số 57 đường Nguyễn Đình Chi) theo quyết định số 1488/QĐ-UB ngày 16 /11 /1977 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

### Chuyển đổi cơ cấu

Ngày 02/01/2004 Công ty Nhựa Bình Minh chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02/01/2004 với tên giao dịch là Bình Minh Plastic Joint-Stock Company. Tên viết tắt là BMPLASCO

### Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

✶ Đăng ký lần đầu ngày 02/01/2004 vốn điều lệ là 107.180.000.000 đồng.

✶ Thay đổi lần thứ 1 ngày 27/11/2006, tăng vốn điều lệ lên 147.908.400.000 đồng.

✶ Thay đổi lần thứ 2 ngày 01/08/2008, tăng vốn điều lệ lên 175.989.560.000 đồng.

✶ Thay đổi lần thứ 3 ngày 06/02/2010, tăng vốn điều lệ lên 349.835.520.000 đồng.

## NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

### Thập niên 1977 - 1979 ▪ Hình thành

✶ Sau khi được thành lập Nhựa Bình Minh lấy tên gọi là "NHÀ MÁY CÔNG TƯ HỢP DOANH NHỰA BÌNH MINH" trực thuộc Tổng Công ty Công nghệ phẩm - Bộ Công nghiệp nhẹ. Sản phẩm chủ yếu trong giai đoạn này là các sản phẩm nhựa gia dụng, thừa kế từ công ty cũ.

### Thập niên 1980 - 1989 ▪ Định hướng phát triển

✶ Trong thập niên này ngoài các sản phẩm nhựa gia dụng truyền thống Công ty đã nghiên cứu, sản xuất thành công một số sản phẩm y tế như dây truyền dịch, bộ điều kinh Karman và hướng tới các sản phẩm phục vụ ngành công, nông nghiệp như bình phun thuốc trừ sâu, nón bảo hộ lao động.

✶ Năm 1986 đánh dấu một bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh. Bằng hợp đồng gia công ống nhựa cho Unicef để phục vụ chương trình nước sạch nông thôn, lần đầu tiên ống nhựa của Nhựa Bình Minh được biết đến trên thị trường toàn quốc.

### Thập niên 1990 - 1999 ▪ Đầu tư khoa học kỹ thuật, định hướng các sản phẩm chính

✶ Nhựa Bình Minh đổi tên lần thứ 2 thành Xí nghiệp khoa học sản xuất Nhựa Bình Minh theo quyết định số 86/CNn-TCLĐ ngày 08/02/1990 của Bộ Công nghiệp nhẹ và là đơn vị thành viên trực thuộc Liên hiệp sản xuất - xuất nhập khẩu Nhựa - Bộ Công nghiệp nhẹ (tên viết tắt là VINAPLAST: tiền thân của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam sau này).

✶ Trong thập niên này Công ty đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất ống nhựa và các sản phẩm phục vụ ngành công, nông nghiệp. Để đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường, Công ty đã đầu tư mua sắm dây chuyền sản xuất ống lớn và hiện đại nhất Việt Nam có đường kính lên đến Ø400. Ngoài ra, Công ty còn đầu tư mua các căn nhà lân cận để mở rộng mặt bằng sản xuất, kinh doanh thông suốt từ đường Nguyễn Đình Chi sang đường Hậu Giang tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tới.

✶ Ngày 03/11/1994 Bộ Công nghiệp nhẹ đã ra quyết định số 1434/CNn-TCLĐ thành lập Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Nhựa Bình Minh tên giao dịch là BMPLASTCO.

✶ Với những thành tích đã đạt được, năm 1996 Công ty vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng nhì.

✶ Bằng uy tín và chất lượng sản phẩm ống nhựa của Công ty ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường, năm 1999 Công ty đã quyết định mở thêm xưởng sản xuất (nay là Nhà máy 2 của Công ty) có tổng diện tích 20.000m$^2$ tại Số 7 đường số 2 Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 - Thị trấn Dĩ An - Tỉnh Bình Dương, với trang thiết bị hiện đại của các nước Châu Âu.

**Thập niên 2000 - 2010 ▪ Xây dựng thương hiệu - đổi mới để phát triển**

✶ Xác định tầm quan trọng của công tác quản lý chất lượng ngay từ năm đầu tiên của thập niên, Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002:1994, đến nay đã được chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001-2008.

✶ Ngày 05/3/2003 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 18/2003/QĐ chuyển Công ty Nhựa Bình Minh về trực thuộc Bộ Công nghiệp và cổ phần hóa Công ty trong năm 2003, ngày 04/12/2003 Công ty Nhựa Bình Minh được chuyển thành Công ty cổ phần nhựa Bình Minh theo Quyết định 209/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Kể từ ngày 02/01/2004 Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02/01/2004 với tên giao dịch là Bình Minh Plastic Joint-Stock Company. Tên viết tắt là BMPLASCO.

✶ Ngày 11/7/2006 đã trở thành ngày có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước phát triển tiếp theo của Nhựa Bình Minh khi cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP theo giấy phép niêm yết số 49/UBCK-GPNY do UBCK Nhà nước cấp ngày 12/6/2006.

✶ Xác định tiềm năng to lớn của thị trường về ống nhựa năm 2004 Công ty đã đầu tư nâng cấp và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m$^2$.

✶ Với những thành tích đã đạt được, năm 2005 Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh vinh dự được nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc Lập hạng Ba, đây là phần thưởng cao quý nhất mà Công ty đạt được trong suốt 28 năm hình thành và phát triển của mình.

✶ Tháng 12/2007 đánh dấu một bước tiến vượt bậc của Công ty khi Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc chính thức đi vào hoạt động đưa sản phẩm của Nhựa Bình Minh đến với người tiêu dùng phía Bắc.

✶ Năm 2010 Công ty đã có bước chuyển mình mạnh mẽ khi cùng một lúc ký hợp đồng đầu tư nhà máy 4 có diện tích 15,56ha tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, tỉnh Long An và lắp đặt, sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1200mm lớn nhất Việt Nam.

✶ Có thể nói rằng giai đoạn 2000 - 2010 là giai đoạn tăng tốc và làm ăn có hiệu quả nhất từ trước đến nay của Công ty. Thương hiệu Nhựa Bình Minh phát triển mạnh mẽ, bền vững và có vị thế vững chắc trên thị trường cũng như trong tâm trí của người tiêu dùng.

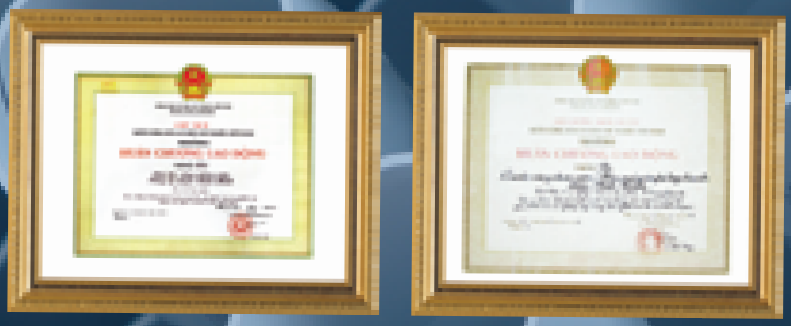

**TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TÍCH NHƯ SAU:**

**Huân chương Lao động hạng ba năm 1988**

**Huân chương Lao động hạng nhì năm 1996**

**Huân chương Lao động hạng nhất năm 2002**

**Huân chương Độc lập Hạng Ba trong năm 2005**

# Giới thiệu Ban Quản Trị

1

2

3

4

5

**Ông Lê Quang Doanh**
Sinh năm 1952
Chủ Tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

**Trình độ:**
Kỹ Sư Cơ khí.

**Quá trình công tác:**
Ông Lê Quang Doanh làm việc tại Công ty từ năm 1979 với chức vụ Phó Quản đốc. Năm 1987 Ông được bổ nhiệm là Phó Giám đốc Công ty. Năm 1996 Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty. Từ năm 2004, sau khi cổ phần hóa Công ty, Ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc và giữ các chức vụ này đến nay.

**Ông Nguyễn Hoàng Ngân**
Sinh năm 1962
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc

**Trình độ:**
Kỹ Sư Cơ Khí, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Quá trình công tác:**
Ông Nguyễn Hoàng Ngân làm việc tại Công ty từ năm 1988. Năm 1989 được đề bạt làm Phó phòng Kỹ thuật. Năm 1991, ông được bổ nhiệm Trưởng phòng kỹ thuật. Đến năm 1997 được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty. Từ năm 2004 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty. Từ năm 2007, Ông được biệt phái kiêm thêm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc.

**Bà Nguyễn Thị Kim Yến**
Sinh năm 1960
Thành viên Hội đồng Quản trị
Phó Tổng Giám đốc
Trưởng phòng Kinh doanh

**Trình độ:**
Cử nhân Kinh tế Công nghiệp, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**
Bà Nguyễn Thị Kim Yến làm việc tại Công ty từ năm 1981. Đến năm 1988, bà được bổ nhiệm làm Phó Phòng Kinh doanh. Năm 1998, Bà giữ vị trí Trưởng Phòng Kinh doanh. Năm 2004 là thành viên HĐQT – Trưởng Phòng Kinh doanh. Từ 2006 đến nay Bà là thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh.

**Bà Trang Thị Kiều Hậu**
Sinh năm 1959
Thành viên Hội đồng Quản trị
Kế toán trưởng

**Trình độ:**
Cử nhân Tài chính Kế toán

**Quá trình công tác:**
Bà Trang Thị Kiều Hậu làm việc tại Công ty từ năm 1985. Năm 1988 Bà được đề bạt là Phó phòng Tài vụ. Năm 1994 bà được bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài vụ Công ty. Từ năm 2004 đến nay Bà là Thành viên HĐQT - Kế Toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.

**Ông Bùi Quang Khôi**
Sinh năm 1960
Thành viên Hội đồng Quản trị
Giám đốc Nhà máy 1

**Trình độ:**
Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**
Ông Bùi Quang Khôi làm việc tại Công ty từ năm 1993. Đến năm 1997 Ông được đề bạt là Phó Quản đốc Xưởng. Năm 1999 đến 2003 ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhà máy 2. Từ năm 2004 đến 2009 ông là Thành viên Hội đồng Quản trị - Giám đốc Nhà máy 2. Từ năm 2010 đến nay ông là Thành viên Hội đồng Quản trị - Giám đốc Nhà máy 1.

# Ban Kiểm soát

**Bà Nguyễn Thị Phương Nga**
Sinh năm 1963
Trưởng Ban Kiểm soát
Trưởng phòng Tiếp thị

**Trình độ:**
Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**
Bà Nguyễn Thị Phương Nga làm việc tại Công ty từ năm 1982. Đến năm 1999, bà được đề bạt là Phó Phòng Kinh doanh. Năm 2004 bà là Thành viên Ban Kiểm soát - Phó Phòng Kinh doanh. Năm 2009 Bà là Trưởng Ban Kiểm soát - năm 2010 bà được bổ nhiệm là Trưởng phòng Tiếp thị.

**Bà Đinh Thị Nguyệt Hà**
Sinh năm 1959
Thành viên Ban Kiểm soát
Kế toán viên

**Trình độ:**
Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**
Bà Đinh Thị Nguyệt Hà làm việc tại Công ty từ năm 1979. Từ 2004 đến nay bà là Thành viên Ban Kiểm soát - Nhân viên phòng Tài chính Kế toán.

**Ông Nguyễn Kim Thượng**
Sinh năm 1959
Thành viên Ban Kiểm soát
Trưởng phòng Đầu tư Nghiên cứu và Phát triển

**Trình độ:**
Kỹ Sư Điện tử, Cử nhân Anh văn

**Quá trình công tác:**
Ông Nguyễn Kim Thượng làm việc tại Công ty từ năm 1983. Đến năm 1997, ông được đề bạt lần lượt là Phó phòng rồi Trưởng phòng Kỹ thuật trong cùng một năm. Từ năm 2004 đến nay Ông là thành viên Ban Kiểm soát - Trưởng phòng Đầu tư Nghiên cứu và Phát triển.

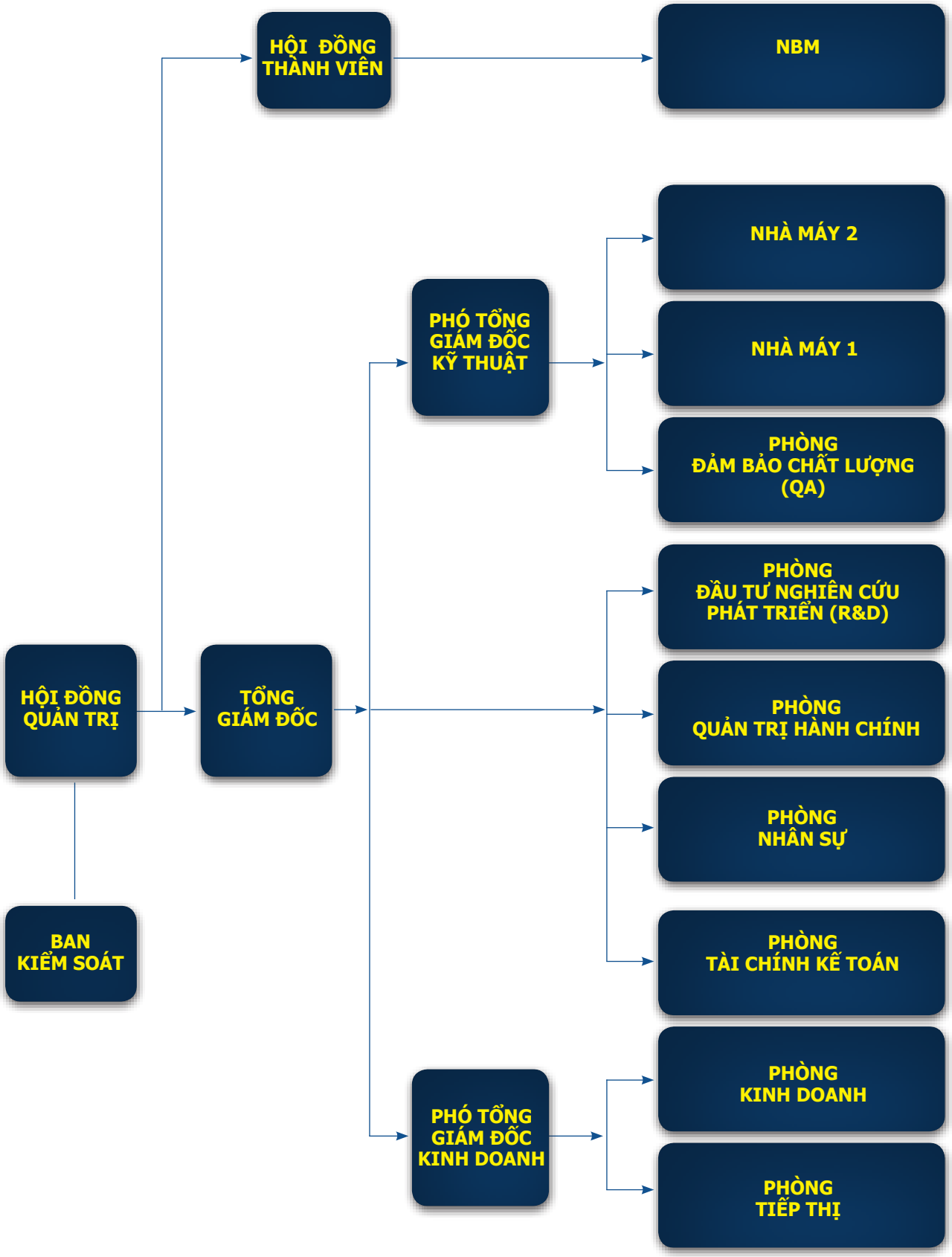
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
NBM
NHÀ MÁY 2
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
NHÀ MÁY 1
PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG (QA)
PHÒNG ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN (R&D)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÒNG QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH
PHÒNG NHÂN SỰ
BAN KIỂM SOÁT
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH
PHÒNG KINH DOANH
PHÒNG TIẾP THỊ

# Hệ thống các chi nhánh, Công ty con liên doanh, liên kết và đầu tư

1

2

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang - Phường 9 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84) 08 3969 0973 - Fax: (84) 08 3960 6814
www.binhminhplastic.com

### NHÀ MÁY 1
57 Nguyễn Đình Chi - Phường 9 - Quận 6 - Tp. HCM
Điện thoại: (84) 08 3969 0973

### NHÀ MÁY 2
Số 7 đường số 2 - Khu Công nghiệp Sóng Thần
Huyện Dĩ An - tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (84) 08 3896 8465

Đây là nhà máy chính của Công ty ở phía Nam với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu như Đức, Ý, Áo. Diện tích nhà xưởng, kho bãi đã xây dựng hoàn chỉnh là 45.000 $m^2$ trên tổng số 50.000 $m^2$ đất.

1. Trụ sở Công ty
2. Xưởng sản xuất Nhà máy 1
3. Nhà máy 2
4. Xưởng sản xuất Nhà máy 2

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đường D1 – Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A
Huyện Văn Lâm – Tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321.3 967 868

Nhận định khu vực phía Bắc là một thị trường xây dựng có tiềm năng phát triển rất lớn, trước sự đòi hỏi của khách hàng và được sự đồng thuận của Đại hội cổ đông năm 2006, Hội đồng Quản trị đã quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc (NBM) và được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006.

NBM tọa lạc tại đường D1 khu D Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên, điện thoại 0321.3967868, Fax 0321.3967869, có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, vốn đầu tư ban đầu 155 tỷ đồng do BMP đầu tư 100%.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007, có trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với diện tích 30.000$m^2$ trên tổng diện tích 40.000$m^2$, công suất thiết kế ban đầu 20.000 tấn/năm.

NBM đã gặp những khó khăn ban đầu khi thâm nhập thị trường mới nhưng đã rất nỗ lực để ổn định nguồn lực, khắc phục hạn chế và đã có những thành quả bước đầu.

## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010 CỦA NBM:

| CHỈ TIÊU | ĐVT | NĂM 2009 | NĂM 2010 | % TĂNG TRƯỞNG |
|---|---|---|---|---|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 91 | 114 | 25 |
| Lợi nhuận trước thuế | - | 08 | 14 | 75 |

Như vậy, chỉ sau một năm hoạt động, NBM đã có lãi và đến năm 2010 đã bù lỗ hoàn toàn được cho năm 2008.

Trong năm 2010, NBM đã hoàn thành dự án đầu tư xây dựng 10.000m$^2$ nhà xưởng, sân bãi để tiếp nhận dây chuyền thiết bị sản xuất ống HDPE đường kính đến 1.200mm từ BMP. Vào tháng 12/2010, NBM đã tổ chức thành công Hội thảo sử dụng ống nhựa trong ngành nước và khánh thành, đưa vào hoạt động dây chuyền ống nói trên.

NBM tiếp tục xây dựng thương hiệu và mở rộng mạng lưới phân phối tại thị trường miền Bắc. Hiện tại NBM đã có gần 100 cửa hàng phân phối sản phẩm tại thị trường này. Sản phẩm Nhựa Bình Minh ngày càng được nhiều khách hàng biết đến và ưa chuộng.

Năm 2011, NBM đặt kế hoạch tăng trưởng 50% doanh thu và sản lượng so với năm 2010.

Với chiến lược đúng đắn nhằm phát triển sản phẩm Nhựa Bình Minh trên thị trường cả nước, được sự hỗ trợ to lớn về mọi mặt từ BMP, bằng những nỗ lực của mình, NBM chắc chắn sẽ đạt được kết quả tốt đẹp trong tương lai.

# Hệ thống phân phối

## HỆ THỐNG PHÂN PHỐI CỦA CÔNG TY CP NHỰA BÌNH MINH

Vào những năm đầu thập niên 90, hệ thống phân phối của Nhựa Bình Minh mới được hình thành với 4 cửa hàng đầu tiên tại Tp.HCM. Trải qua các giai đoạn chuyển hướng đầu tư, củng cố và phát triển, đến nay hệ thống phân phối đã được xây dựng tại tất cả tỉnh thành trong cả nước với trên 500 cửa hàng chính thức và hàng trăm các cửa hàng khác có kinh doanh sản phẩm Nhựa Binh Minh, đặc biệt từ Thừa Thiên Huế trở vào Nam, hệ thống phân phối của Công ty đã được phủ kín khắp các tỉnh thành, tốc độ phát triển năm 2010 so với năm 2009 đạt trên 25%.

Hệ thống phân phối đã đưa sản phẩm Nhựa Bình Minh đến người tiêu dùng trong cả nước một cách thuận lợi, nhanh chóng, với chi phí thấp, giá hợp lý. Đối với khách hàng, hệ thống phân phối là những nhà tư vấn có kinh nghiệm, đồng thời chuyển những yêu cầu và mong muốn của thị trường đến Công ty, thực sự là cầu nối tin cậy từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng và ngược lại. Từ hệ thống này, Nhựa Bình Minh đã thu thập những sáng kiến, cải tiến sản phẩm và đề ra hàng loạt những chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Hiện nay Nhựa Bình Minh vẫn tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối, xây dựng văn hoá kinh doanh đặc thù Bình Minh với chủ trương: Tôn trọng - Bình đẳng và cùng chia sẻ với khách hàng nhằm mang lại lợi ích cho Công ty, khách hàng và người tiêu dùng.

Thông qua hệ thống phân phối, chúng tôi mong muốn gởi đến người tiêu dùng thông điệp "Nhựa Bình Minh không bán hàng bằng bất cứ giá nào, nhưng cam kết người tiêu dùng sẽ được phục vụ chu đáo bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào và chỉ cần một lần đầu tư, sẽ nhận được giá trị lâu bền về chất lượng".

Do đó sự phát triển bền vững của Nhựa Bình Minh luôn đồng hành với sự phát triển của hệ thống phân phối.

Các lĩnh vực hoạt động

# Giới thiệu thương hiệu - sản phẩm

“Ống Nhựa Bình Minh
hòa hợp với môi trường
ươm mầm sống tương lai”

**LÀ NHÀ SẢN XUẤT ỐNG NHỰA ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM, NHỰA BÌNH MINH HIỆN LÀ THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA. VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, NHỰA BÌNH MINH LUÔN TIÊN PHONG TRONG VIỆC ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MỚI NHẤT, HIỆN ĐẠI NHẤT ĐỂ TẠO RA NHỮNG SẢN PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ THAY THẾ CHO SẢN PHẨM NHẬP KHẨU, ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỊ TRƯỜNG, GÓP PHẦN ĐƯA NGÀNH NHỰA TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG NGÀNH KINH TẾ MŨI NHỌN CỦA ĐẤT NƯỚC, GIÚP NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM DỄ DÀNG TIẾP CẬN VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM THEO CHUẨN MỰC CỦA THẾ GIỚI.**

**+ ỐNG NHỰA PP-R** là sản phẩm đặc biệt với khả năng dẫn nước lạnh và chịu được nước nóng ở nhiệt độ lên đến 900$^{O}$C, hoàn toàn thay thế ống kim loại trong hệ thống dẫn nước nóng dân dụng và công nghiệp. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, sử dụng nguyên liệu polypropylene random (PP-R) đồng nhất, sản phẩm PP-R của Nhựa Bình Minh với màu xanh đặc trưng, sẽ mang đến cho người tiêu dùng sự an tâm về chất lượng, tuổi thọ sản phẩm tương đương với tuổi thọ công trình xây dựng (trên 50 năm). Bên cạnh đó, với dịch vụ hậu mãi chu đáo, thiết bị hàn đến cỡ ống lớn nhất (160mm) được cho mượn miễn phí để thi công đường ống, Nhựa Bình Minh đang mang dòng sản phẩm mới đạt tiêu chuẩn quốc tế này đến với người tiêu dùng Việt Nam, giúp cho cuộc sống của mỗi gia đình trở nên tiện nghi hơn.

**+ ỐNG TRƠN HDPE** với đường kính ống từ 16mm đến lớn nhất Việt Nam 1200mm là dãy sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 4427:2007. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của Đức, từ nguyên liệu polyethylene tỷ trọng cao PE80 và PE100, trơ với môi trường, thích hợp cho việc dẫn và phân phối nước sạch, thoát nước, tưới tiêu trong nông nghiệp.... Sản phẩm có có đặc tính dẻo, có thể uốn cong khi sử dụng, phù hợp với mọi địa hình, nhất là vùng cao nguyên. Bên cạnh đó, ống HDPE của Nhựa Bình Minh còn tham gia vào công trình ngầm hóa lưới điện của ngành điện lực. Kết nối bằng phương pháp hàn nhiệt, Nhựa Bình Minh luôn sẵn sàng cung cấp dịch vụ hàn ống và cho mượn máy hàn nhằm phục vụ khách hàng ngày một chu đáo và hiệu quả hơn.

**+ ỐNG GÂN HDPE THÀNH ĐÔI** sản xuất theo tiêu chuẩn EN13476-1:2000 & DIN16961, có đường kính từ 110mm đến 500mm trên thiết bị hiện đại của Canada, Nhựa Bình Minh tự hào là doanh nghiệp đầu tiên đưa công nghệ sản xuất ống "định hình chân không" tiên tiến trên thế giới ứng dụng tại Việt Nam. Với ưu điểm lớp ngoài được tạo gân giúp tăng độ cứng, lớp trong phẳng giúp thoát nước dễ dàng, làm cho ống có trọng lượng nhẹ nhưng chịu lực va đập cao, thuận tiện cho việc vận chuyển và lắp đặt, giá thành thấp. Bên cạnh đó việc sử dụng nguyên liệu HDPE có khả năng chống ăn mòn bởi các dung dịch hóa chất, sản phẩm hoàn toàn thích hợp sử dụng làm ống thoát nước cho các công trình dân dụng, hạ tầng và công nghiệp. Đặc biệt loại ống xẻ rãnh sử dụng thoát nước làm khô ráo nhanh bề mặt là một giải pháp tối ưu giải quyết việc tiêu thoát nước cho các công trình sân golf, sân vận động, đường cao tốc...

**+ ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ỐNG uPVC** với đặc tính dễ lắp đặt, thuần cứng, trơ với nhiều loại dung dịch hóa chất, tiện dụng, hoàn toàn thay thế ống sắt tráng kẽm, ống gang trong ngành cấp thoát nước và xây dựng dân dụng hiện nay trên thế giới. Đây là mặt hàng truyền thống và chủ lực của Công ty, với hơn 100 thiết bị sản xuất ống và phụ tùng hiện đại nhập từ châu Âu, Nhựa Bình Minh cung cấp cho thị trường dãy sản phẩm uPVC có đường kính từ 20mm đến 630mm theo các tiêu chuẩn: TCVN 6151:2002 (ISO4422:1996); BS 3505:1968, AS/NZS1477:2006, TCN 68-144:1995, ứng dụng trong nhiều lĩnh vực: cấp thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp... Sản phẩm đã được xuất khẩu sang Mỹ, Úc, Campuchia... Với chủ trương luôn đầu tư công nghệ hiện đại để có sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, người tiêu dùng, các nhà thầu, chủ đầu tư... sẽ luôn yên tâm về chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi do Nhựa Bình Minh cung cấp.

**+ NÓN BẢO HỘ LAO ĐỘNG** do Nhựa Bình Minh sản xuất là công trình cấp Nhà nước số 58.01.04.02 theo tiêu chuẩn TCVN2603-87. Sản phẩm đã góp phần mang đến cho công nhân hầm mỏ, công nhân xây dựng sự an toàn trong lao động. Với kiểu dáng đẹp, hiện đại, nhiều màu sắc để người tiêu dùng lựa chọn, Nhựa Bình Minh hy vọng sản phẩm sẽ được sử dụng rộng rãi hơn trong tương lai trên các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

**+ BÌNH PHUN THUỐC TRỪ SÂU** với các chủng loại BX-1, BX-4 và BX-5 do Nhựa Bình Minh sản xuất đầu tiên tại Việt Nam từ những năm 80 của thế kỷ trước đã trở thành người bạn đồng hành không thể thiếu của nhà nông, của các nghệ nhân hoa kiểng và những chủ nhà yêu cây cảnh. Với kiểu dáng đẹp, tiện dụng và chất lượng luôn được cải tiến, từ khi ra đời, sản phẩm bình phun thuốc trừ sâu của Nhựa Bình Minh chẳng những đã thay thế hoàn toàn sản phẩm nhập ngoại mà còn xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới. Sản phẩm đã giúp cho thương hiệu NHỰA BÌNH MINH đến với bà con nông dân và đưa hình ảnh của quê hương Việt Nam đến với cộng đồng quốc tế.

# Các hoạt động quảng bá thương hiệu

## KHÁNH THÀNH DỰ ÁN SẢN XUẤT ỐNG NHỰA HDPE ĐƯỜNG KÍNH LỚN NHẤT VIỆT NAM DN 1200

Vào tháng 8/2009 HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh đã ra quyết định đầu tư dây chuyền sản xuất ống HDPE với các size đường kính từ Φ710 đến Φ1200mm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 4427-2:2007 với mục đích phục vụ cho các dự án cấp thoát nước tại Việt Nam. Tổng giá trị đầu tư là 80 tỷ đồng. Đây là dây chuyền sản xuất ống lớn nhất và hiện đại nhất Việt Nam, được chế tạo bởi nhà sản xuất thiết bị lừng danh trên thế giới KRAUSS MAFFEI (Cộng hòa Liên bang Đức). Dây chuyền được đầu tư đồng bộ thiết bị từ khâu sản xuất đến hỗ trợ lắp đặt tại công trường.

Dây chuyền hoạt động hoàn toàn tự động, có năng suất cao, tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu đầu vào, sử dụng công nghệ đùn ống định hình chân không, khép kín từ khâu nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm hoàn chỉnh ở đầu ra. Đây là công nghệ tiên tiến trên thế giới, sạch và ít chất thải.

Việc đưa dây chuyền sản xuất đi vào hoạt động sẽ nâng tổng công suất của Công ty lên trên 70.000 tấn/năm, góp phần ổn định tốc độ tăng trưởng của Công ty từ 15% đến 20%/năm và đưa nền công nghiệp ống nhựa Việt Nam tiệm cận với thế giới.

Với định hướng chuyên môn hóa sản xuất tại các nhà máy, Ban Lãnh đạo Công ty đã quyết định lắp đặt toàn bộ dây chuyền trên tại Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên). Sau hơn một tháng tiến hành lắp đặt và nghiệm thu, dây chuyền đã được khánh thành vào ngày 17/12/2010.

## HOẠT ĐỘNG HỘI CHỢ -TRIỂN LÃM NĂM 2010

Ngay từ những năm đầu thập niên 90, khi đất nước vừa bước vào giai đoạn mở cửa của nền kinh tế thị trường, Công ty đã xác định việc tham gia HỘI CHỢ-TRIỂN LÃM là hoạt động tiếp thị không thể thiếu nhằm xây dựng và quảng bá thương hiệu Nhựa Bình Minh trên thị trường nội địa và trong khu vực. Đối với Công ty, hoạt động này được tiến hành xây dựng và phát triển thành một kênh trao đổi thông tin hiệu quả có tính tương tác cao, giúp người tiêu dùng hiểu rõ về các sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, đồng thời qua đó Công ty thu thập được thông tin về nhu cầu thị trường, mức độ thỏa mãn của khách hàng và người tiêu dùng dành cho các sản phẩm mang thương hiệu Nhựa Bình Minh.

Được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao liên tục từ năm 1997 đến nay là một minh chứng rõ ràng nhất cho tính hiệu quả của các hoạt động đầu tư của công ty trong lĩnh vực tổ chức hội chợ - triển lãm. Đó là giải pháp tốt nhất để tiếp cận người tiêu dùng một cách rộng rãi. Trong năm 2010, Công ty đã tham dự hơn 10 đợt hội chợ - triển lãm có uy tín cao ở trong và ngoài nước. Hình thức và nội dung hoạt động của gian hàng Nhựa Bình Minh tại các hội chợ - triển lãm có nhiều đổi mới, xứng tầm vị thế của một thương hiệu nổi tiếng. Các hoạt động này luôn tạo được thiện cảm, thu hút được sự quan tâm và đánh giá cao của các tổ chức lẫn cá nhân tham dự.

Năm 2011 và trong những năm tới đây, Nhựa Bình Minh sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn nữa khâu dịch vụ của mình. Một tổ phục vụ hàn ống chuyên nghiệp đã được thành lập với trang thiết bị mới nhất được đầu tư để thao tác trên mọi kích cỡ ống từ Ơ 20mm đến Ơ1200mm nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho khách hàng. Với tiêu chí "Một sản phẩm tốt nhưng không có những dịch vụ phù hợp song hành sẽ làm mất đi giá trị đích thực mà sản phẩm đó mang lại", Nhựa Bình Minh cam kết mang lại cả hai yếu tố "sản phẩm chất lượng và dịch vụ hoàn hảo" để đáp ứng tối đa nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng trên thị trường.

## HỘI NGHỊ HỆ THỐNG CỬA HÀNG TẠI HẠ LONG NĂM 2010

Vào tháng 5/2010 Nhựa Bình Minh tổ chức Hội nghị hệ thống Cửa hàng bán sản phẩm trên toàn quốc với gần 600 khách mời của trên 450 cửa hàng đã tập trung tại thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.

Chương trình hội nghị diễn ra trong 3 ngày tại hai địa điểm: thành phố du lịch Hạ Long và huyện đảo Cát Bà. Hội nghị là dịp để Nhựa Bình Minh gởi lời tri ân đến toàn bộ cửa hàng thuộc hệ thống phân phối. Với các cửa hàng, đây là cơ hội gặp gỡ giao lưu nhằm tăng cường sự hợp tác thương mại, chia sẻ kinh nghiệm, cũng là dịp mọi người cùng nghỉ ngơi thư giãn giữa thiên nhiên trong lành giúp phục hồi thể lực và tinh thần sau những ngày làm việc căng thẳng. Đây cũng là dịp để Công ty lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các cửa hàng nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ để ngày càng xứng đáng với sự tin tưởng của người tiêu dùng dành cho thương hiệu Nhựa Bình Minh.

## HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG KHU VỰC HUYỆN ĐẢO PHÚ QUỐC NĂM 2010

NHỰA BÌNH MINH là thương hiệu quen thuộc của người tiêu dùng tại Phú Quốc. Sản phẩm của Công

ty luôn được tin tưởng bởi độ bền, chất lượng cao và ổn định khi sử dụng sản phẩm.

Tháng 11 năm 2010, Nhựa Bình Minh đã tổ chức Hội nghị khách hàng tại huyện đảo Phú Quốc để tri ân hệ thống cửa hàng, người tiêu dùng - những Người đã hỗ trợ cho sự phát triển của thương hiệu Nhựa Bình Minh tại huyện đảo Phú Quốc, đồng thời lắng nghe những nhận xét của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Qua đó, Nhựa Bình Minh hiểu rõ hơn những nhu cầu thực tế của khách hàng để đáp ứng ngày một tốt hơn.

## CÔNG TÁC CHỐNG HÀNG GIẢ, HÀNG NHÁI

Như bất cứ một thương hiệu nổi tiếng nào trên thế giới, Nhựa Bình Minh cũng bị những cá nhân, đơn vị muốn trục lợi bất chính làm giả, nhái nhãn hiệu. Để chống lại tình trạng này nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, Công ty đã áp dụng đồng thời nhiều giải pháp:

### Biện pháp kỹ thuật:

- In phun điện tử các thông tin trên sản phẩm để chống việc giả nhãn hiệu.
- Khắc logo trên toàn bộ sản phẩm phụ kiện do Công ty sản xuất.
- Dán tem chống hàng giả lên sản phẩm.

### Biện pháp kinh doanh:

- Đưa vào quy chế ràng buộc tất cả các cửa hàng phải treo bảng hiệu Nhựa Bình Minh theo qui chuẩn thống nhất, chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về việc mua hàng trôi nổi, hàng nhái, hàng giả nhãn hiệu.
- Khuyến cáo khách hàng về việc mua hàng chính hãng tại các cửa hàng bán sản phẩm của Nhựa Bình Minh.
- Giúp khách hàng kiểm tra, xác nhận sản phẩm khi có dấu hiệu nghi ngờ.

### Biện pháp truyền thông:

- Thường xuyên gia các buổi nói chuyện, tư vấn và giải đáp thắc mắc trên các phương tiện thông đại chúng nhằm giúp người tiêu dùng phân biệt rõ hàng giả nhãn hiệu.
- Tham gia các hội chợ trưng bày sản phẩm giả của các tổ chức kinh tế và truyền thông.
- Khen thưởng, biểu dương các tổ chức và cá nhân đã phát hiện, tố giác hàng giả, hàng nhái nhãn hiệu sản phẩm của Công ty.

**Biện pháp hành chính:**

- Thành lập Ban chống hàng giả tại Công ty với đường dây nóng để thu thập thông tin từ người tiêu dùng.
- Gia nhập Câu lạc bộ chống hàng giả Việt Nam.
- Phối hợp với Thanh tra Bộ Khoa học Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, các Đội Quản lý thị trường và Công an kinh tế các tỉnh, thành phố xử lý những trường hợp làm giả, nhái sản phẩm.
- Đề nghị truy tố những cá nhân, tổ chức vi phạm.

BIỂN RỘNG ỐNG DÀI - Hàn ống công trình xử lý nước thải Tp. Đà Nẵng ngày 13/5/2009

## DỊCH VỤ HÀN ỐNG

Trong sản xuất kinh doanh, hai yếu tố luôn quyết định chi phối tới sự phát triển và lớn mạnh của thương hiệu đó là chất lượng và giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó dịch vụ sau bán hàng đóng vai trò duy trì sức sống của sản phẩm và giá trị của thương hiệu, là cam kết của nhà sản xuất với người tiêu dùng. Ý thức được điều đó, Nhựa Bình Minh đã tiên phong trong công tác dịch vụ sau bán hàng của mình để củng cố niềm tin vững chắc nơi người tiêu dùng về một thương hiệu Quốc gia, chất lượng và chu đáo cả trước, trong và sau bán hàng.

Nhựa Bình Minh sản xuất và cung ứng ra thị trường sản phẩm ống HDPE và PP-R không phải là sớm nhất nhưng cho tới nay dòng sản phẩm này đang phát triển nhanh và mạnh, chiếm giữ được nhiều cái nhất như: Sản phẩm HDPE có đường kính lớn nhất sản xuất tại Việt Nam (đường kính 1200mm), sản phẩm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong dòng sản phẩm của Công ty. Đặc biệt với dịch vụ hướng dẫn thi công, hàn ống, cho mượn máy hàn hoàn toàn miễn phí đã làm hài lòng tất cả những khách hàng sử dụng hai dòng sản phẩm này, đồng thời tác phong làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình hiệu quả của đội ngũ thực hiện dịch vụ đã mang tới cho khách hàng sự an tâm và tin tưởng khi sử dụng sản phẩm của Nhựa Bình Minh.

Năm 2011 và những năm tiếp theo Nhựa Bình Minh sẽ không ngừng hoàn thiện hơn nữa mảng dịch vụ của mình. Một tổ phục vụ hàn ống chuyên nghiệp đã được thành lập, máy móc thiết bị mới nhất được đầu tư cho đủ các cỡ ống từ Φ 20mm đến Φ 1200mm nhằm mang tới hiệu quả và lợi ích cao nhất cho khách hàng. Với ý thức: "Một sản phẩm tốt nhưng không có những dịch vụ phù hợp kèm theo sẽ mất đi giá trị đích thực mà sản phẩm đó mang lại", Nhựa Bình Minh cam kết mang lại cả hai yếu tố "sản phẩm chất lượng và dịch vụ hoàn hảo" để đáp ứng tối đa nhất những gì khách hàng mong muốn.

# Các hoạt động và thành tích nổi bật trong năm

## CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT

- Là đơn vị sản xuất ống nhựa duy nhất tiếp tục được Chính phủ Việt Nam lựa chọn tham gia chương trình "THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA" lần 2. Chương trình này được bắt đầu từ năm 2008.
- Lần thứ 6 được Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng giải thưởng "SAO VÀNG ĐẤT VIỆT".
- Là đơn vị sản xuất ống nhựa duy nhất liên tục từ năm 1997 đến nay (15 lần) được Người tiêu dùng bình chọn "HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO".
- Dẫn đầu danh sách "NHỮNG CÔNG TY VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ NHẤT" năm 2010 của Profiles International Việt Nam với tỷ trọng doanh thu/CNV trong năm là 2,5 tỷ đồng.
- Là DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM năm 2010.
- Là một trong 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM.

BM PLASCO
NHỰA BÌNH MINH

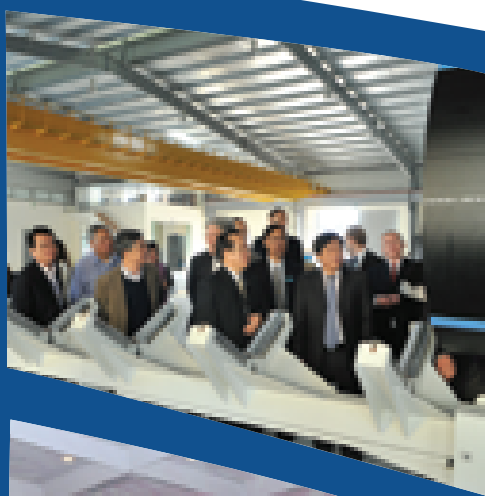

## CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÁNG CHÚ Ý TRONG NĂM 2010

- Ngày 14/5 : Hội nghị khách hàng tại Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Ngày 21/5 : Đại hội Đảng bộ Công ty.
- Ngày 17/7 : Đại hội Công đoàn Công ty.
- Ngày 13/9 : Ký kết hợp đồng nguyên tắc đầu tư vào KCN Vĩnh Lộc A, Tỉnh Long An.
- Ngày 03/10 : Hội thao PCCC toàn Công ty.
- Ngày 20/10 : Khánh thành nhà ở tập thể cho CNV tại Bình Dương.
- Ngày 12/11 : Hội nghị khách hàng khu vực Phú Quốc.
- Ngày 27/11 : Lễ Kỷ niệm 10 năm ngày nhận giấy Chứng nhận ISO.
- Ngày 28/11 : Đại hội Đoàn thanh niên Công ty.
- Ngày 16, 17/12 : Hội thảo chuyên đề ống nhựa dùng cho ngành cấp thoát nước tại Hà Nội và khánh thành dây chuyền sản xuất ống HDPE 1200mm tại Hưng Yên.

# Quan hệ cộng đồng

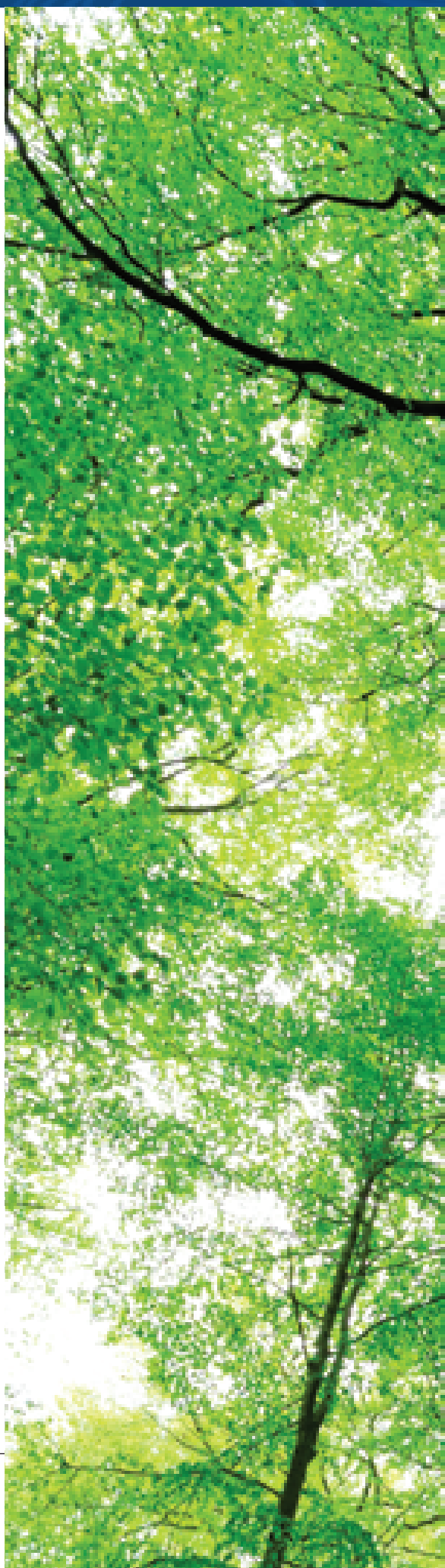

## TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

Ý thức được trách nhiệm đối với xã hội, ngoài nỗ lực kinh doanh để đóng góp vào sự phát triển cho đất nước, Công ty luôn nghiêm chỉnh trong việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó Nhựa Bình Minh luôn chia sẻ khó khăn với cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội như đóng góp cứu trợ thiên tai, bão lụt, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa với số lượng bình quân 3 căn nhà mỗi năm. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ về việc cứu trợ cho người dân nước Nhật đang chịu ảnh hưởng nặng nề từ trận động đất, sóng thần ngày 11/3/2011, Công ty đã trích 30 triệu đồng từ quỹ phúc lợi để đóng góp cho Hội chữ thập đỏ thành phố. Việc làm nhỏ này đã trở thành truyền thống của Công ty từ nhiều năm nay.

Từ 10 năm nay Nhựa Bình Minh duy trì phụng dưỡng 5 Mẹ Việt Nam Anh Hùng, 3 Mẹ Liệt sĩ, 1 gia đình thương binh, 1 con công nhân có hoàn cảnh khó khăn.

Phong trào hiến máu nhân đạo được phát động và duy trì từ 7 năm nay với tổng cộng có hơn 700 lượt người tham gia hiến máu. Có những câu chuyện cảm động đã nảy sinh từ phong trào này tại Công ty:

"Ý THỨC ĐƯỢC TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI, NHỰA BÌNH MINH LUÔN CHIA SẺ KHÓ KHĂN VỚI CỘNG ĐỒNG THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI."

Một khách hàng đã gọi điện đến Công ty xin giúp loại máu hiếm cho người thân đang điều trị tại bệnh viện. Trong Công ty có hai cán bộ có loại máu này đã sẵn sàng đến hiến ngay nhưng vẫn không cứu được người bệnh. Điều này đã thôi thúc và càng giúp cho CBCNV Công ty nhận thức được tầm quan trọng của việc hiến máu cứu người.

Có hai vợ chồng công nhân của Công ty năm nào cũng hiến máu vì có mẹ già phải chạy thận lọc máu. Hơn ai hết họ hiểu và tri ân những người đã vì mẹ mình bằng cách hiến lại những giọt máu của mình.

Phong trào hiến máu của Nhựa Bình Minh đã thu hút được cả địa phương nơi Công ty trú đóng cùng tham gia. Tổng giá trị thực hiện cho công tác xã hội trong năm 2010 đạt gần 700 triệu đồng.

## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Là một doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, Nhựa Bình Minh luôn chú trọng đến công tác môi trường. Ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về tiếng ồn, nước thải, phân loại rác thải, Công ty luôn áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến nhằm sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao thân thiện với môi trường. Ý thức trách nhiệm của mình đối với môi trường sống chung của Công ty và xã hội, Công ty đang hướng tới xây dựng và áp dụng hệ thống ISO 14000 về quản lý môi trường.

# Hệ thống quản lý chất lượng

Sau 10 năm xây dựng, hoạt động, cải tiến và duy trì tốt, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Công ty được lãnh đạo Công ty đánh giá ngày càng tiệm cận với các hoạt động quản lý doanh nghiệp, là một trong những công cụ quản lý tốt của Công ty. Quản lý chất lượng ISO 9000 giúp cho các hoạt động của Công ty ngày càng bài bản hơn trong các khâu hoạch định - thực hiện - kiểm tra - cải tiến, xây dựng và duy trì Văn hóa Bình Minh góp phần tạo nên lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững cho Công ty.

Trong năm 2011, Công ty sẽ thực hiện việc xây dựng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14000 nhằm góp phần vào việc giữ gìn môi trường chung của toàn xã hội, tiết kiệm tài nguyên... Hệ thống này sẽ được tích hợp vào hệ thống ISO 9000 của Công ty.

# Văn hoá doanh nghiệp - Nguồn lực nội tại

## VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Ngay từ khi mới hình thành tên gọi Nhựa Bình Minh, CBCNV ở đây đã gắn kết với nhau như người một nhà. Tình cảm của những người công nhân mà đa số là người Hoa đối với Ban lãnh đạo thật giản dị mà sâu sắc khi họ nhìn thấy người Lãnh đạo chia sẻ từng con cá khô, từng gói đường cho bữa ăn tập thể; Khi họ cùng đồng cam cộng khổ, cuốc đất, cày thuê nhằm cải thiện cuộc sống. Đối lại, người Lãnh đạo thấy mình có trách nhiệm phải làm sao cho công nhân có thêm bữa tươi, thêm đồng lương, thêm công việc làm. Cứ thế Nhựa Bình Minh đã đứng vững qua những ngày gian khó, cùng nhau thắt lưng buộc bụng đi lên, gây dựng Công ty đi từ không đến có. Quá khứ đã qua, thiếu ăn, thiếu mặc đã lùi xa. Cái còn ở lại ngày càng phát triển rực rỡ hơn, chính là văn hoá Bình Minh.

**ĐOÀN KẾT:** Là điều mà nói đến Nhựa Bình Minh ai cũng phải nhắc đến. Ở đây không có cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược, nhưng cũng không có cảnh nói theo một chiều. Chúng tôi vẫn thuyết phục, đấu tranh cho cái đúng để cùng nhau thực hiện một cách đồng lòng.

**TRI ÂN QUÁ KHỨ:** Ôn cố tri tân là những điều luôn được nhắc đến tại Nhựa Bình Minh. Những bài học kinh nghiệm mà thế hệ trước để lại được dùng làm hành trang cho thế hệ sau. Mỗi công sức, mỗi thành quả của thế hệ trước để lại đều được trân trọng biết ơn ở thế hệ sau. Nhờ đó nhịp cầu nối giữa quá khứ và hiện tại trở nên vững bền, thấm đẫm đạo lý "uống nước nhớ nguồn" trong từng người Bình Minh.

**VỮNG VÀNG HIỆN TẠI:** Bản lĩnh trong việc giải quyết những bài toán mâu thuẫn với nhau về thị trường và hiệu quả, cạnh tranh và đồng nghiệp, Nhựa Bình Minh đã không ngừng giúp đỡ những bạn bè xung quanh cùng tiến. Văn hóa kinh doanh riêng biệt tạo nên bản sắc độc đáo ở chỗ thương trường không là chiến trường. Qua đó, khách hàng tìm thấy ở Nhựa Bình Minh một nhà cung cấp biết tôn trọng, bình đẳng và đặc biệt là sự chia sẻ vui buồn để ngày càng gắn bó hơn. Người Bình Minh ai cũng sẵn sàng thực hiện câu: "một miếng khi đói bằng một gói khi no" với việc mở lòng ra hòa nhập với cộng đồng.

**TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI:** Trong bất cứ hoàn cảnh nào, sự tự tin đã thể hiện rất rõ trong Ban lãnh đạo của Nhựa Bình Minh. Những người Lãnh đạo luôn củng cố niềm tin của CBCNV bằng định hướng đúng đắn, bằng kế hoạch chuẩn bị cơ sở hạ tầng, điều kiện vật chất, nguồn lực chu đáo để bước tiếp trên con đường phát triển Nhựa Bình Minh thành một tập đoàn lớn mạnh tại Việt Nam và chinh phục các nước bên ngoài.

## Các hoạt động văn hóa trong năm 2010

Qua các hoạt động thường niên, Văn hóa Bình Minh luôn luôn được duy trì, nhằm tôn lên những giá trị văn hóa truyền thống, qua đó nâng cao nhu cầu về cuộc sống và tinh thần cho cán bộ công nhân viên tạo cho họ sự phấn khởi, gắn bó với Công ty. Trong năm 2010 Công ty đã tổ chức các hoạt động văn hóa sau:

Hội thi nấu ăn, cắm hoa được tổ chức vào ngày 8/3 nhằm tôn vinh những mẹ, người vợ trong gia đình với chủ đề "bữa cơm gia đình".

Hội thi văn nghệ chào mừng Đại hội công đoàn nhiệm kỳ 15

Hội thao PCCC được tổ chức vào tháng 10 hằng năm nhằm nâng cao kỹ năng và ý thức về PCCC của người lao động.

Hội thảo chuyên đề: "Phụ nữ Bình Minh với văn hóa Công ty" nhân ngày 20/10/2010.

Ngày hội kỷ niệm 10 năm hoạt động ISO với chủ đề "Văn hoá Bình Minh và Hệ thống quản lý chất lượng".

Ngày hội hiến máu lần thứ 7 được tổ chức vào ngày 21/1/2011, nhằm nâng cao nhận thức của người lao động về tầm quan trọng và nghĩa cử cao đẹp của việc hiến máu cứu giúp những bệnh nhân đang cần máu.

Bên cạnh các hoạt động văn hóa chung của Công ty, các câu lạc bộ theo sở thích cũng được chú trọng phát triển như câu lạc bộ cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, khiêu vũ...

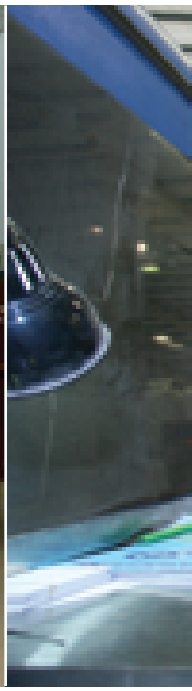

## NGUỒN LỰC NỘI TẠI

### Lao động

Lao động của Công ty có cơ cấu như sau:

**LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ**

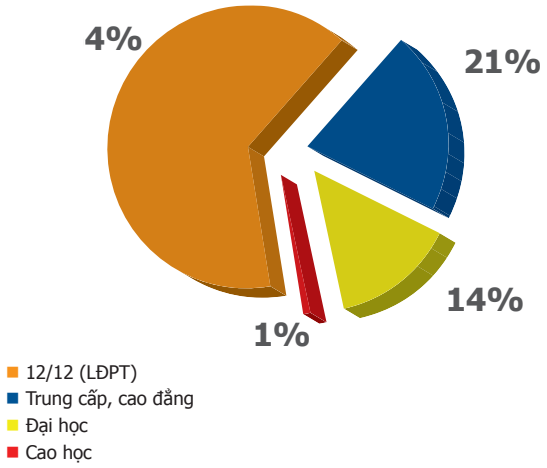


**CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH**

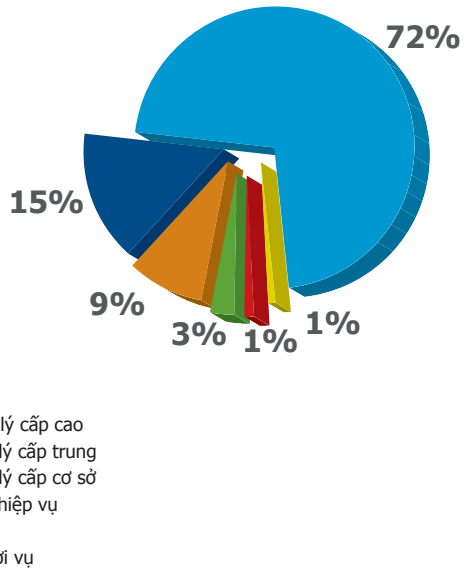


Lao động phổ thông của Công ty cũng đã đạt trình độ tối thiểu từ PTTH trở lên. Những người thuộc thế hệ cũ cũng cố gắng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Điều đó cho thấy Công ty rất chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo để đảm bảo nguồn lực luôn có chất lượng cao đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao về kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh.

Mặc dù Công ty Nhựa Bình Minh có tuổi đời khá lớn (đến nay đã 33 năm) nhưng độ tuổi lao động của Công ty thì ngày càng được trẻ hóa. Tỷ lệ các độ tuổi trong Công ty được trải đều đảm bảo sự cân bằng, hài hòa giữa thế hệ trẻ nhiệt huyết, năng động nhưng ít kinh nghiệm và thế hệ lớn hơn có kiến thức vững chắc, chín chắn, giàu kinh nghiệm.

## LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI

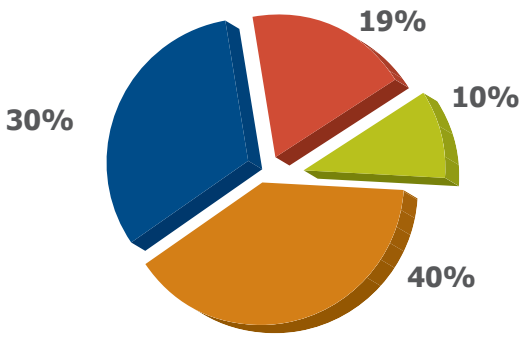


*Bộ máy quản lý của Công ty tinh gọn, hiệu quả, được trải đều, cân đối giữa các vị trí công việc trong Công ty.*

Tỷ trọng doanh thu/CNV của Công ty trong các năm qua tăng bình quân 21%/năm. Số liệu này cho thấy chính sách quản lý và sử dụng nguồn lực của Công ty có hiệu quả cao, linh hoạt, phù hợp với thực tế. Đội ngũ lao động có chất lượng cao luôn được huấn luyện, đào tạo đáp ứng được tốc độ phát triển Công ty.

## TỶ TRỌNG DOANH THU/CNV TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

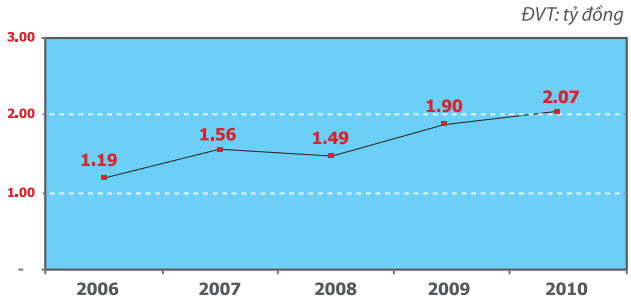


### Các chính sách cho người lao động

Nguồn nhân lực chính là tài sản vô giá của doanh nghiệp, ý thức được điều này Công ty luôn chú trọng đến các chế độ, chính sách chăm lo cho người lao động. Ngoài những chính sách chế độ theo quy định của Nhà Nước, Công ty còn có các chính sách riêng có lợi cho người lao động, được quy định cụ thể trong thỏa ước lao động tập thể như chính sách lương khi nghỉ thai sản, ốm đau, hiếu hỉ, chính sách nghỉ dưỡng du lịch hằng năm....

### Chính sách lương - thưởng

Công ty luôn cố gắng duy trì thu nhập cho người lao động một cách ổn định ở mức khá so với mặt bằng lương hiện nay, tạo được tâm lý ổn định nên họ yên tâm và gắn bó lâu dài với Công ty.

### Chính sách chăm sóc sức khỏe

Trong năm 2010 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho từng CBCNV trong Công ty trên hệ thống máy vi tính, tư vấn cho những cá nhân có những bất thường về sức khỏe, yêu cầu khám kiểm tra lại nhằm phát hiện bệnh sớm kịp thời chữa trị.

Bên cạnh việc thăm khám sức khoẻ, Công ty đã chi hơn 200 triệu đồng để trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và nâng mức bồi dưỡng độc hại cho công nhân tăng từ 4.000đ lên 8.000đ theo quy định mới của Nhà nước. Bếp ăn tập thể của Công ty cũng được thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm nào tại 2 bếp ăn tập thể.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động với chi phí trên 130 triệu đồng/năm.

### Chính sách huấn luyện đào tạo

Công tác đào tạo tại Nhựa Bình Minh luôn được quan tâm hàng đầu. Các nội dung đào tạo chủ yếu chuyên sâu vào nội dung quản lý, chuyên môn của từng phòng ban, nhà máy. Tổng số giờ huấn luyện của năm 2010 là 702 giờ, Tổng số lượt người tham dự đào tạo là 445 lượt người. Ngoài các khoá đào tạo, huấn luyện tập trung. Công ty còn có các chương trình hỗ trợ học phí, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tự đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, tay nghề.

### Chương trình cán bộ quản lý tập sự và thực tập sinh

Ngoài những chính sách hỗ trợ, khuyến khích người lao động học tập vươn lên trong công việc, ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ quản lý.

Từ năm 2009 Công ty đã ban hành quy chế cán bộ quản lý tập sự nhằm lựa chọn và đào tạo nguồn cán bộ quản lý kế cận có chất lượng phù hợp cho Công ty, bảo đảm tính ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, làm nhân tố cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm 2010 Công ty đã đào tạo 06 cán bộ quản lý tập sự và đã có quyết định bổ nhiệm chính thức. Việc thực hiện Quy chế cán bộ tập sự bước đầu đã giúp tạo nguồn cán bộ cho việc bố trí luân chuyển cán bộ và chuẩn bị nguồn lực đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng qui mô Công ty.
Ngoài ra, Công ty còn ban hành quy chế về thực tập sinh để thông qua đó tạo mối liên kết, bổ trợ kiến thức và thực tiễn giữa Công ty với các cơ sở đào tạo làm tiền đề cho việc tuyển dụng nhân viên trẻ, năng động có trình độ học vấn cao phù hợp với yêu cầu của Công ty.

## Chính sách khác

Cấp Học bổng Nguyễn Đức Cảnh và tổ chức các chương trình trại hè hằng năm cho con em cán bộ công nhân viên đạt thành tích cao trong học tập.

Tặng quà ngày tết thiếu nhi, trung thu cho toàn thể con em cán bộ công nhân viên Công ty.
Tặng quà ngày 08/3, ngày 20/10 cho các cán bộ công nhân viên nữ.

Tặng quà ngày 22/12 cho cán bộ công nhân viên từng là quân nhân trong các lực lượng vũ trang.

## Tổ chức phát huy sáng kiến

Hằng năm Công ty đều phát động phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến công việc, Trong năm 2010, có 44 sáng kiến đăng ký, 80% thuộc lĩnh vực sản xuất, 20% còn lại thuộc lĩnh vực quản lý và nghiệp vụ. Đã có 30 sáng kiến được công nhận, ước tính làm lợi cho Công ty trên 200 triệu đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Báo cáo tài chính
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

BÁO CÁO
KIỂM TOÁN
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

## KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 02 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

| TÊN CÔNG TY | ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO | NGÀNH HOẠT ĐỘNG | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|---|---|---|---|
| Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp | Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su | 100% |

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Danh sách các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

| | |
|---|---|
| Ông Lê Quang Doanh | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Hoàng Ngân | Phó Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Kim Yến | Thành viên |
| Bà Trang Thị Kiều Hậu | Thành viên |
| Ông Bùi Quang Khôi | Thành viên |

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc:

| | |
|---|---|
| Ông Lê Quang Doanh | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hoàng Ngân | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Kim Yến | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát:

| | |
|---|---|
| Bà Nguyễn Thị Phương Nga | Trưởng Ban |
| Ông Nguyễn Kim Thượng | Thành viên |
| Bà Đinh Thị Nguyệt Hà | Thành viên |

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Quang Doanh
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2011

Số : 82/BCKT/TC

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

***Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh***

*Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*
*Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh*

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 03/03/2011 và được trình bày kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

## *CƠ SỞ Ý KIẾN*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

## *Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**
**Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**
**Giám đốc**

Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

**Kiểm toán viên**

Nguyễn Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 1266/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2011

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

## Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|---|
| **A . TÀI SẢN NGẮN HẠN** | 100 | | **708.383.063.586** | **550.256.649.595** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | 110 | V.1 | **66.990.563.221** | **94.337.022.992** |
| 1. Tiền | 111 | | 32.990.563.221 | 38.437.022.992 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 34.000.000.000 | 55.900.000.000 |
| **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | 120 | V.2 | **15.840.909.091** | **17.400.000.000** |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 22.000.000.000 | 23.000.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (6.159.090.909) | (5.600.000.000) |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | 130 | | **300.720.716.687** | **134.653.360.094** |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 183.186.503.128 | 127.400.349.590 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 118.221.938.742 | 6.933.599.354 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | V.3 | 294.733.700 | 1.418.818.188 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (982.458.883) | (1.099.407.038) |
| **IV. Hàng tồn kho** | 140 | V.4 | **305.165.925.783** | **269.550.928.865** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 305.165.925.783 | 269.550.928.865 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | 150 | | **19.664.948.804** | **34.315.337.644** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.311.468.000 | 1.010.015.800 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | | 570.902.177 | 4.451.177.852 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.5 | 892.884.337 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.6 | 16.889.694.290 | 28.854.143.992 |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | 200 | | **273.770.378.931** | **273.993.154.757** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | 210 | | - | - |
| **II. Tài sản cố định** | 220 | V.7 | **265.448.923.016** | **265.580.812.749** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 228.260.385.382 | 233.425.237.707 |
| - Nguyên giá | 222 | | 519.078.067.257 | 472.707.999.830 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (290.817.681.875) | (239.282.762.123) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

## Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|---|
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 31.367.854.362 | 32.130.105.042 |
| - Nguyên giá | 228 | | 35.996.185.657 | 35.996.185.657 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.628.331.295) | (3.866.080.615) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.9 | 5.820.683.272 | 25.470.000 |
| **III. Bất động sản đầu tư** | 240 | | - | - |
| - Nguyên giá | 241 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| **IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | 250 | V.10 | **8.125.000.000** | **8.155.000.000** |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 8.125.000.000 | 8.155.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | 260 | | **196.455.915** | **257.342.008** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.15 | 196.455.915 | 257.342.008 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | | | - | |
| **VI. Lợi thế thương mại** | 269 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | 270 | | **982.153.442.517** | **824.249.804.352** |

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

## Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|---|
| **A. NỢ PHẢI TRẢ** | 300 | | **129.662.570.843** | **152.344.787.536** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | 310 | | **128.257.535.392** | **151.306.364.225** |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.11 | 12.268.000.000 | 11.260.221.392 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 62.204.807.611 | 111.254.152.062 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 2.939.249.482 | 881.772.274 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.12 | 13.193.530.314 | 7.082.650.560 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 10.570.736.570 | 8.298.486.044 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.13 | 8.656.717.052 | 5.307.137.716 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.14 | 3.469.146.082 | 1.703.572.059 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 14.955.348.281 | 5.518.372.118 |
| **II. Nợ dài hạn** | 330 | | **1.405.035.451** | **1.038.423.311** |
| 1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 1.405.035.451 | 1.038.423.311 |
| **B. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | 400 | | **852.490.871.674** | **671.905.016.816** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | 410 | V.16 | **852.490.871.674** | **671.905.016.816** |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sỡ hữu | 411 | | 348.763.720.000 | 347.691.920.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.592.782.700 | 1.592.782.700 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 290.952.267.247 | 130.864.228.602 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 37.367.097.752 | 18.485.564.387 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 27.096.149.211 | 16.796.149.211 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 146.718.854.764 | 156.474.371.916 |
| **II. Nguồn kinh phí** | 430 | | - | - |
| **C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ** | 439 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | 440 | | **982.153.442.517** | **824.249.804.352** |

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | |
| 5. Ngoại tệ các loại | | | |
| + USD | | 58.821,23 | 93.064,23 |
| + EUR | | 11.535,00 | 2.085,90 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | | |

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Phùng Hữu Luận | Trang Thị Kiều Hậu | Lê Quang Doanh |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2011

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

## Năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | VI.1 | **1.441.655.094.939** | **1.156.149.641.356** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 24.794.752.221 | 12.995.957.619 |
| **3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **10** | VI.3 | **1.416.860.342.718** | **1.143.153.683.737** |
| **4. Giá vốn hàng bán** | **11** | VI.4 | **1.035.350.522.823** | **806.603.438.469** |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **20** | | **381.509.819.895** | **336.550.245.268** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.5 | 10.401.583.569 | 4.173.819.971 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.6 | 7.239.080.616 | 3.348.265.069 |
| *Trong đó: Chi phí lãi vay* | 23 | | *1.130.064.900* | *2.229.277.877* |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 39.347.852.704 | 25.271.305.819 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 33.045.935.102 | 28.447.926.885 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **30** | | **312.278.535.042** | **283.656.567.466** |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 1.503.218.514 | 1.528.309.440 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 50.404.124 | 20.659.406 |
| **13. Lợi nhuận khác** | **40** | | **1.452.814.390** | **1.507.650.034** |
| **14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh** | | | - | - |
| **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **50** | | **313.731.349.432** | **285.164.217.500** |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.7 | 38.372.731.116 | 35.445.777.279 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.8 | 60.886.093 | (200.814.195) |
| **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | **60** | | **275.297.732.223** | **249.919.254.416** |
| *18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số* | | | - | - |
| *18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ* | | | *275.297.732.223* | *249.919.254.416* |
| **19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | | VI.9 | **7.894** | **7.223** |

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Phùng Hữu Luận | Trang Thị Kiều Hậu | Lê Quang Doanh |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2011

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | 01 | **313.731.349.432** | **285.164.217.500** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản*** | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 53.707.370.042 | 44.928.770.996 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 442.142.754 | (4.324.046.731) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 269.442.356 | 91.410.138 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (10.560.994.240) | (4.132.325.450) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 1.130.064.900 | 2.229.277.877 |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | 08 | **358.719.375.244** | **323.957.304.330** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (163.304.150.278) | (36.286.667.965) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (35.614.996.918) | (80.774.494.256) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (38.548.336.961) | 102.314.753.648 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (301.452.200) | (229.690.967) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (768.651.594) | (2.189.037.844) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (33.312.778.925) | (31.219.615.692) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 155.609.165.340 | 17.262.902.633 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (159.011.581.449) | (51.758.929.562) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | 20 | **83.466.592.259** | **241.076.524.325** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (53.625.223.933) | (92.977.968.124) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 327.984.091 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (1.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 1.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 30.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 10.282.753.773 | 4.132.325.450 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | 30 | **(41.984.486.069)** | **(89.845.642.674)** |

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 4.808.182.700 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 12.175.600.832 | 53.366.370.074 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (11.167.822.224) | (90.641.392.903) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (69.752.744.000) | (42.550.457.500) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | 40 | **(68.744.965.392)** | **(75.017.297.629)** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ** | 50 | **(27.262.859.202)** | **76.213.584.022** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | 60 | **94.337.022.992** | **18.123.438.970** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (83.600.569) | - |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ** | 70 | **66.990.563.221** | **94.337.022.992** |

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Phùng Hữu Luận | Trang Thị Kiều Hậu | Lê Quang Doanh |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2011

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2010

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 02 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

| TÊN CÔNG TY | ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO | NGÀNH HOẠT ĐỘNG | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|---|---|---|---|
| Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp | Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su | 100% |

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Cơ sở hợp nhất**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất: các số dư trong nội bộ Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị được đầu tư.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và

các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|---|---|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 – 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 – 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 41 – 50 năm |

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2010<br>VND | 01/01/2010<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 582.639.424 | 451.409.331 |
| Tiền gửi ngân hàng | 32.407.923.797 | 37.985.613.661 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) | 34.000.000.000 | 55.900.000.000 |
| **Cộng** | **66.990.563.221** | **94.337.022.992** |

### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

| | Số lượng cổ phần | 31/12/2010<br>VND | Số lượng cổ phần | 01/01/2010<br>VND |
|---|---|---|---|---|
| Chứng khoán đầu tư ngắn hạn | | 22.000.000.000 | | 22.000.000.000 |
| *+ Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt (chứng chỉ quỹ)* | *180* | *18.000.000.000* | *180* | *18.000.000.000* |
| *+ Công ty CP Nhựa Tân Tiến* | *20.000* | *4.000.000.000* | *20.000* | 4.000.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | - | | 1.000.000.000 |
| *+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng* | | - | | *1.000.000.000* |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (6.159.090.909) | | (5.600.000.000) |
| **Cộng** | | **15.840.909.091** | | **17.400.000.000** |

### 3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2010<br>VND | 01/01/2010<br>VND |
|---|---|---|
| BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên | 74.396.700 | 120.104.871 |
| Cho mượn nguyên vật liệu | - | 1.127.582.064 |
| Cho Công đoàn Công ty mượn tiền | - | 150.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 220.337.000 | 21.131.253 |
| **Cộng** | **294.733.700** | **1.418.818.188** |

## 4. Hàng tồn kho

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Hàng mua đang đi đường | 2.477.416.080 | 48.864.389.466 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 109.892.665.529 | 81.695.255.330 |
| Công cụ, dụng cụ | 852.201.047 | 1.209.649.032 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 77.231.709.873 | 54.632.446.572 |
| Thành phẩm | 90.157.719.151 | 67.527.084.149 |
| Hàng hóa | 24.554.214.103 | 15.622.104.316 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | **305.165.925.783** | **269.550.928.865** |

## 5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Thuế xuất, nhập khẩu | 40.838.483 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa ở Công ty CP Nhựa Bình Minh | 852.045.854 | - |
| **Cộng** | **892.884.337** | - |

## 6. Tài sản ngắn hạn khác

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Tạm ứng | 472.308.233 | 93.230.000 |
| Ký quỹ, ký cược (*) | 16.340.462.950 | 28.646.045.830 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 76.923.107 | 114.868.162 |
| **Cộng** | **16.889.694.290** | **28.854.143.992** |

*(*) Chi tiết ký quỹ ký cược tại ngày 31/12/2010 như sau:*

| Ngân hàng ký quỹ | Mục đích ký quỹ | Nguyên tệ | Số tiền VND |
|---|---|---|---|
| Ngân hàng Công thương - Chi nhánh 06 | Thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị và khuôn phụ tùng | 342,236.67 USD | 6.479.224.636 |
| Ngân hàng Công thương - Chi nhánh 06 | Thanh toán nhập khẩu thiết bị hoàn chỉnh sản xuất ống | 395,511.26 EUR | 9.841.902.194 |
| Ngân hàng Công thương - Chi nhánh 06 | Ký quỹ bảo lãnh | | 19.336.120 |
| | **Cộng** | | **16.340.462.950** |

## 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

*Đơn vị tính: VND*

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | | |
| Số dư đầu năm | 66.762.799.158 | 392.709.515.679 | 9.544.096.722 | 3.691.588.271 | 472.707.999.830 |
| Số tăng trong năm | 3.548.040.909 | 42.698.574.034 | 1.300.281.818 | 283.113.900 | 47.830.010.661 |
| *- Mua sắm mới* | *3.548.040.909* | *42.698.574.034* | *1.300.281.818* | *283.113.900* | *47.830.010.661* |
| Số giảm trong năm | - | 697.841.119 | 461.675.000 | 300.427.115 | 1.459.943.234 |
| *- Thanh lý, nhượng bán* | - | *697.841.119* | *461.675.000* | *300.427.115* | *1.459.943.234* |
| Số dư cuối năm | **70.310.840.067** | **434.710.248.594** | **10.382.703.540** | **3.674.275.056** | **519.078.067.257** |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | | | |
| Số dư đầu năm | 40.006.825.497 | 192.982.619.020 | 4.807.541.117 | 1.485.776.489 | 239.282.762.123 |
| Khấu hao trong năm | 4.060.182.187 | 47.489.163.907 | 1.062.436.810 | 333.336.458 | 52.945.119.362 |
| Số giảm trong năm | - | 648.097.495 | 461.675.000 | 300.427.115 | 1.410.199.610 |
| *- Thanh lý, nhượng bán* | - | *648.097.495* | *461.675.000* | *300.427.115* | *1.410.199.610* |
| Số dư cuối năm | **44.067.007.684** | **239.823.685.432** | **5.408.302.927** | **1.518.685.832** | **290.817.681.875** |
| **Giá trị còn lại** | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 26.755.973.661 | 199.726.896.659 | 4.736.555.605 | 2.205.811.782 | 233.425.237.707 |
| Tại ngày cuối năm | **26.243.832.383** | **194.886.563.162** | **4.974.400.613** | **2.155.589.224** | **228.260.385.382** |

## 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

*Đơn vị tính: VND*

| | Quyền sử dụng đất |
|---|---|
| **Nguyên giá** | |
| Số dư đầu năm | 35.996.185.657 |
| Số tăng trong năm | - |
| Số giảm trong năm | - |
| Số dư cuối năm | **35.996.185.657** |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | |
| Số dư đầu năm | 3.866.080.615 |
| Khấu hao trong năm | 762.250.680 |
| Số giảm trong năm | - |
| Số dư cuối năm | **4.628.331.295** |
| **Giá trị còn lại** | |
| Tại ngày đầu năm | 32.130.105.042 |
| Tại ngày cuối năm | **31.367.854.362** |

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 5.820.683.272 | 25.470.000 |
| Trong đó những công trình lớn: | | |
| *+ Chi phí khảo sát Nhà máy ép phun tại Sóng Thần* | *322.015.454* | *25.470.000* |
| *+ Xưởng PE* | *4.961.481.818* | - |
| *+ Trạm biến áp 500 KVA* | *537.186.000* | - |
| **Cộng** | **5.820.683.272** | **25.470.000** |

## 10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN | 31/12/2010 VND | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|---|---|
| Đầu tư dài hạn khác | | 8.125.000.000 | | 8.155.000.000 |
| *- Đầu tư cổ phiếu (Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng)* | *650.000* | *8.125.000.000* | *650.000* | *8.125.000.000* |
| *- Công trái* | | - | | *30.000.000* |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | - | | - |
| **Cộng** | | **8.125.000.000** | | **8.155.000.000** |

## 11. Vay và nợ ngắn hạn

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Vay ngắn hạn | 12.268.000.000 | 11.260.221.392 |
| + Vay ngân hàng | - | 2.370.221.392 |
| + Vay cá nhân (*) | 12.268.000.000 | 8.890.000.000 |
| **Cộng** | **12.268.000.000** | **11.260.221.392** |

(*) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam cùng thời điểm.

## 12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | 1.973.609.754 | 162.066.074 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.212.173.690 | 6.203.321.499 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 7.746.870 | 717.262.987 |
| **Cộng** | **13.193.530.314** | **7.082.650.560** |

## 13. Chi phí phải trả

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Chi phí giảm giá, hỗ trợ khách hàng | 7.665.508.663 | 4.802.342.633 |
| Chi phí lãi vay | 866.208.389 | 499.207.083 |
| Chi phí phải trả khác | 125.000.000 | 5.588.000 |
| **Cộng** | **8.656.717.052** | **5.307.137.716** |

## 14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Tài sản thừa chờ xử lý | 102.309.104 | 41.115.502 |
| Kinh phí công đoàn | 815.309.364 | 718.703.728 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 57.639.924 |
| Cổ tức phải trả | 335.122.000 | 335.122.000 |
| Phải trả tiền thuế TNCN thu thừa CBCNV | 1.219.872.614 | 529.457.905 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 996.533.000 | 21.533.000 |
| **Cộng** | **3.469.146.082** | **1.703.572.059** |

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 427.758.409 | 278.335.931 |
| Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước | (231.302.493) | (20.993.923) |
| **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | **196.455.915** | **257.342.008** |

## 16. Vốn chủ sở hữu

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số dư đầu năm trước** | **169.558.760.000** | **104.020.925.000** | **(10.000)** | **135.013.567.797** | **19.189.415.176** | **-** | **52.447.669.227** |
| - Lãi trong năm trước | | | | | | | 249.919.254.416 |
| - Tăng vốn trong năm nay | 3.215.400.000 | 1.592.782.700 | | | | | |
| - Chia cổ phiếu thưởng | 173.845.960.000 | (104.020.925.000) | | (69.825.035.000) | | | |
| - Phân phối lợi nhuận | 1.071.800.000 | - | - | 65.675.695.805 | (703.850.789) | 16.796.149.211 | (100.791.794.227) |
| *+ Trích quỹ đầu tư phát triển* | | | | *65.675.695.805* | | | *(65.675.695.805)* |
| *+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi* | | | | | | | *(17.300.000.000)* |
| *+ Hoàn nhận quỹ dự phòng tài chính trích thừa* | | | | | *(703.850.789)* | | *703.850.789* |
| *+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* | | | | | | *16.796.149.211* | *(16.796.149.211)* |
| *+ Thưởng ESOP* | *1.071.800.000* | | | | | | *(1.071.800.000)* |
| *+ Thưởng cho HĐQT và BKS năm 2008* | | | | | | | *(652.000.000)* |
| - Chia cổ tức | | | | | | | (42.550.457.500) |
| - Bán cổ phiếu quỹ | | | 10.000 | | | | - |
| - Các khoản chi thưởng cho khách hàng | | | | | | | (2.550.300.000) |
| **Số dư cuối năm trước** | **347.691.920.000** | **1.592.782.700** | **-** | **130.864.228.602** | **18.485.564.387** | **16.796.149.211** | **156.474.371.916** |

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

| | Vốn đầu tư chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số dư đầu năm nay** | **347.691.920.000** | **1.592.782.700** | **-** | **130.864.228.602** | **18.485.564.387** | **16.796.149.211** | **156.474.371.916** |
| - Lãi trong năm nay | | | | | | | 275.297.732.223 |
| - Phân phối lợi nhuận năm 2009 | 1.071.800.000 | - | - | 133.324.971.916 | 12.500.000.000 | 500.000.000 | (156.474.371.916) |
| *+ Trích quỹ đầu tư phát triển* | | | | *133.324.971.916* | | | *(133.324.971.916)* |
| *+ Trích quỹ dự phòng tài chính* | | | | | *12.500.000.000* | | *(12.500.000.000)* |
| *+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* | | | | | | *500.000.000* | *(500.000.000)* |
| *+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi* | | | | | | | *(4.400.000.000)* |
| *+ Thưởng ESOP* | *1.071.800.000* | | | | | | *(1.071.800.000)* |
| *+ Thưởng cho HĐQT và BKS* | | | | | | | *(2.390.000.000)* |
| *+ Các khoản chi thưởng cho khách hàng* | | | | | | | *(2.287.600.000)* |
| *- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2010* | - | - | - | *26.763.066.729* | *6.381.533.365* | *9.800.000.000* | *(58.826.133.459)* |
| *+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển* | | | | *26.763.066.729* | | | *(26.763.066.729)* |
| *+ Tạm trích quỹ dự phòng tài chính* | | | | | *6.381.533.365* | | *(6.381.533.365)* |
| *+ Tạm trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* | | | | | | *9.800.000.000* | *(9.800.000.000)* |
| *+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi* | | | | | | | *(15.881.533.365)* |
| - Tạm chia cổ tức bằng tiền năm 2010 | | | | | | | (69.752.744.000) |
| **Số dư cuối năm nay** | **348.763.720.000** | **1.592.782.700** | **-** | **290.952.267.247** | **37.367.097.752** | **27.096.149.211** | **146.718.854.764** |

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| | 31/12/2010 VND | % | 01/01/2010 VND | % |
|---|---|---|---|---|
| Vốn góp của Nhà nước | 103.565.160.000 | 30 | 101.526.960.000 | 29 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 245.198.560.000 | 70 | 246.164.960.000 | 71 |
| **Cộng** | **348.763.720.000** | **100** | **347.691.920.000** | **100** |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 347.691.920.000 | 169.558.760.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | 1.071.800.000 | 178.133.160.000 |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 348.763.720.000 | 347.691.920.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 69.752.744.000 | 42.550.457.500 |

**d) Cổ phiếu**

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 34.983.552 | 17.598.956 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 34.876.372 | 34.769.192 |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *34.876.372* | *34.769.192* |
| *- Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 34.769.192 | 17.384.596 |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *34.769.192* | *17.384.596* |
| *- Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **1.441.655.094.939** | **1.156.149.641.356** |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 1.367.460.470.645 | 1.155.079.648.215 |
| - Doanh thu bán vật tư, hàng hóa | 74.194.624.294 | 1.069.993.141 |

| | | |
|---|---|---|
| **2. Các khoản giảm trừ doanh thu** | **24.794.752.221** | **12.995.957.619** |
| Trong đó: | | |
| - Chiết khấu thương mại | 22.583.456.297 | 11.286.962.766 |
| - Hàng bán bị trả lại | 2.211.295.924 | 1.692.903.886 |
| - Giảm giá hàng bán | - | 16.090.967 |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **1.416.860.342.718** | **1.143.153.683.737** |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu thuần bán thành phẩm | 1.343.934.541.680 | 1.142.517.518.024 |
| Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa | 72.925.801.038 | 636.165.713 |

**4. Giá vốn hàng bán**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Giá vốn của thành phẩm, vật tư, hàng hóa đã bán | 1.035.350.522.823 | 806.347.768.324 |
| Hao hụt, mất mát hàng tồn kho | - | 255.670.145 |
| **Cộng** | **1.035.350.522.823** | **806.603.438.469** |

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 9.240.656.733 | 3.282.325.450 |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | 1.019.897.040 | 850.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 118.829.796 | 41.494.521 |
| Lãi bán công trái | 22.200.000 | - |
| **Cộng** | **10.401.583.569** | **4.173.819.971** |

**6. Chi phí tài chính**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền vay | 1.130.064.900 | 2.229.277.877 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 697.945.448 | 2.403.665.382 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 269.442.356 | 91.410.138 |
| Chiết khấu thanh toán | 4.582.537.003 | 3.282.093.492 |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính | - | (4.658.181.820) |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính | 559.090.909 | |
| **Cộng** | **7.239.080.616** | **3.348.265.069** |

## 7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25 % trên thu nhập chịu thuế.

Đối với Công ty mẹ : Theo Công văn số 11924 TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài Chính về việc ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết chứng khoán và Thông báo số 1257/CT-TKN ngày 01/02/2007 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán. Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm liên tục kể từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của luật thuế TNDN. Năm 2010 là năm thứ hai công ty được giảm 50% thuế TNDN.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | **38.372.731.116** | **35.445.777.279** |

## 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 231.302.493 | 20.993.923 |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (170.416.401) | (221.808.118) |
| **Cộng** | **60.886.093** | **(200.814.195)** |

## 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 275.297.732.223 | 249.919.254.416 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 275.297.732.223 | 249.919.254.416 |
| Cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm | 34.876.372 | 34.599.760 |
| ***Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)*** | ***7.894*** | ***7.223*** |

(*) Ghi chú: Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2009 đã được điều chỉnh hồi tố cho 107.180 cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2010.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 891.771.449.310 | 674.907.305.858 |
| Chi phí nhân công | 68.886.317.024 | 60.553.456.450 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 53.707.370.042 | 44.928.770.996 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 51.849.484.821 | 37.621.509.826 |
| Chi phí khác bằng tiền | 16.842.435.010 | 14.970.948.800 |
| **Cộng** | **1.083.057.056.208** | **832.981.991.930** |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | Số liệu tại ngày 31/12/2009 | Số liệu tại ngày 31/12/2009 (Trình bày lại) | Chênh lệch |
|---|---|---|---|
| Nợ ngắn hạn | 145.787.992.107 | 151.306.364.225 | 5.518.372.118 |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | 5.518.372.118 | 5.518.372.118 |
| Vốn chủ sở hữu | 677.423.388.934 | 671.905.016.816 | (5.518.372.118) |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi | 5.518.372.118 | - | (5.518.372.118) |

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Phùng Hữu Luận | Trang Thị Kiều Hậu | Lê Quang Doanh |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2011

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 15/11/2010

| CƠ CẤU CỔ ĐÔNG | SỐ CP NẮM GIỮ | TỶ LỆ % |
|---|---|---|
| Cổ đông nhà nước | 10,356,516 | 29.79% |
| Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 1,381,316 | 3.97% |
| Cá nhân nước ngoài | 266,856 | 0.77% |
| Tổ chức nước ngoài | 16,499,664 | 47.45% |
| Cá nhân trong nước | 4,207,710 | 12.10% |
| Tổ chức trong nước | 2,057,130 | 5.92% |
| **Tổng cộng** | **34,769,192** | **100%** |

## CỔ ĐÔNG LỚN ĐẾN NGÀY 15/11/2010

| STT | CỔ ĐÔNG | LOẠI CỔ ĐÔNG | SỐ CP NẮM GIỮ | TỶ LỆ % |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước | Cổ đông nhà nước | 10,356,516 | 29.79% |
| 2 | CITIGROUP GLOBAL MARKETS FINANCIAL PRODUCTS LTD | Tổ chức nước ngoài | 634,962 | 1.83% |
| 3 | CITIGROUP GLOBAL MARKETS LTD | Tổ chức nước ngoài | 710,162 | 2.04% |
| 4 | FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS - TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND | Tổ chức nước ngoài | 1,603,850 | 4.61% |
| 5 | JF VIETNAM OPPORTUNITIES FUND | Tổ chức nước ngoài | 943,920 | 2.71% |
| 6 | KITMC WORLDWIDE VIETNAM RSP BALANCE FUND | Tổ chức nước ngoài | 1,328,804 | 3.82% |
| 7 | KWE Beteiligungen AG | Tổ chức nước ngoài | 866,630 | 2.49% |
| 8 | PXP VIETNAM FUND LIMITED | Tổ chức nước ngoài | 1,000,000 | 2.88% |
| 9 | VIETNAM HOLDING LTD | Tổ chức nước ngoài | 2,144,468 | 6.17% |
| | **Tổng cộng** | | **19,589,312** | **56.34%** |

## TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ ĐẾN NGÀY 15/11/2010

| STT | CỔ ĐÔNG | CHỨC VỤ/ LIÊN QUAN | SỐ LƯỢNG CP TRƯỚC GD | GIAO DỊCH | SỐ LƯỢNG CP ĐÃ GD | SỐ LƯỢNG CP SAU GD | THỜI GIAN THỰC HIỆN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CITIGROUP GLOBAL MARKETS LTD & CITIGROUP GLOBAL FINANCIAL PRODUCTS LTD | Cổ đông lớn | 922,742 | Mua & bán | | 1,345,124 | Trong năm 2010 |
| 2 | Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước | Cổ đông lớn | 10,152,696 | Mua | 203,820 | 10,356,516 | 31/07/2010 |
| 3 | Nguyễn Thanh Hải | Người CBTT | 57,922 | Bán | 20,000 | 37,922 | 19/05/2010 |
| 4 | Nguyễn Thị Bích | Vợ Phó CT HĐQT kiêm Phó TGĐ | 132,000 | Bán | 20,000 | 112,000 | 22/06/2010 |

## BIỂU ĐỒ VỐN TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

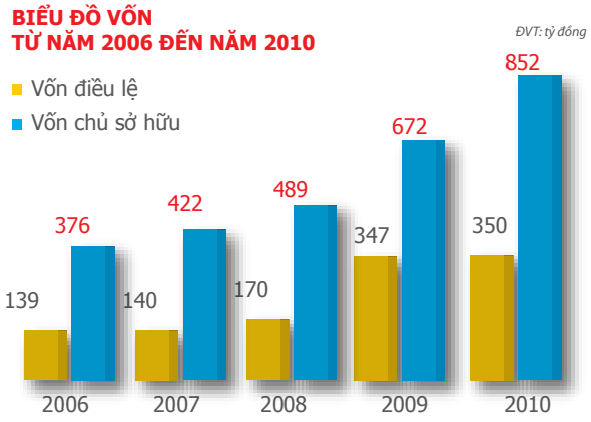


## BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN, CỔ TỨC TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

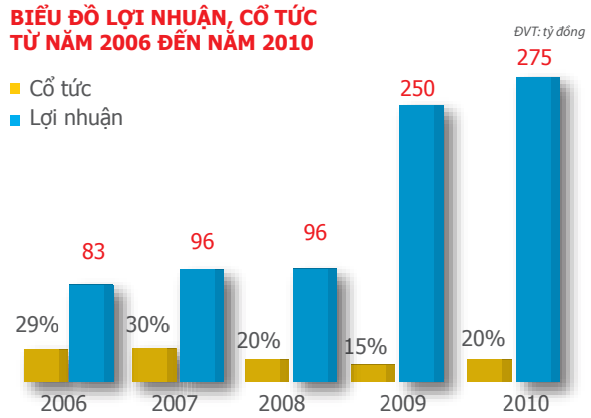


## BIỂU ĐỒ DOANH THU TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

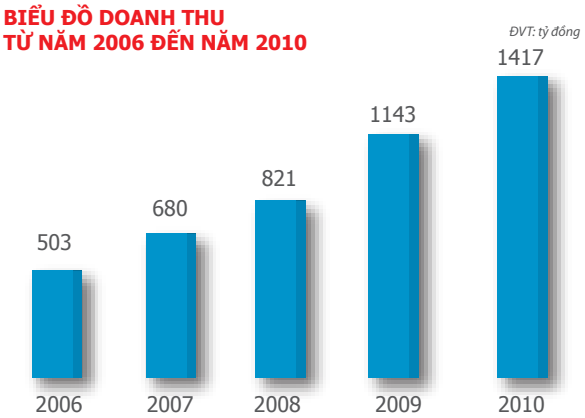


## BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

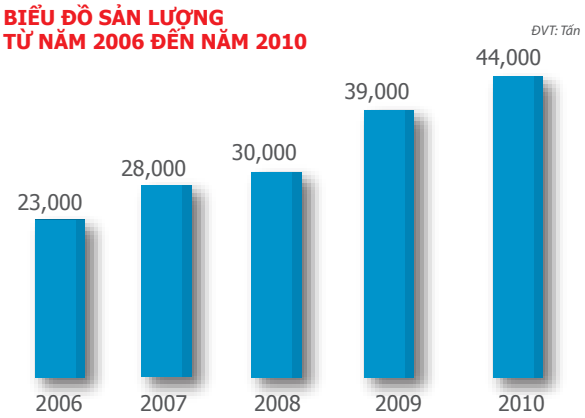

VT-27
VT-25
VT-26

# Sustainable development

# CONTENTS


| | |
|---|---|
| Vision, Mission, Core value | 94 |
| Messages from Board of Management | 97 |
| Report of Board of Management | 98 |
| Report of the General Director - The critical financial targets | 102 |
| Report of the Supervisory Board | 108 |
| Orientation in development of the company from year 2011-2015 | 112 |
| Profile of the establishment and development of the company | 114 |
| Introduction of Board of Management - Organizational Structure | 118 |
| System of branches, Joint venture subsidiaries, investment - Financial Report of the subsidiaries | 122 |
| Agent systems stores | 126 |
| Areas of operation - Introduction of brand name, products | 128 |
| Activities and outstanding achievements during the year | 138 |
| Community relationship | 140 |
| Quality management system | 143 |
| Business culture - Internal resources | 144 |
| Annual financial report - Explanation of integrated financial report | 150 |
| Information about shareholders and management of the company | 178 |
| Chart - Appendix of figures | 179 |

BM
PLASCO
NHỰA BÌNH MINH

# VISION

With the position of a leading enterprise of Vietnamese plastic industry, Binh Minh Plastic believes sustainable development in the future due the company has good foundation of business culture, has strong brand name with synchronous product structure, high quality products together across the wide distribution network. The management system of the company operates stably,dynamic and importantly, always request the continuous innovation for development.

# MISSION

Providing to the market thewith increasingly diversified product types, complete on quality and rich in services. Ensuring the harmony of benefit based on compliance with law, always respecting benefits of shareholders, customers and actively taking care of life for employees and implementing the responsibility to community through social activities.

# CORE VALUE

The company is always proud of "Binh Minh Culture" which has been established over 30 years in construction and development. Respecting the past, learning, appreciating knowledge in the present confidence in orientation to the future. They are the foundation values that help Binh Minh Plastic in internal solidarity and has more flexible solutions which are more and more highly appreciated and trusted by the customers.

# Messages from Board of Management

*Ladies and Gentlemen*

*The year of 2010 was recognized as a year with many fluctuations of the market economy. Binh Minh Plastic (BMP) by all its efforts had overcome the difficulties and challenges to accomplish the duties comprehensively passed by the shareholder meeting and also has accumulated valuable experience in its production and business. Entering into the year of 2011, the forecasted economic situation will be more severe trouble and difficulty.*

*Beside the common difficulties, BMP also has many business issues regarding resources needed to resolve competition, the need for re-arrangements and re-structure of the management...*

*The most powerful and important messages that Management Board would like to send to you that is THE CONFIDENCE.*

*We are always calm before facing any difficulty in order to find out solutions to respond timely, consistently and comprehensively.*

*BMP is an enterprise with prestigious brand name on the market, has tradition of internal solidarity and the business culture which are always highly appreciated, preserved and developed more and more.*

*We are committed to promote internal potential force, take advantage of any opportunities in production, business to help BMP unceasingly develop stably, firmly.*

*Thank and wish best things to shareholders, customers, and all staff of BMP Company, management agencies and individuals who always help and support for the development and prosperity of BMP.*

**"WE ARE ALWAYS CALM BEFORE FACING ANY DIFFICULTY IN ORDER TO FIND OUT SOLUTIONS TO RESPOND TIMELY, CONSISTENTLY AND COMPREHENSIVELY."**

*Yours sincerely.*

*Le Quang Doanh*
*Chairman Of The Board Of Managment*

Report of

# Board of Management

SẢN XUẤT PHẢI AN TOÀN - AN TOÀN ĐỂ SẢN XUẤT

With the characteristics that the 5 members who all join in operation, the Board of management is very flexible and actively exchange, discuss in order to fully agree in leadership to set out the strategic orientation for the development of the Company.

We set forth the general identification about the advantages of the company as follows:

- **ADVANTAGES OF PRODUCTS:** Due it does not have high season characteristic, Binh Minh plastic products are almost used during the year. The life of the product lasts long and sustainable with the current infrastructure of Vietnam. Currently no products may replace the plastic pipes in water supply, drainage and cable in the world.

- **ADVANTAGES OF THE BRAND NAME:** It has become the first and final choice of the major national wide customers in building the civil works, irrigation and in many key national works.

- **COMPETITIVE ADVANTAGES:** Binh Minh Plastic Trademark is very familiar with consumers in the country and becomes the standard in measuring the quality of the pipe industry. Diligent services, dedicated customer care and reasonable prices.

- **RESOURCE ADVANTAGES:** Binh Minh Plastic always invest in innovation of equipment and update the most advanced and modern technology. Regarding the human resources, the company has staff of qualified and skilled workers, attached closely, determined, highly disciplined, it always focuses on training and propagandas "Binh Minh Culture" to create a particular and private characteristic of the enterprise.

From the above identification, the Board of Management has confidently decided to expand the surface to continuously develop advantages, effectively use resources, taking advantages of the opportunity to keep the first leading position in Vietnamese plastic industry. In 2010, althought there are many problems such as oil and gasoline prices and other materials increased sharply from the beginning of the year, the plastic pipe market became competitive severely but with calmness, high determination and proper orientation, Binh Minh Plastic again overcame challenges, accomplished the plan exceeding the level which approved by the Shareholders Meeting with revenue of 1,417 billion, reached 314 billion in profit before tax, 20% dividend; Nearly 16 ha land at Vinh Loc A Industrial Park, Long An province was signed to build the fourth plant; HDPE pipe with diameter of 1,200mm which was the largest in Vietnam has been placed in production. In particular, Northern Binh Minh Plastic, after two years of operation, obtained profit and offset complete losses of the entire project.

After one year, we evaluated the activities of the Board of Management that was effective. Although 05 members who are members of the company, but they worked very seriously and held periodic meetings and based on resolutions of the Shareholder Meeting to analyze the situation, proposed many timely and effective solutions. Although the members of the Board of Management were very busy in operation, they also participated in workshops, learned to improve awareness and qualification in management so as to reach the position with development of the enterprise. Consensus solidarity showed respect of knowledge, the spirit of building for the common target which was the harmony of benefits of shareholders, customers and employees, created belief for investors in working for sustainable development of the company.

In 2011 will continue to be a difficult year with increased inflation; the price of goods for production, such as petroleum, electricity, water, raw materials are increasing; interest rates, exchange rates, power shortage are the major challenges for Binh Minh Plastic. Confidence with cautiousness, we strive to work out plan for 2011 as revenue of 1,650 billion, 300 billion of profit before tax and dividends 20%. We look forward to receiving the consensus of the Shareholder Meeting, support of customer and determination to complete the task of all staff and employees of the Company.

Director General
Le Quang Doanh

Report of

# the board of directors

**"EVALUATED THE SITUATION AND PROPOSED APPROPRIATE SOLUTIONS FOR THE IMPLEMENTATION OF PRODUCTION AND BUSINESS PLAN OF THE COMPANY"**

## I /. BUSINESS ACTIVITIES:

With the orientation and direction of the Board of Management, the Board of Directors had predicted difficulties in 2010, evaluated the situation and proposed appropriate solutions for the implementation of production and business plan of the Company.

### 1. Group of long term solutions:

- **Developing Binh Minh Culture** as a core value to create unique differences in business culture, communication culture, sharing culture with the community of employees at Binh Minh Plastic. Striving to ensure the harmony of interests of shareholders, employees, customers and society.

- **Building Brand name** becomes tasks for all people in the company to build a brand name image of Binh Minh Plastic with quality, reputation and friendly with customers based on respect, equality, mutual benefits and continuously shared in life.

- **Savings thoroughly** with the motto "to avoid the huge waste began in the small savings."

### 2. Group of situational solutions:

The actual situation after each year, each period with different changes, requires different solutions, but they must meet the requirements rapidly, consistently and effectively. In late 2008 early 2009, prices of raw materials steadily declined and had complicated fluctuations by the momentum of economic crisis in the world; increasing storage of low price materials is priority measure. By 2010, the economy began to recover, the solutions at that time were:

- **Focusing on investment**, developing HDPE products, especially 1,200mm pipes which were imported previously in order to fully implement the policy with priority in using Vietnamese goods of the Government.

- **Developing widely the product distribution network system** through nationwide stores, ensuring the "deleting the white areas, boosting the weak areas."

- **Providing proper human resource development** with the regulations on probation for cadres to train, promote the local human resources and attract talents from outside.

## II. SOCIAL ACTIVITIES:

Identifying social activities is a very important factor for sustainable development; the Company actively improved this activity from movement to annual target, namely:

- ***Regular activities:***

✶ Nurturing Vietnam heroic mothers, policy families.

✶ Building houses of love or gratitude.

✶ Blood Donation.

✶ Contributing to poverty alleviation funds, the local Red Cross Fund.

- ***Extraordinary activities***

✶ Aids for people suffering from flood in the Central.

✶ Supporting Japanese people after the earthquake - tsunami.

✶ In addition, the Company also had visits, helped the retired elderly people, sick people or people with difficult family situation.

## III. FINANCIAL ANALYSIS:

### 1 / Profitability and performance:

| PROFITABILITY AND PERFORMANCE | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **TARGETS** | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 |
| Gross profit/revenue | 26% | 21% | 23% | 29% | 27% |
| Operation profit /Revenue | 20% | 16% | 14% | 25% | 22% |
| Profit rate on equity (ROE) | 30% | 25% | 21% | 43% | 36% |
| Profit rate on assets (ROA) | 24% | 21% | 20% | 36% | 31% |
| Revenue / Total average assets | 1,46 | 1,48 | 1,54 | 1,64 | 1,57 |
| Inventory cycle | 3,31 | 4,11 | 3,88 | 3,52 | 3,60 |
| Receivables cycle | 6,21 | 5,26 | 6,66 | 10,16 | 6,51 |

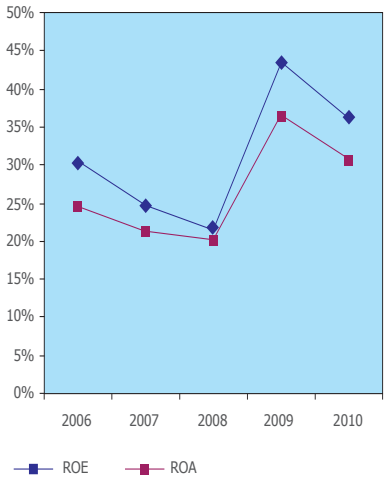


From 2006 to now, the company has had good growth in terms of production and business efficiency. However, if compared with 2009, the year when the company had stocks of a large amount of cheap materials that helped significantly reduce the cost price, then the targets for 2010 were almost lower. However, to overcome the fluctuations in prices and soaring costs, the company has achieved a very high rate of profitability compared with the overall sector, continued affirming its leading position in the plastic industry in southern markets, reflected in achieved business performance.

### 2 / Solvency:

| SOLVENCY | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **TARGET** | **2006** | **2007** | **2008** | **2009** | **2010** |
| Current solvency | 7.00 | 4.19 | 4.02 | 3,64 | 5.52 |
| Quick solvency | 4.58 | 2.53 | 1.80 | 1.86 | 3.14 |

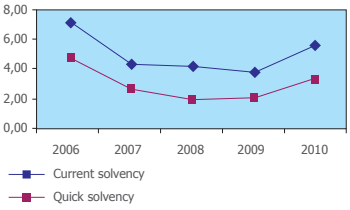


Through the above figures we may see, the solvency of BMP always ensures at the rate of safety. The company always has enough assets to ensure for the short-term debts. Moreover, the short-term assets of the company can very quickly convert into the money for immediate payment of the short-term debts, showed through target of immediate payment of 3.14. This showed that goods of company were not stagnant, recovery of debt was good and the risk occurrence of bad debt was reduced.

### 3 / Analysis the target consistent with business areas

Currently, on the floor of securities transactions, there are 5 enterprises in the Plastic industry that are NTP, DAG, DPC, DNP, RDP. Therefore, BMP used the average index of these businesses in comparison as follows:

*Unit: VND billion*

| TARGET | BMP | AVERAGE OF THE INDUSTRY |
|---|---|---|
| Net revenue | 1.417 | 709 |
| Gross profit/net revenue | 27% | 27% |
| Financial cost on net revenue | 0,5% | 1,9% |
| Sales, management cost on net revenue | 5,1% | 9,2% |
| Net rate of profit / net revenue | 19,4% | 14,7% |
| Total assets | 982 | 535 |
| Equity | 852 | 337 |

Notes Data of the above 05 enterprises are unaudited figures, taken from the website of the Department of securities transactions.

According to the above table, compared to industry average, we may see that:

- The scope of BMP is greater than about 2 times in sales and total assets

- The equity is greater nearly 3 times

- The proportion of financial costs, selling expenses, administrative costs are much lower compared to average revenue the industry.

**4 / Analysis of the relationship between cash flows**

*Unit: VND billion*

| TARGET | YEAR | |
|---|---|---|
| | 2009 | 2010 |
| Net cash flow from operation | 241 | 83 |
| Net cash flow from investment | - 90 | - 42 |
| Net cash flow from financial activities | - 75 | -69 |
| Net cash flow in the year | 76 | - 27 |

Net cash flow in 2010 of BMP decreased in comparison to 2009. In major production and business activities, the Company increased the receivables from customers so it caused net cash flow from operations decreased in comparison to previous years. In addition, the Company invested in new plant, procurement of machinery and equipment ... so the net cash flow from operations and other sources of income were not enough to offset the above expenses.

Although net cash flow in 2010 was reduced by a number of subjective reasons, but in fact, BMP could circulate money well. Demonstration was that after two months of 2011, customer receivables were reduced significantly, the difference between the beginning and the end of the period in 2010 was 56 billion, while the difference in February 2011 compared to end of 2010 was only 6 billion.

With the policy of the Government in 2011 as "Controlling inflation, macroeconomic stability," the company realizes that cash flow will be difficult in traffic. On the other hand, the power demand exceeding supply will cause great difficulty for the production. In addition, the prices of materials increase sharply after the changes in the Middle East and natural disasters in Japan that has a great influence on business performance of the Company. To be able to fulfill the targets assigned by the Board of Management, the Board of Directors has proposed solutions in this year including:

- Providing appropriate policies for customers to draw cash flow, minimize the bank loans with high interest rates now.
- Arranging, adjusting moderate and proper production, increasing production in the low hours, Sundays and holidays, New Year holidays for storage of products.
- Continuing to apply the saving measures, especially energy saving in the whole company.
- Finding the proper sources of materials, to ensure the continuous production of the Company.

The long-term solutions will be continuously applied in parallel with the situational solutions. Board of Directors, with the ability to handle sensitive information, using resources efficiently; always find an appropriate roadmap to implement the corporate development plan for the immediate and long term under the direction of Board of Management. We believe that, with the consensus of all officers and employees and the confidence and support of customers, shareholders, Binh Minh Plastic will continue having sustainable development.

Business Deputy Director General
Nguyen Thi Kim Yến

Report of

# Supervisory Board

# REPORT OF SUPERVISORY BOARD IN 2010

*Dear Shareholders,*

Supervisory Board of the Company consists of 3 members, elected by the Shareholder Meeting in 2008 for a term of five years, including:

1 / Ms. Nguyen Thi Phuong Nga - Marketing Manager - Chief of Board

2 / Mr. Nguyen Kim Thuong - R & D Manager - Membership

3 /Ms. Dinh Thi Nguyet Ha - Financial and Accounting Specialist - Member

In 2010, the Supervisory Board performed a number of jobs as follows:

## ACTIVITIES OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2010:

Supervising the observance of laws and policies, financial regulations, accounting, revenue, cost management through the examination of quarterly and annual financial statements; participation in periodic inventory of the Company in the two phases, on July 01, 2010 and January 01, 2011.

Checking the implementation of the charter and resolutions of the Shareholder Meeting in 2010.

Checking the implementation of Board of Management's resolutions about mobilization and use of funds, implementation of investment projects.

Informing members of the Board about the resolutions of the Board of Management.

Providing suggestions for operation of the Supervisory Board, operation of the Company.

All are members of the Board were trained with profession of auditors and regularly updated knowledge and information. The Board has its own working regulations, ensuring proper operation in accordance with laws and regulations of the Company. Thus, although 3 members are company staff, but we do the assigned works in a fair and prudent manner. The data and information reported below reflected the results in implementation of the resolutions of Shareholder Meeting, resolutions of the Board of Management of the Company in 2010.

## RESULTS IN CHECKING THE IMPLEMENTATION OF THE CHARTER AND RESOLUTIONS OF THE BOARD OF MANAGEMENT 2010:

***Production and business operations, payment of dividends, compensation:*** Compared with criteria passed by the Shareholder Meeting in 2010 on April 16, 2010, specific performance was as follows:

| NO | TARGET | UPON RESOLUTION | IMPLEMENTATION | RATIO% |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Revenue | 1,234 billion | 1,417 billion | 115 |
| 2 | Profit before tax | 170 billion | 314 billion | 185 |
| 3 | Dividend in cash | Minimum 15% | 20% | 133 |
| 4 | Compensation of BOM and Supervisory Board | 1,5%/total salary fund | 946 million | 100 |
| 5 | Bonus for BOM and Supervisory Board | Not exceeding total compensation | 944 million | 100 |

***Financial activities:*** The Company has complied with the provisions of the Accounting Law, Tax Law, other provisions of the law of Vietnam and the Charter. Amounts were accounted in transparency, clarity, details as follows:

***Regarding funds:***

Equity as of December 31, 2010 was VND 348,763,720,000 (equivalent to 34,876,372 shares sold to the public) increased 0.3% compared to early 2010 due to supplementing shares ESOP in 2009 in accordance with resolutions of Shareholders Meeting in 2006. Number of shares in circulation is 34,769,192 due 107,180 ESOP shares in 2009 were not registered yet.

The establishment of funds was done in accordance with resolutions of Shareholder Meeting in 2010 (detailed in the annual report to the general meeting of shareholders in 2011 of the Board of Management).

The company controlled well and used effectively the loans. Total current liabilities is 130 billion dong/total assets is 982 billion, mainly is short-term debt, long-term debt is insignificant.
Regarding management of cash, sales, costs:

The control of receivable accounts was carried out strictly in accordance with regulations of the Company, establishing provisions for short-term receivable accounts of bad debts in accordance with the regulations of the State that was 982 million, down 11% compared to 2009 due to recovery of debt so it was refunded to provisions.

The process in handling operations of the Company complied with the quality management system of ISO 9001:2008, so the Company controled costs rather well.

***Investment activities:***

***Financial investment:*** With the exception of amounts invested in the previous year, in 2010 the Company did not incur any financial investment. The establishment of provision for diminution in value of short-term investments were made in accordance with the provisions of the State that was 6,159 billion, up 10% compared to 2009.

***Property investment:*** In 2010, the Company invested in machinery and equipment, molds, plant to increase production capacity by their own capital. The total investment value was VND 47,83 billion. All projects were approved by the Board of Management in accordance with the provisions of the Charter. Especially expenditures for two large investment projects that were 1200mm PE pipe machine frame and 15.56 hectares of land in Vinh Loc 2 industrial park that were recognized in prepayments to sellers due it has not yet completed the procedures for use.

**Distribution of ESOP bonus shares:**

In 2010 the Company conducted the distribution of ESOP bonus shares to the staff with total of 107,180 shares. The poll was based on the contribution of individuals and conducted from the production groups in accordance with the decision No. 602/QD-BM/HDQT/2006 of the Board of Management of the Company on November 01, 2006 about promulgating regulations to implement ESOP bonus shares program and resolutions of Shareholder Meeting on June 10, 2006.

## TRANSACTIONS OF SHARES WITHIN INTERNAL SHAREHOLDERS:

In 2010, transactions of all internal shareholders complied with the provisions of the State Securities Committee, specified as follows:

*Mr. Nguyen Thanh Hai* - at the time as the announcer of Company information sold 20,000 shares, also holds 30,922 shares.

## AUDIT REPORT IN 2010:

The auditing entity of the Company in 2010 was Nam Viet Auditing and Financial Consulting Service Co., Ltd. (AASCN), which is 1 of 4 auditing entities approved by the Shareholder Meeting 2010. After reviewing the audit report, we agree with the data and conclusions of the auditing entity.

## PROPOSAL:

Proposing the Board of Management to proceed with the registration for circulation of 107,180 ESOP shares in 2009 that were distributed to company staff.

*Dear Shareholders,*

The year 2011 is forecasted as an extremely difficult year for enterprises. However, we believe that with the advantage of a large and prestigious trademark in the plastic pipe industry in Vietnam, with the strategic vision of the Board of Management in orientation for development of the company in five coming years, with the unity and consensus of the Board of Directors and all staff are wholeheartedly for the achievement of the company and the concern, support of shareholders, Binh Minh Plastic will certainly overcome all difficulties to continue developing stably.

FOR SUPERVISORY BOARD
Head of Board

Nguyen Thi Phuong Nga

# Orientation in development of the company until 2015

## 1 IDENTIFICATION OF THE SITUATION

uPVC pipe still maintains the largest position in the product structure of Binh Minh Plastic.
HDPE pipe - especially large size - will gradually replace the cast iron pipe for the national projects.
PP-R pipe will become more popular for high class and civil housing projects
The material prices do not reduce.
Competitive in method of sale, promotion of brand name becomes stronger.
The workforce of Binh Minh continues being trained, professional training, as a pre-condition for the implementation of the plan for five coming years.

## 2 ORIENTATION IN DEVELOPMENT:

Continuing to be a leading enterprise of the Plastic industry in Vietnam, Binh Minh Plastic is worthy as National Brand, specializing in providing high quality products nationwide.
Average annual growth is at least 15%, reaching profit over 300 billion, dividend 20%.
Development in harmony with the environment.

## 3 IMPLEMENTATION MEASURES:

1. Building the fourth plant in Long An.
2. Diversifying products, ensuring the quality in accordance with international standards.
3. Expanding the distribution system in the country and focusing on export markets.
4. Protecting the environment by applying the ISO 14,000 management systems.
5. Creating engagement and attracting talented people to work for the companies.

TCM
FL-117

Profile of The Establishment

# And Development of The Company

**ON JANUARY 02, 2004, BINH MINH PLASTIC FORMALLY CONVERTED INTO JOINT STOCK COMPANY UNDER THE CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION NO. 4103002023 DATED JANUARY 02, 2004 WITH THE TRADE NAME IS BINH MINH PLASTIC JOINT-STOCK COMPANY. THE NAME IN ABBREVIATION IS BMPLASCO**

## PROFILE OF THE ESTABLISHMENT

### Formation

Binh Minh Plastic was established from the merger of two companies including Vietnam chemical plastic pipe company (Kepivi) at 139 Xo Viet Nghe Tinh street and Kieu Tinh Plastic Co., at 301-309 at street 54 (presently No. 57 Nguyen Dinh Chi street) according to Decision No. 1488/ QD-UB dated November 16, 1977 of the Ho Chi Minh City People's Committee.

### Restructure

On January 02, 2004, Binh Minh Plastic formally converted into Joint Stock Company under the Certificate of business registration No. 4103002023 dated January 02, 2004 with the trade name is Binh Minh Plastics Joint-Stock Company. The name in abbreviation is BMPLASCO

### Changes of the certificate of business registration.

✶ The first registration date is January 02, 2004, the charter capital is VND 107,180,000,000.

✶ The first alteration dated November 27, 2006, an increase of charter capital up to VND 147,908,400,000.

✶ The second alteration dated August 01, 2008, an increase of charter capital up to VND 175,989,560,000.

✶ The third alteration dated February 06, 2010, an increase of charter capital up to VND 349,835,520,000.

## HISTORICAL MILESTONES

### The decade of 1977 - 1979 ▪ Establishment

✶ After the establishment, Binh Minh Plastic took the name "BINH MINH PLASTIC PUBLIC PRIVATE JOINT FACTORY" under Food Stuff Corporation - Ministry of Light Industry. The major products of this phase were plastic household products inherited from the former company.

### The decade of 1980 - 1989 ▪ Orientation in development

✶ In this decade, in addition to the traditional plastic household products, the Company made research, successfully produced a number of medical products such as fluid transmission pipe, Karman channel adapter and towards products for sectors on industry, agriculture such as pesticide sprayers, labor helmet.

✶ In 1986, it marked a historic transformation of Binh Minh Plastic. By the contracts in processing plastic tubes for Unicef to serve the rural clean water program, the first time Binh Minh Plastic pipe was known on the national market.

### The decade of 1990 - 1999 ▪ Scientific and technical investment, orientation of major products

✶ Binh Minh Plastic renamed in the 2nd time to become Binh Minh Plastic production scientific enterprise by the decision No. 86/CNn-TCLD dated February 08, 1990 of Ministry of Light Industry and was an affiliate under Union of plastic production – import export plastic - Ministry of Light Industry (abbreviated as VINAPLAST: precursor of the Vietnam Plastic Corporation later).

✶ In this decade, the Company changed completely from a factory specialized in producing household goods into production the tube, pipe fittings and plastic products for industry, agriculture. In order to innovate the technology, expand production scale and market expansion, the company invested in most modern and largest pipe production line in Vietnam with a diameter of up to Ø400. In addition, the company also invested in purchasing additional adjacent houses for expansion of premises for production, uninterrupted business in movement from Nguyen Dinh Chi street to Hau Giang street

to set the stage for the development of the following years.

✶ On November 03, 1994, ministry of Light Industry issued the decision No. 1434/CNn-TCLD to establish a state owned enterprise which was Binh Minh Plastic Company, business name as BMPLASTCO.

✶ With the achievements, in 1996 the company was honorly awarded the Labor Medal of Second Grade.

✶ By reputation and quality, products the Company were more and more preferred by consumers. To meet the needs of the market, in 1999, the company decided to open an additional factory (presently the plant 2 of the Company) with total area of 20,000 $m^2$ at No. 7 Street No. 2 Song Than 1 Industrial Park - Di An Town - Binh Duong Province, with modern equipment from European countries.

## The decade of 2000-2010 ▪ Building Brand name - innovation for development

✶ Identifying the importance of quality management from the first year of the decade, the Company developed and introduced a Quality management system upon ISO 9002:1994, so far it has been in transition to ISO 9001-2008 version.

✶ On March 05, 2003 the Ministry of Industry issued Decision No. 18/2003/QD to transfer Binh Minh Plastic Company under the Ministry of Industry and equitizing the company in 2003, on December 04, 2003, Binh Minh Plastic Company was converted into Binh Minh Plastic Joint Stock Company, upon the Decision No. 209/2003/QD-BCN of the Ministry of Industry. From January 02, 2004 Binh Minh Plastic Joint Stock Company officially operated upon the certificate of business registration No. 4103002023 dated January 02, 2004 with the trade name is Binh Minh Plastic Joint-Stock Company. Abbreviation name as BMPLASCO.

✶ On July 11, 2006 it has become a significant date, marking a further development step of the Binh Minh Plastic when the Company's shares were officially traded on Vietnam's stock market with the stock identity as BMP upon the listing license No. 49/UBCK-GPNY issued by State Securities Committee dated June 12, 2006.

✶ Identifying the potentially huge market for plastic pipes, in 2004, the Company invested in upgrading and expanding the area of the plant 2 up to 50,000$m^2$.

✶ With achievements, in 2005, Binh Minh Plastic Joint Stock Company, was honorly awarded the Third Independence Medal. This was the noblest reward that the Company has obtained recording a consistently striving process during 28 years of its development.

✶ In December 2007, it marked a new milestone in development of the company as Northern Binh Minh Plastic One Member Co., Ltd was put into operation, bringing the Binh Minh Plastic products to consumers in the North.

✶ In 2010, the company moved vigorous step when at the same time signed the investment contract of the plant 4 in an area of 15.56ha at Vinh Loc 2 Industrial Park, Long An Province and successfully installed, manufactured HDPE pipe with the diameter of 1,200mm which is the largest pipe in Vietnam.

✶ We could say that the period 2000 - 2010 was a period of acceleration and most effective business from the past to the present of the Company. Binh Minh Plastic brand name developed strongly, sustainably and created a firm position on the market and in the minds of consumers.

**DURING ITS HISTORY OF OPERATIONS AND DEVELOPMENT, THE COMPANY HAS GAINED CERTAIN ACHIEVEMENTS AS FOLLOWS:**

**Labor Medal class III - 1988**

**Labor Medal class II - 1996**

**Labor Medal class I - 2002**

**Independence Medal class III - 2005**

# Introduction of Board of Management

1

2

3

4

5

**Mr. Le Quang Doanh**
Born 1952
Chairman of Board of Management
Director General

**Level:**
Mechanical Engineer

**Process of work:**
Mr. Le Quang Doanh has worked for Binh Minh Plastics since1979 as Deputy Manager of Factory. In 1987 he was appointed as Deputy Director of the Company. In 1996, he was appointed as Director of the Company. From 2004, after equity of the Company he was appointed as Chairman of Board of Management concurrently Director General of the Company and hold these positions until now.

**Mr. Nguyen Hoang Ngan**
Born 1962
Member of Board of Management
Technical Deputy Director General
Director of Northern Binh Minh Plastics One Member Co., LTD

**Level:**
Mechanical Engineer, Master of Business Administration

**Process of work:**
Mr. Nguyen Hoang Ngan has worked for the Company since 1988. In 1989, he was promoted to Deputy Manager of Technical Department. In 1991, he was appointed as Technical Department Manager. In 1997, he was appointed as Deputy Director of the Company. From 2004 until now, he holds the position of Vice-Chairman of Board of Management - Deputy Director General of the Company. From 2007, he has been assigned concurrently Director of Northern Binh Minh Plastics One Member Co., LTD.

**Ms. Nguyen Thi Kim Yen**
Born 1960
Member of Board of Management
Business Deputy Director General
Sale Department Manager

**Level:**
Bachelor of Industrial Economics, Bachelor of Business Administration

**Process of work:**
Ms. Nguyen Thi Kim Yen has worked for the Company since 1981. In 1988, she was appointed as Deputy Manager of Sale Department. In 1998, she held the position of the Sale Department Manager. In 2004, she was a member of Board of Management-Sale Department Manager. From 2006 until now, she is a member of Board of Management-Deputy Director General- concurrently Sale Department Manager.

**Ms. Trang Thi Kieu Hau**
Born 1959
Member of the Board of Management
Chief Accountant

**Level:**
Bachelor of Finance and Accounting

**Process of work:**
Ms. Trang Thi Kieu Hau has worked for the Company since 1985. In 1988, she was promoted to Deputy Manager of Financial Department. In 1994, she was appointed as Chief Accountant, Financial Department Manager. From 2004 until now, she has been a Member of Board of Management-Chief Accountant - Financial Accounting Department Manager.

**Mr. Bui Quang Khoi**
Sinh năm 1960
Member of Board of Management
1st Factory Director

**Level:**
Mechanical engineer, Bachelor of Economics

**Process of work:**
Mr. Bui Quang Khoi has worked for the Company since 1993. In 1997, he was promoted to Deputy Manager of Factory. From 1999 to 2003 he was appointed as Director of Factory 2. From 2004 to 2009, he has been a member of Board of Management – Director of Factory 2. From 2010 until now, he has been a member of Board of Management – Director of Factory 1.

# Board of Supervisors

**Ms. Nguyen Thi Phuong Nga**
Born 1963
Chief of Board of Supervisors
Marketing Department Manager

**Level:**
Bachelor of Economics

**Process of work:**
Ms. Nguyen Thi Phuong Nga has worked for the Company since 1982. In 1999, she was promoted to Deputy Manager of Sale Department. In 2004, she was a member of Board of Supervisors - Deputy Manager of Sale Department. In 2009, she was Chief of Board of Supervisors. In 2010 she was appointed as Marketing Department Manager.

**Ms. Dinh Thi Nguyet Ha**
Born 1959
Member of the Board of Supervisors
Accountant

**Level:**
Bachelor of Economics

**Process of work:**
Ms. Dinh Thi Nguyet Ha has worked for the Company since 1979. From 2004 until now, she has been a member of Board of Supervisors - staff at the Financial Accounting Department.

**Mr. Nguyen Kim Thuong**
Born 1959
Member of Board of Supervisors
Manager of Investment Research and Development Department

**Level:**
Electronic Engineer, Bachelor of English

**Process of work:**
Mr. Nguyen Kim Thuong has worked for the Company since 1983. In 1997, he was promoted to Deputy Manager, then Manager of Technical Department in the same year. From 2004 until now, He has been a member of Board of Supervisors - Manager of Investment Research and Development Department.

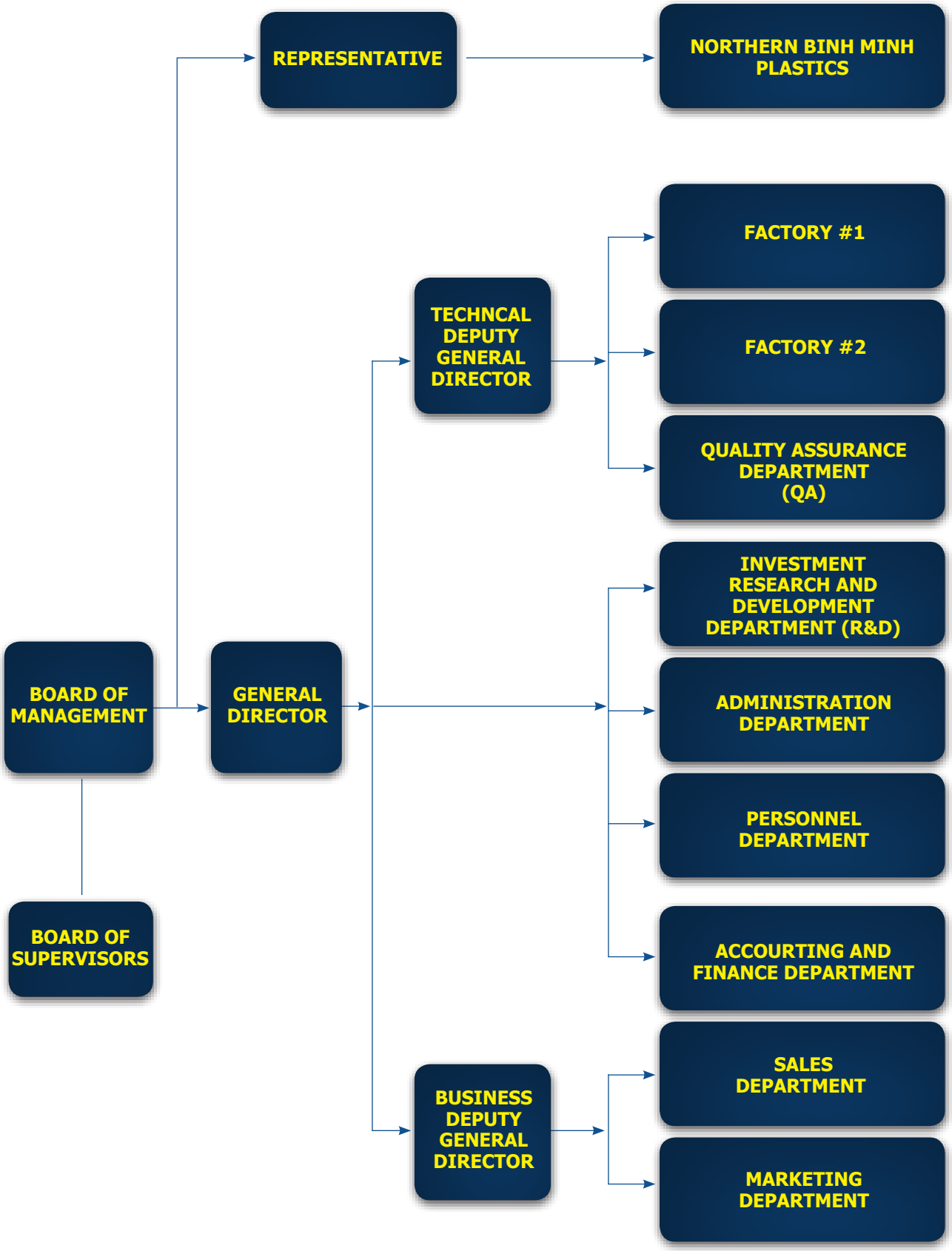
REPRESENTATIVE
NORTHERN BINH MINH PLASTICS
FACTORY #1
TECHNCAL DEPUTY GENERAL DIRECTOR
FACTORY #2
QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT (QA)
INVESTMENT RESEARCH AND DEVELOPMENT DEPARTMENT (R&D)
BOARD OF MANAGEMENT
GENERAL DIRECTOR
ADMINISTRATION DEPARTMENT
PERSONNEL DEPARTMENT
BOARD OF SUPERVISORS
ACCOURTING AND FINANCE DEPARTMENT
SALES DEPARTMENT
BUSINESS DEPUTY GENERAL DIRECTOR
MARKETING DEPARTMENT

# System of branches, Joint venture subsidiaries, investment

## BINH MINH PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

Address: 240 Hau Giang, Ward 9, District 6, HCM City
Tel.: (84) 08 3969 0973  Fax.: (84) 08 3960 6814
www.binhminhplastic.com

### FACTORY # 1

57 Nguyen Dinh Chi, Ward 9, District 6, HCM City
Tel: (84) 08 3969 0973

### FACTORY #2

No. 7, Street 2, Song Than Industrial Zone
Di An District, Binh Duong Province
Tel: (84) 08 3896 8465

This is Binh Minh Plastics' main factory in the South, which is well equipped with modern machinery imported from the European countries like Germany, Italy, and Austria. Construction area accounts for 45,000 square meters of a total area of 50,000 square meters.

1. Head Quarter
2. Factory # 1
3 - 4. Factory # 2

# Financial Report of the subsidiaries

**NORTHERN BINH MINH PLASTICS ONE MEMBER COMPANY LIMITED (NBM)**
Street D1, Lot D, Pho Noi A Industrial Zone,
Van Lam District, Hung Yen Province.
Tel.: 0321 3967 868

Identifying the Northern area is a construction market with the potential development and the increasing demands of customers and also obtaining the consent of the Shareholder Meeting in 2006, the Board of Management decided to establish Northern Binh Minh Plastics One member Company Limited (NBM) and the Department of Planning and Investment of Hung Yen province issued certificate of business registration No. 0504000211 dated September 18, 2006.

NBM is located at Street D1, lot D, Pho Noi A Industrial zone, Van Lam District, Hung Yen Province, telephone 0321.3967868, Fax 0321.3967869, it has charter capital of VND 100 billion , initial investment of VND 155 billion which was invested 100% by BMP

NBM officially went into operation on December 21, 2007 with the system of modern equipment, a new factory was built with an area of 30,000$m^2$ on the total area of 40,000$m^2$ with the original design capacity is 20,000 tons per year.

NBM also encountered difficulties in the early stages when it penetrated into the new market but the company strived to stabilize resources, overcame limitations and achieved initial results which were very encouraging.

## RESULTS OF PRODUCTION AND BUSINESS IN 2010 OF NBM:

| TARGET | UNIT | YEAR 2009 | YEAR 2010 | % GR |
|---|---|---|---|---|
| Revenue | VND Billion | 91 | 114 | 25 |
| Profit before tax | - | 08 | 14 | 75 |

Thus, after one year of operation, NBM was profitable and in 2010, it fully offset losses for 2008.

In 2010, the NBM completed the construction of a project of 10,000m$^2$ workshops, yards to receive production equipment line of HDPE pipe with diameter up to 1,200mm from the BMP. In December 2010, NBM has successfully organized seminar on using plastic pipe in the water sector and inaugurated, put into operation the said pipe line.

NBM continued building the brand name and expanded distribution network in northern markets. NBM currently has nearly 100 distribution stores in this market. Binh Minh Plastics' products were known more and more by customers and became more and more preferable.

In 2011, NBM plans the growth of 50% revenue and productivity compared with 2010.

With the right strategy to develop Binh Minh Plastics' products on the nationwide market, with the great support in all aspects of BMP, by their own efforts, NBM will certainly achieve good results in the future.

# Agent system stores

## AGENT AND SHOP SYSTEM

In the early 90s, the distribution system of Binh Minh Plastics was formed with the first four stores in HCMC. Spending the phases in shift of investment, strengthening and development, to present the distribution system has been developed and spread in all provinces and cities nationwide with over 500 official stores and thousands of stores with business in products of Binh Minh Plastics. Particularly from areas of Thua Thien Hue to Southward, the distribution system of the company has covered all provinces with growth in 2010 exceeding 25% compared with 2009.

The distribution system has brought Binh Minh Plastics products to consumers nationwide in a manner of convenience, fastness, low cost and reasonable price. For customers, the distribution systems are experienced consultants whose role are important bridges to convey the needs and aspirations of consumers in the market to the company and have created real trust from manufacturers to consumers. Through the distribution system, Binh Minh Plastic has collected many initiatives, product innovation which had values to help to set a series of policies consistent with the actual situation of the market.

Binh Minh Plastics today continues expanding the distribution systems, builds particular business culture of the Binh Minh brand name with the policy: Respect - Equality and Sharing with customers to deliver highest benefit to the Company, customers and consumers.

Through the distribution system, we would like to send messages to consumers *"Binh Minh Plastic does not sell goods by any cost, but pledges that consumers will receive attentive service anywhere, anytime and just one time of investment they will get long-lasting value of quality."*

Therefore, the sustainable development of Binh Minh always goes with the development of distribution systems.

Areas of operation

# Introduction of brand name - products

Binh Minh Plastics Pipe
Being harmonious with environment
Germinating future seeds

BEING THE FIRST MANUFACTURER OF PLASTIC PIPE IN VIETNAM, BINH MINH PLASTICS IS THE LEADING BRANDS ON THE DOMESTIC MARKET. WITH STRATEGY OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT, BINH MINH PLASTICS IS ALWAYS A PIONEER IN INVESTMENT OF THE MOST MODERN AND LATEST TECHNOLOGY TO CREATE PRODUCTS THAT MEET INTERNATIONAL STANDARDS IN REPLACEMENT OF IMPORTED PRODUCTS TO MEET MARKET DEMANDS AND CONTRIBUTE TO MAKE THE PLASTIC INDUSTRY TO BECOME ONE OF THE KEY ECONOMIC SECTORS OF THE COUNTRY, HELP VIETNAMESE CONSUMERS EASILY ACCESS AND USE PRODUCTS IN ACCORDANCE WITH THE WORLD'S STANDARDS.

**+ PP-R** plastic pipe is a special product with the capacity to transmit cold water and withstand hot water at temperatures up to 900$^{O}$C, completely replaces the metal pipe in hot water systems for civil and industrial use. Products are manufactured on modern production lines, using polypropylene random material (PP-R) uniform, PP-R products of Binh Minh with characteristic of blue color, will give consumers peace of mind about quality, the life of the products is equivalent to the life of the works (over 50 years). Besides, with excellent service after sale, welding equipment up to the largest size pipe (160mm) are free borrowing for construction of pipelines, Binh Minh Plastic is bringing new products with international standards to Vietnam consumers, helps family's life become more comfortable.

**+ HDPE PLAIN PIPE** diameter from 16mm to the largest size of the pipe in Vietnam as 1200mm is the special product reached ISO 4427:2007 standard. The product is manufactured on the modern Germany production line from high density polyethylene material PE80 and PE100, inert to environment, suitable for transmission and distribution of clean water, drainage, and irrigation in agriculture ... The product has character of flexibility, easy in bending during use, suitable for all terrains especially the highlands. Besides, HDPE pipe of Binh Minh Plastic also involved in the grid underground program of the electricity industry. Connected by thermal welding method, Binh Minh Plastic is ready to provide pipe welding service and lend welding machines to serve customers in more caring and efficient manner.

**+ HDPE DOUBLE-WALL CORRUGATED PIPE** is manufactured upon the standard EN13476-1: 2000 & DIN16961, with diameter from 110mm to 500mm on the modern equipment of Canada, Binh Minh Plastic is proud to be the first company to produce pipe technology "vacuum forming" the world's advanced applications in Vietnam. With the advantage of being created rough the outer layer to increase the hardness, the flat inner layer helps easy drainage, making the pipes are lightweight but high impact strength, convenient for transportation, installation and low cost . Besides the use of HDPE material is resistant to corrosion by the chemical solution, the product perfectly suited for use as drainage pipes for civil works, infrastructure and industry. Especially the pergorated pipe used in the stage of drainage helps to make surface dry fast, which is an optimal solution to help solving the drainage works fast for golf courses, stadiums, highways...

**+ uPVC PIPES AND FITTINGS** with easy installation features, pure hard, inert to many chemical solutions, convenient, completely replace the galvanized iron pipe, cast iron pipe in water supply and civil engineering today in the world. This is the traditional and key goods of the Company. With more than 100 production facilities and pipe fittings imported from Europe, Binh Minh Plastic supplies the series of uPVC products with diameter from 20mm to 630mm in accordance with the standards: TCVN 6151:2002 (ISO4422:1996), BS 3505:1968, AS/NZS1477: 2006, TCN 68-144:1995, which are applied in many sectors: water supply and drainage, electricity, telecommunications, civil construction and industry. Products have been exported to the U.S, Australia, Cambodia markets... With the policy in investment of modern technology to manufacture the products which meet international standards consumers, contractors, investors will always ... be assured of product quality and after sale service provided by Binh Minh Plastic.

**+ LABOR HELMET** manufactured by Binh Minh Plastic is a work at State level with number as 58.01.04.02 TCVN2603-87 standard. The products contribute to support occupational safety for mine workers or construction workers. With beautiful appearance, modern, many colors for consumers' choices, Binh Minh Plastic expects this product will be used more widely in the civil and industrial works in the future.

**+ PESTICIDE SPRAYER** with the categories as BX-1, BX-4 and BX-5 was first produced by Binh Minh in Vietnam for the years of 80 of the last century has now become the companion of the farmers, flower artisans and bonsai enthusiasts landlord. With beautiful appearance, handy and the quality is always improved from its inception, the products of pesticide sprayers of Binh Minh Plastic do not only completely replace the imported products but also are exported to many countries in the world. The product has helped to bring Binh Minh Plastic brand name to farmers and contributed to introduce and promote the image of the country and people of Vietnam to the international community.

# Activities for Brand Name Propaganda

## HDPE PLASTIC PIPE WITH THE LARGEST DIAMETER IN VIETNAM DN 1200

In August 2009, Board of Management of Binh Minh Plastic Joint Stock Company made the decision in investment of HDPE pipe production line with a diameter size from Φ710 to Φ 1200mm upon the international standard ISO 4427-2:2007 with purpose for water supply projects in Vietnam. The total investment value is VND 80 billion. This is the largest and most modern pipe production line in Vietnam, manufactured by the well known equipment manufacturers in the world, KRAUSS MAFFEI (Federal Republic of Germany). The lines are invested with synchronous equipment from production to support in installation on site.

The line operates fully automatic, high productivity, energy saving and efficient use of inputs, using pipe extrusion technology vacuum forming, closed from material inputs to finished products at output. This is an advanced technology in the world, cleaner and less waste.

The introduction of production lines in operation will increase the company's total capacity to over 70,000 tons per year, contributing to stable growth of the company from 15% to 20% per year and put Vietnam plastic pipe industry approaching to the world.

With orientation of specialization in manufacturing plants, the Board of leaders of the Company decided to install the entire line at Northern Binh Minh Plastic One Member Limited Liabilities Company (Area D, Pho Noi A Industrial Park, Van Lam District, Hung Yen province). After more than a month to conduct the installation and commission, the production line was inaugurated on December 17, 2010.

## ACTIVITIES OF FAIR-EXHIBITION IN 2010

Right from the early 90s, when the country entered a new phase of opening market economy, the Company identified participation in FAIR-EXHIBITION is the indispensable marketing activities for building Binh Minh brand name in domestics market and in the region. For the company, this activity is built and developed into an effective channel of exchanging information and communication with high interaction, to help consumers understand the products and services provided by the Company, the Company thereby also collected information on market demand, satisfaction level of customers and consumers for products with Binh Minh brand name.

Being selected as high quality Vietnam goods continuously from 1997 to present by consumers, it is a clear evidence for the effectiveness of the investment activities of the company in trade fair - exhibition. That is the best solution to approach to consumers broadly. In 2010, the Company attended more than 10 times of the fairs - exhibitions with high prestige in domestic and foreign country. Forms and contents of activities of Binh Minh booth at the fair – exhibition had many innovation, it matched the position of a famous brand name. These activities always created coziness, attracted the attention and were highly appreciated from attending organizations and individuals.

In 2011 and in the coming years, Binh Minh Plastic will continue to further improve its service. A team of professional welding service has been established with the latest equipment, invested for manipulating the pipe sizes from Φ20mm to Φ1200mm to provide effectiveness and highest benefit to the customer. With the criteria "A good product without appropriate services will lack the true value that it delivers", Binh Minh Plastic is committed to providing both the "product quality and perfect service" to meet the maximum needs of all customers in the market.

## CONFERENCE OF SHOP SYSTEM IN HA LONG IN 2010

In May 2010, Binh Minh Plastic held a Conference of shop systems selling products across the country with nearly 600 guests of over 450 stores who gathered in Ha Long city in Quang Ninh province.

The conference took place for 3 days in two locations: the Ha Long tourism city, and Cat Ba Island District. The conference was an opportunity for Binh Minh to send gratitude to the entire stores of distribution system. With shops, this was an opportunity for interaction to increase trade cooperation, experience sharing, as well as an opportunity for all to relax among the fresh natural in order help restoring physical and mental condition after stressful working days. This was also a chance for the Company to listen and accept the opinions of the stores to further improve the quality of products and services to be deserved more to the trust of consumers to Binh Minh Plastic brand.

## CUSTOMER REGIONAL CONFERENCE ON PHU QUOC ISLAND YEAR 2010

BINH MINH PLASTIC is a familiar brand of consumers in Phu Quoc. The company's products are trusted

by the durability, high quality and stability when using the product.

In November 2010, Binh Minh Plastic held a customer conference in Phu Quoc island district to send gratitude to shops and consumers - those who have supported the development of the Binh Minh Plastic brand in Phu Quoc island district, and listened to comments from customers regarding products and services of the Company. Thereby, Binh Minh Plastic better understood the actual needs of customers for a better response.

## COMBATING COUNTERFEIT GOODS, IMITATION GOODS

Like any other famous brands in the world, Binh Minh Plastic is also attacked with illicit counterfeiting, fake brands by the individuals, and entities for their illegal benefit. To combat this situation in order to protect the interests of consumers and legitimate interests of the business, the Company has applied many measures at the same time:

### Technical measures:

- Electronic inkjet of information on the product to combat the counterfeit trade mark.
- Engraving logo on all product accessories produced by the Company.
- Paste anti-counterfeit goods stamps on the product.

### Business measures:

- Including in the regulations in binding all the stores to hang Binh Minh signboard according to uniform standards, they shall be responsible before law and for the Company about purchase of floating goods, imitation goods, goods with counterfeit trademarks.
- Recommending customer to purchase genuine goods in stores selling products of Binh Minh Plastic.
- Helping clients to test and certify products when there are doubts.

### Communication measures:

- Regularly attending social events, talks, advice and answering questions on mass media to help consumers distinguish counterfeit trademarks.
- Participating in the fair showing the counterfeit products of economic organizations and the media.

- Rewarding and praising the organizations and individuals who have discovered, made accusations of fake goods and imitation goods of the Company's brand.

**Administrative measures**:

- Establishing anti-counterfeiting board in the Company with hot line to gather information from consumers.
- Joining in the Club against counterfeiting in Vietnam.
- Coordinating with the Inspectorate of Science and Technology, Department of Intellectual Property, the market monitoring teams and Economic police of the provinces and cities in handling counterfeit cases, imitation products.
- Recommending prosecuting the individuals or organizations in violation.

WIDE SEA LONG PIPE- Welded pipes for waste water treatment works in Danang city on 13 May 2009

## PIPE WELDING SERVICES

In business, two factors always decide and control the development and growth of the brand name that are quality and price products. Besides, after-sales services play a role to maintain the vitality of the product and the brand's value, is the commitment of producers to consumers. Awareness of this, Binh Minh Plastics has pioneered the service after the sale to strengthen its firm confidence to consumers about a National brand, quality and thoughtful care before, during and after the sale.

Binh Minh Plastics manufactures and supplies products to the market HDPE and PP-R pipes that is not the earliest but until now this product line is growing fast and strong, holds many firsts, such as HDPE Products have the largest diameter in Vietnam (1200mm diameter), the product has the fastest growth rate in the range of company products. Especially instructions services for construction, pipe welding, lending welding machines on free of charge has satisfied all customers who use these two product lines, at the same time professional working style, enthusiastic performance of the implementation team has brought to the customer peace of mind and confidence when using the product of Binh Minh.

In 2011 and subsequent years Binh Minh Plastics will unceasingly improve its service part. A team of professional welding service has been established; new machinery and equipments were fully invested in pipes of all sizes from Φ 20mm to Φ1200mm to bring effective and highest benefit to the customer. Consciousness: "A good product without appropriate services accompanied will lose its real value that it delivers", Binh Minh Plastics is committed to providing both the "quality product and perfect service" to meet up most of what customers want.

# Activities and outstanding achievements in the year

## OUTSTANDING ACHIEVEMENTS

- The sole entity in plastic pipe production continues to be selected by Vietnam Government to participate in the "VIETNAM VALUE" at the second time. This program began in 2008.
- awarded 6th "VIET NAM GOLD STAR" by the Young Entrepreneurs Association of Vietnam
- The only plastic pipe continuously from 1997 until now (15 times) has been voted "VIETNAM HIGH QUALITY GOODS" by the consumers.
- Leading in the list of "THE VIETNAM COMPANY WITH BEST OPERATIONS" in 2010 by Profiles International Vietnam with the proportion of the turnover / staff during the year was VND 2.5 billion.
- The TYPICAL ENTERPRISE IN VIENTAM SECURITIES MARKET 2010.
- As one of the 500 LARGEST PRIVATE COMPANIES IN VIETNAM.

BM PLASCO
NHỰA BÌNH MINH

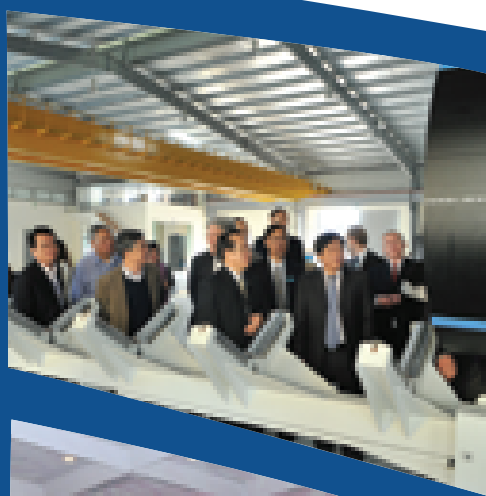

## HIGHLIGHT OF THE YEAR 2010

- May 14th : Customer Conference in Ha Long, Quang Ninh province.
- May 21th : Company's party corgress.
- July 17th : Company's trade union congress.
- September 13th : The sigring ceremony of principle contract on the investment at Vinh Loc A Industrial Park, Long An Province.
- October 03rd : Sports and fire fighting day in Company.
- October 20th : Inauguration of dormitorie for staffs in Binh Duong.
- November 12th : Customer conference of Phu Quoc area.
- November 27th : 10th anniversary of in receipt of ISO certificate.
- November 28th : Company's youth Urion congress.
- December 16th & 17th : Seminar on plastic pipe used in water supply and drainage in Hanoi and trauguration ceremony of production line HDPE 1,200mm in Hung Yen.

# Community relations

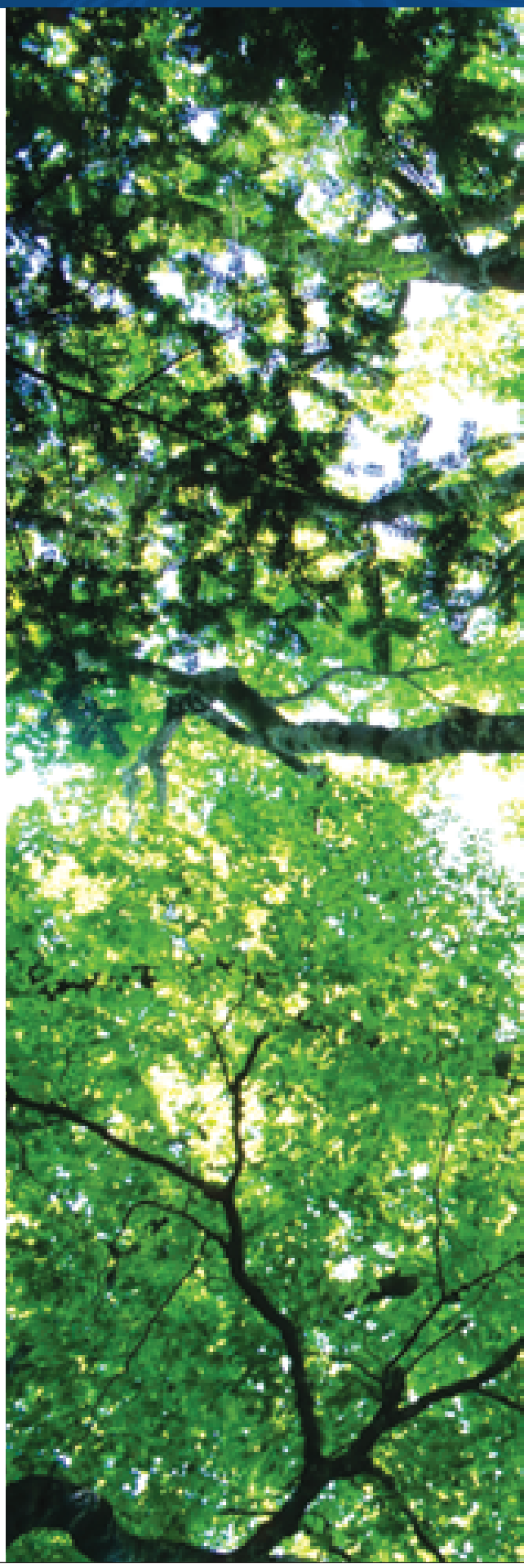

## SOCIAL RESPONSIBILITY

Being aware of social responsibility, besides efforts to contribute to business development for the country, the company always strictly implements the policies of the Party and State. Binh Minh Plastic always shares difficulties with the community through social activities such as contribution to disaster relief, flood, building houses of gratitude with the average number of three houses each year. Responding to calls on the Government's relief for the Japanese people who are heavily affected from earthquake, tsunami on March 11, 2011, the Company extracted VND 30 million from welfare fund for contribution to the Ho Chi Minh City Red Cross. These activities have become the company's tradition for years.

During 10 years, Binh Minh Plastic has maintained caring 5 Vietnam Hero Mothers, 3 Mothers of Martyrs, a wounded family, one child of worker with difficult situation.

Movement of blood donation was launched and maintained for 7 years with more than 700 participants in donation of blood. Many touching stories have emerged from this movement in the Company:

“AWARENESS OF SOCIAL RESPONSIBILITY, BINH MINH PLASTICS ALWAYS SHARE WITH THE COMMUNITY DIFFICULTIES THROUGH SOCIAL ACTIVITIES”

• A customer called the company in request for helping rare blood for the relative who is under treatment at the hospital. In the Company, two officers with this blood type were ready for blood donation immediately but it still could not save the patient. It urged and helped staff of the Company to realize the importance of blood donation to save people.

• A couple of workers of the company donating blood every year because their mothers used to have dialysis. Above all, they understood and appreciated the persons who had for their mother donated their blood.

- Movement of blood donation of Binh Minh Plastic has attracted both local residents where the company is located to join into the movement.

- The total value for social works in 2010 reached nearly VND 700 million.

## ENVIRONMENTAL RESPONSIBILITY

As an industrial production enterprise, Binh Minh Plastic always focuses on the works on environment. Besides strict compliance with regulations on noise, waste water, waste separation, the Company always applies modern, advanced production technology, to release the high quality products and friendly to the environment. Binh Minh Plastic Company was aware of its roles, responsibilities for the environment and is planning to develop and apply the ISO 14000 system of environmental management in 2011.

# Activities About ISO

After 10 years of establishment, operation, improvement and good maintenance, the quality management system ISO 9001:2008 of Company was evaluated more closely with operation of business management and one of the most effective management tools of the Company. ISO 9000 quality management helped operation procedures of the company more and more professional in planning - implementation - testing - improvement, building and maintaining Binh Minh culture, contributing to create competitive advantage and sustainable development.

In 2011, the company will build an environmental management system ISO14000 in order to help preserving the living environment and save natural resources of the entire society. This system will be integrated into ISO 9000 quality management system of the Company.

# Business culture - Internal resources

## BUSINESS CULTURE

Since its establishment with the name called Binh Minh Plactis, the staffs came together as a people in the same house. The feelings of the workers, in which most of them were Chinese people to the Board of Directors was simple but profound truth when they felt sharing, attached to hardship and difficulties of the leaders through each dried fish, each package of sugar in the collective meals. Conversely, from their perspective, the leaders found they were responsible to contribute in improvement for the lives of workers, helped them have more fresh meals, as well as additional wage. And so, Binh Minh Plastic stood firmly in the days of difficulties, built the Company from nothing to obtain achievements in the present. The past passed, malnutrition, lack of clothes receded. The largest heritage that Binh Minh Plastic was proud of and it has grown more vibrant, that is business culture with the name of Binh Minh.

**SOLIDARITY:** It is confident when talking about Binh Minh Plastic, everyone has to mention. In Binh Minh Plastic there is not the case when the drums are beaten up then the trumpets were blown down, but it does not have the case of saying in one direction. We remain convinced, fight for the right and do in a consensus.

**GRATITUDE TO THE PAST:** to revise the old in order to know the new is always reminded and referred to at Binh Minh Plastic. The lessons left by those previous generations were used as personal belongings for the next generation. These efforts and achievements of previous generations are always respected by the latter with gratitude. The bridge between the past and present becomes sustainable, ethically imbued with "when drinking water remember its source" in the individual of the collective Binh Minh Plastics.

**STRENTH AT THE PRESENT:** Skills and spirit in resolving conflicts, arising in the production and business activities to create competitive advantage and co-operating with the development, Binh Minh Plastic is creating conditions to support colleagues and friends in the market. Business culture Binh Minh Plastic creates a unique identity in the spirit of the marketplace is not a battlefield. Thereby, customers and partners are always found at the Binh Minh Plastic a key supplier with loyalty and

enthusiasm to share the prosperity and increase closeness. Binh Minh people, everyone who is ready to execute "a piece in hanger is package in fullness" and are always pleased to integrate with the community.

**CONFIDENCE TOWARD THE FUTURE:** In all circumstances, the leaders of Binh Minh Plastic always show their confidence in their role. The leaders have always tried to consolidate the trust of employees with proper orientation and development and the plan to prepare the infrastructure, physical facilities and internal resources to step firmly on the path to development and bring Binh Minh Plastic to become a powerful corporation in Vietnam and to the world.

## The cultural activities in 2010

Through the annual activities, Binh Minh culture is always maintained, in order to honor the traditional values, thus enhancing the life and motivation of officials and employees, enabling them to be closed to Company. In 2010, the Company has organized many cultural activities including:

- Cooking contest, flower arrangement was held on March 8, to honor mothers, the wives of the families with the theme "family meals".

- Art contest to celebrate the trade union congress of term 15.

- Sports and Fire fighting event was held in October every year to improve skills and awareness of fire protection and fighting of workers.

- Seminar: "Binh Minh women with company culture" on the occasion of October 20, 2010.

- Festival to celebrate 10 years of ISO with the theme "Binh Minh culture and quality management system."

- On the 7th blood donation festival was held on January 21, 2011 to increase awareness of workers about the importance and noble action of blood donation to help patients who are in need of blood.

Besides the cultural activities of the Company, the clubs of interest are also focused for development such as badminton, table tennis, volleyball, dancing...

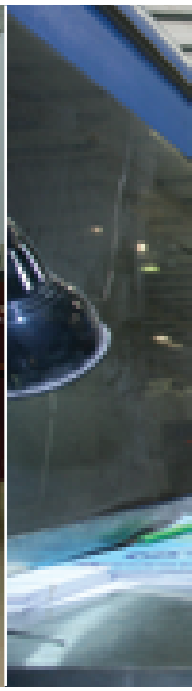

## INTERNAL RESOURCES

### Labor

Employees of companies with the following structure

**LABOR STRUCTURE BY QUALIFICATION**

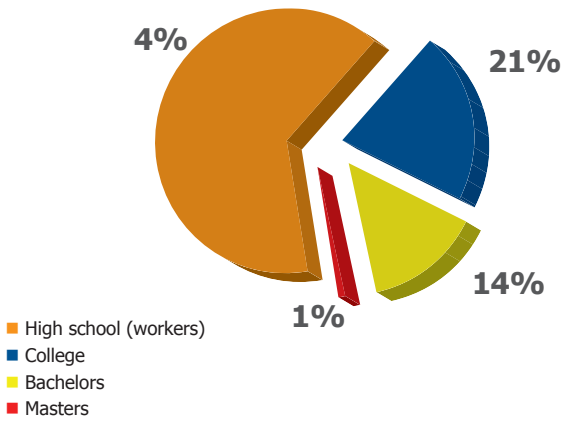


- Manual laborers of the company reached a minimum level from high school or higher. The persons of the older generation always try to study to increase the level to meet the development needs of the Company. This shows that Companies is focusing on recruiting, training to ensure high-quality resources to meet the increasing requirements for technology, production business services.

**LABOR STRUCTURE UPON THE TITLES**

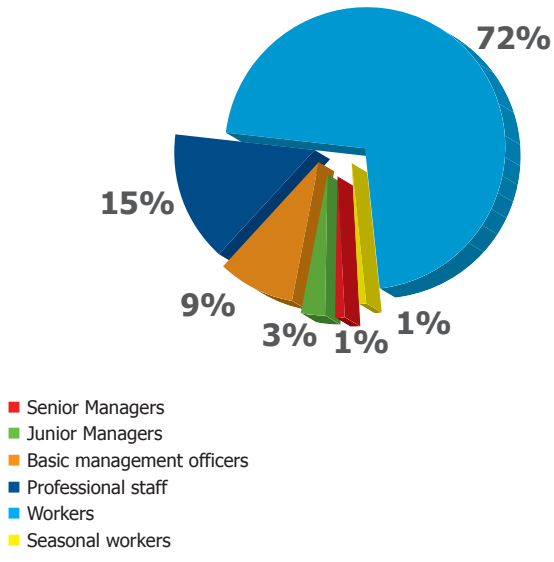


Management apparatus of the company is streamlined, efficient, be spread, balanced between the positions of the Company.

### LABOR STRUCTURE UPON THE AGE

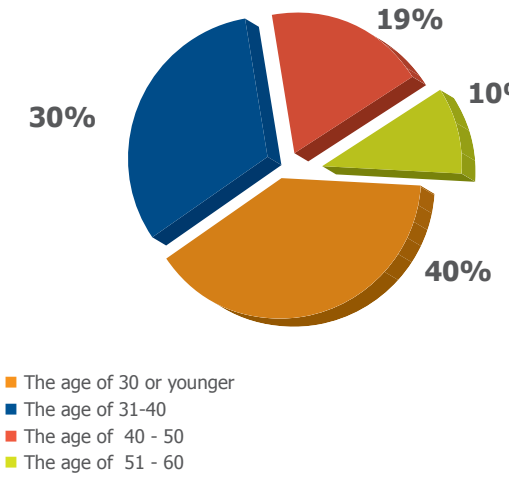


### PROPORTION OF THE REVENUE/ STAFF FROM 2006 TO 2010

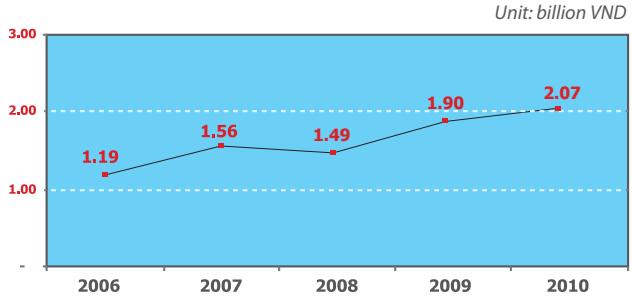


Proportion of the revenue / staff of the Company in recent years have increased at an average of 21% per year. These data show that management policies and use of company resources had high efficiency, flexibility, in line with reality. Labor force with quality is always under coaching and training to meet the growth of the Company.

Although Binh Minh Plastic Company has a rather old age (up to now 33 years) but the working age of the Company is increasingly rejuvenation. Percentages of ages in the company are spread to ensure balance and harmony between the young with enthusiastic, energetic manner but inexperienced and the older generations who have solid knowledge, matured, experienced. This is also a favorable factor for the training and transfer of experience, culture between generations.

## Policies for employees

Human resources are invaluable assets of the business. Being aware of this, the Company always focuses on the regimes and policies for caring the employees. In addition to the policies under the provisions of the State, the company also has its own benefit policies for employees, specified in the collective labor agreements, such as wage policy as maternity leave, sickness, joy hospitality, resort policy, annual travel....

### Wage policy - reward

The Company always tries to maintain an income for workers in a relatively stable level compared with the current salary, creates psychological stability and peace of mind so they have attached to the company for a long time.

### Health care policy

In 2010 the company held a periodic health examination for 100% of the employees, setting up the documents to monitor the health records for each staff in the company through computer systems, consultancy for individuals who have signs of abnormal health, medical check is required in order to detect early disease to treat in time.

In addition to the health examination for workers, the Company has paid more than VND 200 million to equip the individual protection tools for workers and increased rate of hazardous allowance for workers from VND 4,000 up to VND 8,000 under the new regulations of the State. The collective kitchen of the Company is regularly inspected for food hygiene and safety, not letting the case of food poisoning happening in two collective kitchens of the Company.

Besides, the Company implements the policy to purchase comprehensive health insurance and 24/24 accident insurance for employees at a cost of over VND 130 million per year.

### Training policy

Training in Binh Minh Plastic has always been of primary concern. The training contents mainly specialize in content of management, specialization of each department, the plant. Total number of training hours in 2010 is 702 hours. Total participants of the training courses are 445 persons. In addition to training, coaching, the Company also has programs to support school fees, to encourage and create favorable conditions for employees to train themselves to improve the skills, qualifications, workmanships.

### Management program for apprentices and trainees

Besides supporting policy, encouraging the employees in the study to rise in the work, the leaders of the Company always focus on the recruitment and training of managerial staff.

Since 2009 the Company issued regulations on management of trainees in order to select and train the next managerial staff for to the Company. It always ensures the stability, continuity and development of staff that is the factor for the sustainable development of the Company.

In 2010 the company trained 06 probation officers and issued official decision on appointment. Implementing the regulations on management of trainees has initially helped to create staff resources for rotation and preparation of resources to meet needs in development and expansion on the scale of the Company.

In addition, the Company also issued regulations on the apprentice through which it establishes the connections, complementary knowledge and practices among the Company with the training institutions as prerequisite for the recruitment of young, dynamic employees, with higher level of education in line with the requirements of the Company.

## Other Policies

Granting Nguyen Duc Canh scholarship and organizing annual summer camp program for children of staff of high achievement in learning.

Gifts on Children's day festival, mid-autumn for all children of company staff

Gifts on March 08, October 20 for female staff.

Gifts on December 22, for staff who were formerly military personnel members of the armed forces.

## Organizing to promote initiatives

Every year, the company will launch the competitive movement to promote innovations and improvements in operations, in 2010; it had registered 44 initiatives, 80% of the manufacturing sector, 20% in management and profession. There are 30 initiatives which were recognized, estimated to make benefit over VND 200 million for the Company.

REPORT FROM THE BOARD OF DIRECTORS
BALANCE SHEET
Financial Report
BALANCE SHEET
INCOME STATEMENT

AUDIT REPORT
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
CASH FLOW STATEMENT

# Report from the Board of Directors

The Board of Directors of Binh Minh Plastics Joint Stock Company (hereafter called "the Company") would like to present its report and the consolidated financial report of the Company for the year ending 31st December 2010.

## OVERVIEW

Binh Minh Plastics Joint Stock Company was established under Decision No. 209/2003/QD-BCN dated on 4th December 2003 by the Ministry of Industry, transforming Binh Minh Plastics into a joint stock company.

The Company's business license - No. 4103002023 - was issued on 2nd January 2004. The third amendment on the business license was issued by the Planning and Investment Department of Ho Chi Minh City dated 6th February 2010.

The Company's key business activities are: making civil and industrial products from plastic and rubber; designing, manufacturing, and trading plastic moulds for the casting industry; producing and trading machinery, materials, sanitation for the construction industry; interior decoration; consultancy and execution of water drainage, yards, and warehouses; appraisal, analysis and testing for the chemical industry; trading in import and export materials, chemicals, machinery for the plastic industry, mechanical industry and construction industry; water supply and drainage; and laboratory equipment.

The Company's head office is 240 Hau Giang, Ward 9, District 6, HCM City.

The subsidiaries in this consolidated financial report include:

| COMPANY NAME | ESTABLISHED UNDER | BUSINESS SCOPE | STAKE |
|---|---|---|---|
| Binh Minh Plastic Northern One Member Limited Liability Company | The Company's business license - No. 0504000211 - was issued by the Planning and Investment Department of Hung Yen Province dated 18th September 2006 | Civil and industrial products made of plastic and rubber | 100% |

## EVENTS AFTER BOOK CLOSURE

No other important events taking place after the book closure are required to be announced in this consolidated financial report.

## BOARD OF MANAGEMENT, BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISORS

The following is the list of members of the Board of Management, Board of Directors and Board of Supervisors in the year to the date of this report:

Board of Management:

| | |
|---|---|
| Mr. Le Quang Doanh | Chairman |
| Mr. Nguyen Hoang Ngan | Vice-Chairman |
| Ms. Nguyen Thi Kim Yen | Member |
| Ms. Trang Thi Kieu Hau | Member |
| Mr. Bui Quang Khoi | Member |

# Report from the Board of Directors (continued)

Board of Directors:

| | |
|---|---|
| Mr. Le Quang Doanh | General Director |
| Mr. Nguyen Hoang Ngan | Deputy General Director |
| Ms. Nguyen Thi Kim Yen | Deputy General Director |

Board of Supervisors:

| | |
|---|---|
| Ms. Nguyen Thi Phuong Nga | Chief Supervisor |
| Mr. Nguyen Kim Thuong | Member |
| Ms. Dinh Thi Nguyet Ha | Member |

## AUDITOR

Nam Viet Accounting Consultancy and Auditing Service Ltd. (AASCN) audited the unified financial report for the Company.

## RESPONSIBILITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS TO THE UNIFIED FINANCIAL REPORT

The Board of Directors is responsible for producing the consolidated financial report, reflecting the consolidated business results as well as the cash flow of the Company in the year. In the production of the consolidated financial report, the Board of Directors committed to complying with the following requirements:

- Selecting a reasonable accounting policy and applying it consistently;
- Giving careful evaluation and forecast;
- Producing and presenting the consolidated financial reports in accordance with accounting standards and related regulations;
- Producing the consolidated financial reports based on the Company's continuous business activities, except in the event where it is impossible to confirm the continuation of the Company's business.

The Board of Directors ensured that all the accounting books accurately reflect the Company's financial situation, and that the consolidated financial report complies with the current law. The Board of Directors is also responsible for the safeguard of the Company's assets from fraud and other violations.

The Board of Directors are committed to ensuring that the consolidated financial report accurately reflects the Company's financial situation, business results and cash flow as of 31st December 2010 in accordance with Vietnam accounting standards and related regulations.

On behalf of the Board of Directors

Le Quang Doanh
General Director
Hochiminh City - March, 03rd 2011

No : 82/BCKT/TC

# AUDIT REPORT

***With reference to the consolidated financial report of Binh Minh Plastics Joint Stock Company***

To: Board of Management and
Board of Directors of Binh Minh Plastics

The audit work for the consolidated financial report of Binh Minh Plastics Company includes: Balance Sheet as of 31st December 2010, Business Result Report, Report on Cash Flow and the Interpretation of the Financial Report as of 03rd March 2011, are presented attached.

The Board of Directors is responsible for producing the financial report. Our duty is to provide evaluation on the reports based on our auditing work.

## *BASIS OF EVALUATION*

The audit work was completed in accordance with Vietnam's auditing standards. These standards require planning and execution to ensure that the financial reports are free from mistakes. We checked this by selecting samples and applying the necessary tests and evidence to verify the information in the report; evaluating the compliance to current accounting standards and regulations; including important forecast and evaluation of the Director as well as checking on the arrangement of the report. We ensure that our audit work is done on a legal basis for our evaluation.

## *EVALUATION OF THE AUDITOR*

According to our evaluation, the consolidated financial report accurately and reasonably reflects the main aspects of the Company's situation as well as its business results and cash flow as of 31st December 2010, in accordance with Vietnam accounting standards and related regulations.

**Nam Viet Accounting Consultancy and Auditing Service Ltd. (AASCN)**
**General Director**

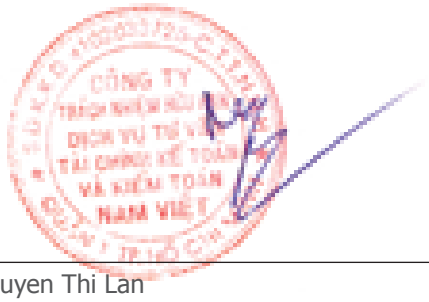

Nguyen Thi Lan
CPA No.: 0167/KTV

**Auditor**

Nguyen Hong Nga
CPA No.: 1266/KTV

Hochiminh City - March, 14th 2011

# Balance sheet

## As of 31 December 2010

*Unit: VND*

| ASSETS | CODE | NOTE | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|---|
| **A . CURRENT ASSETS** | **100** | | **708.383.063.586** | **550.256.649.595** |
| **I. Cash and cash equivalents** | 110 | V.1 | **66.990.563.221** | **94.337.022.992** |
| 1. Cash | 111 | | 32.990.563.221 | 38.437.022.992 |
| 2. Cash equivalents | 112 | | 34.000.000.000 | 55.900.000.000 |
| **II. Short-term investments** | 120 | V.2 | **15.840.909.091** | **17.400.000.000** |
| 1. Short-term investments | 121 | | 22.000.000.000 | 23.000.000.000 |
| 2. Provisions for devaluation of short - term investment | 129 | | (6.159.090.909) | (5.600.000.000) |
| **III. Accounts receivable** | 130 | | **300.720.716.687** | **134.653.360.094** |
| 1. Receivable from customers | 131 | | 183.186.503.128 | 127.400.349.590 |
| 2. Prepayments to suppliers | 132 | | 118.221.938.742 | 6.933.599.354 |
| 3. Other receivable | 135 | V.3 | 294.733.700 | 1.418.818.188 |
| 4. Provisions for bad debts | 139 | | (982.458.883) | (1.099.407.038) |
| **IV. Inventories** | 140 | V.4 | **305.165.925.783** | **269.550.928.865** |
| 1. Inventories | 141 | | 305.165.925.783 | 269.550.928.865 |
| 2. Provisions for devaluation of inventories | 149 | | - | - |
| **V. Other current assets** | 150 | | **19.664.948.804** | **34.315.337.644** |
| 1. Short-term prepaid expenses | 151 | | 1.311.468.000 | 1.010.015.800 |
| 2. VAT to be deducted | | | 570.902.177 | 4.451.177.852 |
| 3. Taxes and other accounts receivable from the State | 154 | V.5 | 892.884.337 | - |
| 4. Other current assets | 158 | V.6 | 16.889.694.290 | 28.854.143.992 |
| **B. LONG-TERM ASSETS** | 200 | | **273.770.378.931** | **273.993.154.757** |
| **I. Long-term accounts receivable** | 210 | | - | - |
| **II. Fixed assets** | 220 | V.7 | **265.448.923.016** | **265.580.812.749** |
| 1. Tangible assets | 221 | | 228.260.385.382 | 233.425.237.707 |
| - Historical cost | 222 | | 519.078.067.257 | 472.707.999.830 |
| - Accumulates depreciation | 223 | | (290.817.681.875) | (239.282.762.123) |

# Balance sheet (continued)

## As of 31 December 2010

| ASSETS | CODE | NOTE | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|---|
| 2. Financial leasehold assets | 224 | | - | - |
| - Historical cost | 225 | | - | - |
| - Accumulates depreciation | 226 | | - | - |
| 3. Intangible assets | 227 | V.8 | 31.367.854.362 | 32.130.105.042 |
| - Initial cost | 228 | | 35.996.185.657 | 35.996.185.657 |
| - Accumulated amortization | 229 | | (4.628.331.295) | (3.866.080.615) |
| 4. Construction-in-progress | 230 | V.9 | 5.820.683.272 | 25.470.000 |
| **III. INVESTMENT PROPERTY** | 240 | | - | - |
| - Historical costs | 241 | | - | - |
| - Accumulated depreciation | 242 | | - | - |
| **IV. LONG-TERM INVESTMENTS** | 250 | V.10 | **8.125.000.000** | **8.155.000.000** |
| 1. Investments in affiliates | 251 | | - | - |
| 2. Investment in business concerns and joint ventures | 252 | | - | - |
| 3. Other long-term investments | 258 | | 8.125.000.000 | 8.155.000.000 |
| 4. Provisions for devaluation of long-term investments | 259 | | - | - |
| **V. OTHER LONG-TERM ASSETS** | 260 | | 196.455.915 | 257.342.008 |
| 1. Long-term prepaid expenses | 261 | | - | - |
| 2. Deferred income tax assets | 262 | V.15 | 196.455.915 | 257.342.008 |
| 3. Other long-term assets | 268 | | - | - |
| | | | - | |
| **VI. GOODWILL** | 269 | | - | - |
| **TOTAL ASSETS** | 270 | | **982.153.442.517** | **824.249.804.352** |

# Balance sheet (continued)

## As of 31 December 2010

*Unit: VND*

| LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY | CODE | NOTE | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|---|
| **A. LIABILITIES** | 300 | | **129.662.570.843** | **152.344.787.536** |
| **I. Current liabilities** | 310 | | **128.257.535.392** | **151.306.364.225** |
| 1. Short-term debts and loans | 311 | V.11 | 12.268.000.000 | 11.260.221.392 |
| 2. Payable to suppliers | 312 | | 62.204.807.611 | 111.254.152.062 |
| 3. Advances from customers | 313 | | 2.939.249.482 | 881.772.274 |
| 4. Taxes and other obligations to the State Budget | 314 | V.12 | 13.193.530.314 | 7.082.650.560 |
| 5. Payable to employees | 315 | | 10.570.736.570 | 8.298.486.044 |
| 6. Accrued expenses | 316 | V.13 | 8.656.717.052 | 5.307.137.716 |
| 7. Other short-term payable | 319 | V.14 | 3.469.146.082 | 1.703.572.059 |
| 8. Bonus & welfare funds | 323 | | 14.955.348.281 | 5.518.372.118 |
| **II. Long-term liabilities** | 330 | | **1.405.035.451** | **1.038.423.311** |
| 1. Provision for unemployment allowances | 336 | | 1.405.035.451 | 1.038.423.311 |
| **B. OWNER'S EQUITY** | 400 | | **852.490.871.674** | **671.905.016.816** |
| **I. Owner's equity** | 410 | V.16 | **852.490.871.674** | **671.905.016.816** |
| 1. Capital | 411 | | 348.763.720.000 | 347.691.920.000 |
| 2. Share premiums | 412 | | 1.592.782.700 | 1.592.782.700 |
| 3. Business promotion fund | 417 | | 290.952.267.247 | 130.864.228.602 |
| 4. Financial reserved fund | 418 | | 37.367.097.752 | 18.485.564.387 |
| 5. Other funds | 419 | | 27.096.149.211 | 16.796.149.211 |
| 6. Retained earnings | 420 | | 146.718.854.764 | 156.474.371.916 |
| **II. Other sources** | 430 | | - | - |
| **C. INTEREST OF MINORITY SHAREHOLDERS** | 439 | | - | - |
| **TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY** | 440 | | **982.153.442.517** | **824.249.804.352** |

# Balance sheet (continued)

## As of 31 December 2010

**OFF - BALANCE SHEET ITEMS**

*Unit: VND*

| ITEMS | NOTE | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|---|
| 1. Leasehold assets | | | |
| 2. Materials and goods kept or processed for others | | | |
| 3. Goods deposited by others | | | |
| 4. Bad debts already treated | | | |
| 5. Foreign currencies | | | |
| + USD | | 58.821,23 | 93.064,23 |
| + EUR | | 11.535,00 | 2.085,90 |
| 6. Estimates for non-business and project expenditure | | | |

| Prepared by | Chief Accountant | General Director |
|---|---|---|
| Phung Huu Luan | Trang Thi Kieu Hau | Le Quang Doanh |

Hochiminh City - March 03rd, 2011

# Income Statement

## Year ended 2010

*Unit: VND*

| ITEMS | CODE | NOTE | CURRENT YEAR | PREVIOUS YEAR |
|---|---|---|---|---|
| **1. Sales** | **01** | VI.1 | **1.441.655.094.939** | **1.156.149.641.356** |
| 2. Deductions | 02 | VI.2 | 24.794.752.221 | 12.995.957.619 |
| **3. Net sales** | **10** | VI.3 | **1.416.860.342.718** | **1.143.153.683.737** |
| **4. Cost of goods sold** | **11** | VI.4 | **1.035.350.522.823** | **806.603.438.469** |
| **5. Gross profit** | **20** | | **381.509.819.895** | **336.550.245.268** |
| 6. Financial income | 21 | VI.5 | 10.401.583.569 | 4.173.819.971 |
| 7. Financial expenses | 22 | VI.6 | 7.239.080.616 | 3.348.265.069 |
| *In which: Loan interest expenses* | 23 | | *1.130.064.900* | *2.229.277.877* |
| 8. Selling expenses | 24 | | 39.347.852.704 | 25.271.305.819 |
| 9. Administrative overheads | 25 | | 33.045.935.102 | 28.447.926.885 |
| **10. Net operating profit** | 30 | | **312.278.535.042** | **283.656.567.466** |
| 11. Other income | 31 | | 1.503.218.514 | 1.528.309.440 |
| 12. Other expenses | 32 | | 50.404.124 | 20.659.406 |
| **13. Other profit/ (lost)** | **40** | | 1.452.814.390 | 1.507.650.034 |
| **14. Profit from business concerns and joint ventures** | | | - | - |
| **15. Total accounting profit before tax** | **50** | | **313.731.349.432** | **285.164.217.500** |
| 16. Current corporate income tax | 51 | VI.7 | 38.372.731.116 | 35.445.777.279 |
| 17. Deferred corporate income tax | 52 | VI.8 | 60.886.093 | (200.814.195) |
| **18. Profit after tax** | **60** | | **275.297.732.223** | **249.919.254.416** |
| *18.1 Interest of minority shareholders* | | | - | - |
| *18.2 Profit after tax of parent company's shareholders* | | | *275.297.732.223* | *249.919.254.416* |
| **19. Earning per share** | **70** | VI.9 | **7.894** | **7.223** |

| Prepared by | Chief Accountant | General Director |
|---|---|---|
| Phung huu Luan | Trang Thi Kieu Hau | Le Quang Doanh |

Hochiminh City - March, 03rd 2011

# Cash Flow Statement
## Year ended 2010

*Unit: VND*

| ITEMS | CODE | CURRENT YEAR | PREVIOUS YEAR |
|---|---|---|---|
| **I. Cash flows from operating activities** | | | |
| ***1. Profit before Tax*** | 01 | **313.731.349.432** | **285.164.217.500** |
| ***2. Adjustments*** | | | |
| - Depreciation of fixed assets | 02 | 53.707.370.042 | 44.928.770.996 |
| - Provisions | 03 | 442.142.754 | (4.324.046.731) |
| - Gain / (lost) from foreign exchange differences | 04 | 269.442.356 | 91.410.138 |
| - Gain / (lost) from investing activities | 05 | (10.560.994.240) | (4.132.325.450) |
| - Loan interest expenses | 06 | 1.130.064.900 | 2.229.277.877 |
| ***3. Operating profit before changes of working capital*** | 08 | **358.719.375.244** | **323.957.304.330** |
| - Increase / (decrease) of accounts receivable | 09 | (163.304.150.278) | (36.286.667.965) |
| - Increase / (decrease) of inventories | 10 | (35.614.996.918) | (80.774.494.256) |
| - Increase / (decrease) of account | 11 | (38.548.336.961) | 102.314.753.648 |
| - Increase / (decrease) of prepaid expenses | 12 | (301.452.200) | (229.690.967) |
| - Loan interest already paid | 13 | (768.651.594) | (2.189.037.844) |
| - Corporate income tax already paid | 14 | (33.312.778.925) | (31.219.615.692) |
| - Other gains | 15 | 155.609.165.340 | 17.262.902.633 |
| - Other disbursements | 16 | (159.011.581.449) | (51.758.929.562) |
| ***Net cash flows from operating activities*** | 20 | **83.466.592.259** | **241.076.524.325** |
| **II. Cash flows from investment activities** | | | |
| 1. Purchases and construction of fixed assets | 21 | (53.625.223.933) | (92.977.968.124) |
| 2. Gains from disposal, liquidation of fixed assets and long-term assets | 22 | 327.984.091 | - |
| 3. Loan given and purchases of debt instruments of other entities | 23 | - | (1.000.000.000) |
| 4. Recovery of loans given and disposals of debt instruments of other entities | 24 | 1.000.000.000 | - |
| 5. Investment into other entities | 25 | - | - |
| 6. Withdrawals of investments in other entities | 26 | 30.000.000 | - |
| 7. Receipts of loan interests, dividends and profit shared | 27 | 10.282.753.773 | 4.132.325.450 |
| **Net cash flows investing activities** | 30 | **(41.984.486.069)** | **(89.845.642.674)** |

# Cash Flow Statement (continued)
## Year ended 2010

*Unit: VND*

| ITEMS | CODE | CURRENT YEAR | PREVIOUS YEAR |
|---|---|---|---|
| **III. Cash flows from financial activities** | | | |
| 1. Gains from stock issuance and capital contributions from shareholders | 31 | - | 4.808.182.700 |
| 2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued | 32 | - | - |
| 3. Short-term and long-term loans receives | 33 | 12.175.600.832 | 53.366.370.074 |
| 4. Loan principal amounts repaid | 34 | (11.167.822.224) | (90.641.392.903) |
| 5. Payments for financial leasehold assets | 35 | - | - |
| 6. Dividends and profit already paid to owners | 36 | (69.752.744.000) | (42.550.457.500) |
| **Net cash flows from financing activities** | 40 | **(68.744.965.392)** | **(75.017.297.629)** |
| **Net cash flows during the year** | 50 | **(27.262.859.202)** | **76.213.584.022** |
| **Begining cash and cash equivalents** | 60 | **94.337.022.992** | **18.123.438.970** |
| Effect of fluctuation in foreign exchange rates | 61 | (83.600.569) | - |
| **Ending cash and cash equivalents** | 70 | **66.990.563.221** | **94.337.022.992** |

| Prepared by | Chief Accountant | General Director |
|---|---|---|
| Phung Huu Luan | Trang Thi Kieu Hau | Le Quang Doanh |

Hochiminh City – March, 03rd 2011

# Notes To The Consolidated Financial Statements

Year 2010

## I. OPERATION FEATURES

### 1. Investment form

Binh Minh Plastics Joint Stock Company was established under Decision No. 209/2003/QD-BCN dated 04th December 2003 by the Ministry of Industry through transforming Binh Minh Plastics Company into a joint stock company.

The Certificate of Business, Registration No 4103002023, was first issued on 2nd January 2004. The third registration of change was made on 06th February 2010 by the Ho Chi Minh City Planning and Investment Department.

Company's Headquarters: 240 Hau Giang, Ward 9, District 6, Ho Chi Minh City.

The subsidiaries in this consolidated financial report include:

| COMPANY NAME | ESTABLISHED UNDER | BUSINESS SCOPE | STAKE |
|---|---|---|---|
| Binh Minh Plastic Northern One Member Limited Liability Company | The Company's business license - No. 0504000211 - was issued by the Planning and Investment Department of Hung Yen Province dated 18th September 2006 | Civil and industrial products made of plastic and rubber | 100% |

### 2. Business scope

Production and trade

### 3. Business Activities

The Company's main activities are in the manufacturing and trading of civil and industrial products made of plastic and rubber; designing, manufacturing and trading molds for the plastic and casting industries; manufacturing and trading machinery and equipment, materials, as well as sanitary components for construction and interior decoration; consultancy and construction works of water supply, yard and warehouse; inspection, analysis, and testing of chemicals; and trading, importing and exporting of raw materials, chemicals, materials, plastics machinery, as well as engineering, construction, water supply and laboratory equipment.

## II. FISCAL YEAR AND CURRENCY FOR ACCOUNTING

### 1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1st January to 31st December.

### 2. Standard currency unit

The currency unit used for accounting is Vietnam dong (VND).

## III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

### 1. Accounting system

The Company applies the Vietnamese Accounting system in accordance to Decision No. 15/2006/QĐ-BTC dated March 20, 2006 and Circular No. 244/2009/TT-BTC dated December 31, 2009, issued by the Ministry of Finance.

**2. Statement on compliance with the Vietnamese accounting system and standard**

The Company applies the Vietnamese Accounting system and guidelines issued by the State. The consolidated financial statements are made and presented according to these standards and guidelines, as well as the accounting system that currently applies.

**3. Accounting form**

The Company uses the voucher recording form in its accounting.

## IV. ACCOUNTING POLICY

**1. Consolidation bases**

Subsidiary is an enterprise that is controlled by the parent company. The control exists when the parent company has power to govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities.

Financial statements of subsidiaries are set in the same fiscal year as the parent company, applying accounting policies that are consistent with the accounting policies of the parent company. Where necessary, adjustments will be done to ensure this consistency.

Transactions excluded when consolidating the financial statements include: surplus within the corporation, and gains and expenses which have not been implemented by internal transactions. Profits and losses which arise from transactions from other investments will be accounted for by the owner method and deducted from the benefits within the Company's investee.

**2. Cash and cash equivalents**

Economic transactions made in foreign currencies shall be converted into Vietnam dong based on the exchange rate at the time of the transactions. At the end of the year, foreign currency items shall be converted based on the average inter-bank exchange rate released by the State Bank of Vietnam.

Differences in real exchange rates arising during the business cycle and differences in exchange rates after re-evaluation of the balance of monetary items at the end of year will be recorded in sales or financial costs for the fiscal year.

Cash equivalerts are short-term investments of less than 3 months can be converted into cash with minimal risk, since such investments were made during the time of preparation of the financial statements.

**3. Inventories**

Inventories are recorded at their original costs.

Net value is recorded where it is lower than the original cost. Original costs of inventories include the cost of buying, processing costs, and other directly related costs arising from adjustments made to bring the inventories to the current positions and conditions.

Provision for devaluation of stocks is the difference between the original cost of inventory is greater than the net value of their possible.

**4. Recording depreciation of fixed assets**

Tangible and intangible fixed assets are initially recognized at their cost. Subsequently, the total costs of these fixed assets comprise their historical costs and accumulated depreciation and residual value.

Depreciation of fixed assets is calculated linearly. The estimated lifespan of these assets is as follows:

| | |
|---|---|
| - Buildings, structures | 5 to 10 years |
| - Machinery and equipment | 5 to 8 years |
| - Means of transportation | 6 to 8 years |
| - Office equipment and devices | 3 to 5 years |
| - Land use rights | 41 to 50 years |

**5. Recording financial investments**

Investments in subsidiaries are calculated by using the original costs. Net profit, divided by the subsidiaries and affiliated companies, arising after the date of investment is recorded in the income statement. Other divided profit (except for net profit) is considered as the recovery of investments and is recorded as deductions to the original cost of investment.

Investments in securities at the time of statement are recorded if :
- Withdrawal or maturity period does not exceed three months from the date of purchase, and are considered «cash equivalent»;
- Withdrawal period under one year or within one business cycle, and are classified as short-term assets;
- Withdrawal period over one year or more than one business cycle, and are classified as long-term assets;

Provision for devaluation of investment is made through calculating the difference between the original costs of investments on the accounting ledger and its market value at the time of provision.

**6. Recognition and distribution of prepaid expenses**

Prepaid expenses related to the production costs of the business in the current fiscal year are recorded as short-term prepaid expenses and included in the business cost of the fiscal year.

**7. Recognition of accrued expenses**

Based on the principle of ensuring consistency between revenue and costs, actual expenses not incurred yet are deducted in the business costs for the period to ensure that the actual costs do not distort the actual representation of the business costs.

When these expenses arise, if there are any discrepancies to the recognized items, the accountant will record the additional expenses or write-off the cost corresponding to the difference.

**8. Recognition of owner's capital**

The owner's capital will be recorded according to the amount actually invested by the owner.

The difference between the issuance price and nominal value of shares when stock was first released, additionally released or re-released will be recorded as surplus equity.

Fund shares are shares issued by the company and then re-purchased. Fund shares are recorded based on actual value and stated in the balance sheet as an accounting write off equity.

Profit after tax not divided is the profits from the operation of the company less adjustment items caused by the application of retroactive adjustments in changing accounting policy and the retroactive adjustments of key error of previous year.

**9. Recognition of Sales**

*Sales*

Sales are recognized when the following conditions are satisfied simultaneously:
- Most of the risks and benefits associated with the goods ownership are transferred to customers;
- Company no longer holds ownership of the goods as the owner of goods or controller of goods;
- Revenue is determined rather reliably;
- Company has gained or will gain economic benefits from sales;
- Costs related to sales transactions are as determined.

*Financial income*

Revenue arising from interest, royalties, dividends, profit sharing and cash revenue from other financial activities are recognized when the following two conditions are satisfied simultaneously:
- Ability to gain economic benefits from such transactions;
- Revenue is determined rather reliably.

Dividends and profit shared are recognized when the company has the right to receive dividends or profit from the contribution of capital.

**10. Recognition of Financial expenses**

Expenses recorded as financial costs are:
- Costs or losses related to financial investment activities;
- Cost of loans and borrowings;
- Losses due to changes in exchange rates of business transactions conducted in foreign currency;
- Provision for depreciation of securities investments.

The above items are recognized as a whole in the period incurred, and are not compensated with income from financial activities.

**11. Recognition of corporate current income tax and deferred income tax**

Corporate current income tax is calculated on the basis of taxable income and the tax rate of corporate income tax in the current year.

Corporate deferred income tax is calculated on the basis of deductible temporary differences, taxable temporary differences and tax rate of corporate income tax.

## V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET

### 1. Cash and cash equivalents

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Cash | 582.639.424 | 451.409.331 |
| Cash in bank | 32.407.923.797 | 37.985.613.661 |
| Cash equivalents (time deposits of less than 3 months) | 34.000.000.000 | 55.900.000.000 |
| **Total** | **66.990.563.221** | **94.337.022.992** |

### 2. Short-term investments

| | Number of shares | 31/12/2010 VND | Number of shares | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|---|---|
| Short-term securities investment | | 22.000.000.000 | | 22.000.000.000 |
| + Ban Viet Securities Investment Fund | 180 | 18.000.000.000 | 180 | 18.000.000.000 |
| + Tan Tien Plastic Joint Stock Company | 20.000 | 4.000.000.000 | 20.000 | 4.000.000.000 |
| Other short-term investments | | - | | 1.000.000.000 |
| + Bank deposits with maturity over 3 months | | - | | 1.000.000.000 |
| Provisions for devaluation of short-term investments | | (6.159.090.909) | | (5.600.000.000) |
| **Total** | | **15.840.909.091** | | **17.400.000.000** |

### 3. Other Receivables

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Social security receivable from staff | 74.396.700 | 120.104.871 |
| Lent materials | - | 1.127.582.064 |
| Lendings to Company's Trade Union | - | 150.000.000 |
| Other receivables | 220.337.000 | 21.131.253 |
| **Total** | **294.733.700** | **1.418.818.188** |

### 4. Inventories

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Goods in transportation | 2.477.416.080 | 48.864.389.466 |
| Materials | 109.892.665.529 | 81.695.255.330 |
| Tools and equipment | 852.201.047 | 1.209.649.032 |
| Cost of production and sales not completed | 77.231.709.873 | 54.632.446.572 |
| Finished goods | 90.157.719.151 | 67.527.084.149 |
| Goods | 24.554.214.103 | 15.622.104.316 |
| **Total initial cost of inventories** | **305.165.925.783** | **269.550.928.865** |

### 5. Taxes and other receivables from state budget

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Import & export duties | 40.838.483 | - |
| Personal income tax overpaid in Binh Minh Plastics Joint Stock Company | 852.045.854 | - |
| **Total** | **892.884.337** | **-** |

### 6. Short-term properties

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Advanced | 472.308.233 | 93.230.000 |
| Depositing (*) | 16.340.462.950 | 28.646.045.830 |
| Lack of propeties pending | 76.923.107 | 114.868.162 |
| **Total** | **16.889.694.290** | **28.854.143.992** |

***(*) Details of deposits at December 31st, 2010 as below:***

| Bank of deposit | Deposit objectives | Foreign currencies | Amount VND |
|---|---|---|---|
| Commercial Bank - Branch No.06 | Deposited for payment in the import of machinery, equipment, and component of molds to produce tubes | 342,236.67 USD | 6.479.224.636 |
| Commercial Bank - Branch No.06 | Deposited for payment in the import of the remaining equipment to produce tubes | 395,511.26 EUR | 9.841.902.194 |
| Commercial Bank - Branch No.06 | Deposit guarantee | | 19.336.120 |
| | **Total** | | **16.340.462.950** |

**7. Increases / (decreases) of tangible fixed assets**

*Unit: VND*

| | Buildings and Structures | Machinery and equipment | Means of transportation | Office equipment and devices | Total |
|---|---|---|---|---|---|
| **Initial cost** | | | | | |
| Opening balance | 66.762.799.158 | 392.709.515.679 | 9.544.096.722 | 3.691.588.271 | 472.707.999.830 |
| Increase | 3.548.040.909 | 42.698.574.034 | 1.300.281.818 | 283.113.900 | 47.830.010.661 |
| *- New purchase* | *3.548.040.909* | *42.698.574.034* | *1.300.281.818* | *283.113.900* | *47.830.010.661* |
| Decrease | - | 697.841.119 | 461.675.000 | 300.427.115 | 1.459.943.234 |
| *- Liquidation, sold* | - | *697.841.119* | *461.675.000* | *300.427.115* | *1.459.943.234* |
| **Ending balance** | **70.310.840.067** | **434.710.248.594** | **10.382.703.540** | **3.674.275.056** | **519.078.067.257** |
| **Amortization** | | | | | |
| Opening balance | 40.006.825.497 | 192.982.619.020 | 4.807.541.117 | 1.485.776.489 | 239.282.762.123 |
| Depreciation in the year | 4.060.182.187 | 47.489.163.907 | 1.062.436.810 | 333.336.458 | 52.945.119.362 |
| Decrease | - | 648.097.495 | 461.675.000 | 300.427.115 | 1.410.199.610 |
| *- Liquidation, sold* | - | *648.097.495* | *461.675.000* | *300.427.115* | *1.410.199.610* |
| **Ending balance** | **44.067.007.684** | **239.823.685.432** | **5.408.302.927** | **1.518.685.832** | **290.817.681.875** |
| **Net book values** | | | | | |
| Opening balance | 26.755.973.661 | 199.726.896.659 | 4.736.555.605 | 2.205.811.782 | 233.425.237.707 |
| **Ending balance** | **26.243.832.383** | **194.886.563.162** | **4.974.400.613** | **2.155.589.224** | **228.260.385.382** |

## 8. Increases / (decreases) of intangible fixed assets

*Unit: VND*

| | Land use right |
|---|---|
| **Initial cost** | |
| Opening balance | 35.996.185.657 |
| Increases | - |
| Decreases | - |
| Ending balance | **35.996.185.657** |
| **Amortization** | |
| Opening balance | 3.866.080.615 |
| Amotization | 762.250.680 |
| Decreases | - |
| Ending balance | **4.628.331.295** |
| **Net book value** | |
| Opening balance | 32.130.105.042 |
| Ending balance | **31.367.854.362** |

## 9. Construction - in - progress

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| - Construction in progress | 5.820.683.272 | 25.470.000 |
| *In which:* | | |
| + Expenses to survey Press-Spray Plant at Song Than | *322.015.454* | *25.470.000* |
| + PE Workshop | *4.961.481.818* | - |
| + 500 KVA transformer station | *537.186.000* | - |
| **Total** | **5.820.683.272** | **25.470.000** |

## 10. Long-term investments

| | Number of shares | 31/12/2010 VND | Number of shares | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|---|---|
| Other long-term investments | | 8.125.000.000 | | 8.155.000.000 |
| *- Purchased Shares of Danang Plastic Joint Stock Company* | *650.000* | *8.125.000.000* | *650.000* | *8.125.000.000* |
| *- Government bonds* | | - | | *30.000.000* |
| Provision for devaluation of long-term investments | | - | | - |
| **Total** | | **8.125.000.000** | | **8.155.000.000** |

## 11. Short-term debts and loans

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Short-term loans | 12.268.000.000 | 11.260.221.392 |
| + Bank loans | - | 2.370.221.392 |
| + Personal loans (*) | 12.268.000.000 | 8.890.000.000 |
| **Total** | **12.268.000.000** | **11.260.221.392** |

(*) The money that sales agents pay in advance to guarantee themselves of a purchase by deferment according to the statute control of customer debts. Company must pay interest for this money according to the prevailing interest rate on deposits of Joint Stock Commercial Bank of industry and Trade of Vietnam at the same time.

## 12. Taxes and other obligations to the State Budget

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Value-added tax | 1.973.609.754 | 162.066.074 |
| Corporate Income Tax | 11.212.173.690 | 6.203.321.499 |
| Personal Income Tax | 7.746.870 | 717.262.987 |
| **Total** | **13.193.530.314** | **7.082.650.560** |

## 13. Payable costs

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Discount and support costs to customer | 7.665.508.663 | 4.802.342.633 |
| Interest costs | 866.208.389 | 499.207.083 |
| Other payable costs | 125.000.000 | 5.588.000 |
| **Total** | **8.656.717.052** | **5.307.137.716** |

## 14. Other payables

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Excess property pending | 102.309.104 | 41.115.502 |
| Trade union expenditures | 815.309.364 | 718.703.728 |
| Social Accountability | - | 57.639.924 |
| Dividends payable | 335.122.000 | 335.122.000 |
| Pay personal income tax revenue surplus employees | 1.219.872.614 | 529.457.905 |
| Other payables | 996.533.000 | 21.533.000 |
| **Total** | **3.469.146.082** | **1.703.572.059** |

**15. Property income tax delayed**

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|---|---|
| Property income tax delayed related to the deductible temporary differences | 427.758.409 | 278.335.931 |
| The amount of property income tax delayed recorded from the previous year | (231.302.493) | (20.993.923) |
| **Property income tax delayed** | **196.455.915** | **257.342.008** |

## 16. Ownership capital

### a) The comparison of movements of owners'capital

| | Owner capital | Surplus equity | Fund shares | Investment and Development fund | Financial Provision Fund | Other funds by owner | Profit after Tax not dividend yet |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Balance at beginning of previous year** | **169.558.760.000** | **104.020.925.000** | **(10.000)** | **135.013.567.797** | **19.189.415.176** | **-** | **52.447.669.227** |
| - Interest for previous year | | | | | | | 249.919.254.416 |
| - Increase in capital for current year | 3.215.400.000 | 1.592.782.700 | | | | | |
| - Bonus shares | 173.845.960.000 | (104.020.925.000) | | (69.825.035.000) | | | |
| - Distribution of profit | 1.071.800.000 | - | - | 65.675.695.805 | (703.850.789) | 16.796.149.211 | (100.791.794.227) |
| + Draw to Investment and Development fund | | | | 65.675.695.805 | | | (65.675.695.805) |
| + Draw to bonus and welfare fund | | | | | | | (17.300.000.000) |
| + Receipt of the excess of financial provision fund | | | | | (703.850.789) | | 703.850.789 |
| + Draw other funds to owner | | | | | | 16.796.149.211 | (16.796.149.211) |
| + Bonus to ESOP | 1.071.800.000 | | | | | | (1.071.800.000) |
| + Bonus to The Board of Director and Control Committee in the year2008 | | | | | | | (652.000.000) |
| - Stock dividend | | | | | | | (42.550.457.500) |
| - Selling of fund stocks | | | 10.000 | | | | - |
| - Awards to customers | | | | | | | (2.550.300.000) |
| **Balance at end of previous year** | **347.691.920.000** | **1.592.782.700** | **-** | **130.864.228.602** | **18.485.564.387** | **16.796.149.211** | **156.474.371.916** |

**The comparison of movements of owners'capital (continued)**

| | Owner capital | Surplus equity | Fund shares | Investment and Development fund | Financial Provision Fund | Other funds by owner | Profit after Tax not dividend yet |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Balance at beginning of year** | **347.691.920.000** | **1.592.782.700** | **-** | **130.864.228.602** | **18.485.564.387** | **16.796.149.211** | **156.474.371.916** |
| - Interest for current year | | | | | | | 275.297.732.223 |
| - Distribution of profit 2009 | 1.071.800.000 | - | - | 133.324.971.916 | 12.500.000.000 | 500.000.000 | (156.474.371.916) |
| *+ Draw to Investment and Development fund* | | | | *133.324.971.916* | | | *(133.324.971.916)* |
| *+ Draw to financial provison fund* | | | | | *12.500.000.000* | | *(12.500.000.000)* |
| *+ Draw other funds to owner* | | | | | | *500.000.000* | *(500.000.000)* |
| *+ Draw to bonus and welfare fund* | | | | | | | *(4.400.000.000)* |
| *+ Bonus to ESOP* | *1.071.800.000* | | | | | | *(1.071.800.000)* |
| *+ Bonus to The Board of Director and Control Committee* | | | | | | | *(2.390.000.000)* |
| *+ Awards to customers* | | | | | | | *(2.287.600.000)* |
| - Temporality distribution of profits in 2010 | - | - | - | 26.763.066.729 | 6.381.533.365 | 9.800.000.000 | (58.826.133.459) |
| *+ Temporality draw to Investment and Development fund* | | | | *26.763.066.729* | | | *(26.763.066.729)* |
| *+ Temporality draw to financial provison fund* | | | | | *6.381.533.365* | | *(6.381.533.365)* |
| *+ Temporality draw other funds to owner* | | | | | | *9.800.000.000* | *(9.800.000.000)* |
| *+ Temporality draw to bonus and welfare fund* | | | | | | | *(15.881.533.365)* |
| - Temporality stock dividend by cash in 2010 | | | | | | | (69.752.744.000) |
| **Balance at the end of year** | **348.763.720.000** | **1.592.782.700** | **-** | **290.952.267.247** | **37.367.097.752** | **27.096.149.211** | **146.718.854.764** |

**b) Details of capital contribution by the owners**

| | 31/12/2010 VND | % | 01/01/2010 VND | % |
|---|---|---|---|---|
| Capital contributed by the State | 103.565.160.000 | 30 | 101.526.960.000 | 29 |
| Capital contributed by others | 245.198.560.000 | 70 | 246.164.960.000 | 71 |
| **Total** | **348.763.720.000** | **100** | **347.691.920.000** | **100** |

**c) Capital transactions with owners and distribution of dividends, profits**

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| Capital contributed by the owner | | |
| Capital contributed at beginning of the year | 347.691.920.000 | 169.558.760.000 |
| Capital contributed increasing during the year | 1.071.800.000 | 178.133.160.000 |
| Capital contributed decreasing during the year | - | - |
| Capital contributed at the end of the year | 348.763.720.000 | 347.691.920.000 |
| Dividends, division of profits | 69.752.744.000 | 42.550.457.500 |

**d) Shares**

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|---|---|
| Number of shares registered to be issued | 34.983.552 | 17.598.956 |
| Number of shares already sold to the public | 34.876.372 | 34.769.192 |
| *- Common shares* | *34.876.372* | *34.769.192* |
| *- Preferred shares* | - | - |
| Number of shares repurchased | - | - |
| Number of shares in circulation | 34.769.192 | 17.384.596 |
| *- Common shares* | *34.769.192* | *17.384.596* |
| *- Preferred shares* | - | - |

- Nominal value of shares in circulation: 10,000 VND

## VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| **1. Sales** | **1.441.655.094.939** | **1.156.149.641.356** |
| Including: | | |
| - Sales of goods | 1.367.460.470.645 | 1.155.079.648.215 |
| - Sales of merchandise and materials | 74.194.624.294 | 1.069.993.141 |

| | | |
|---|---|---|
| **2. Sales deductions** | **24.794.752.221** | **12.995.957.619** |
| Including: | | |
| - Trade discount | 22.583.456.297 | 11.286.962.766 |
| - Sales returns | 2.211.295.924 | 1.692.903.886 |
| - Sales discount | - | 16.090.967 |
| **3. Net sales** | **1.416.860.342.718** | **1.143.153.683.737** |
| Including: | | |
| Net sales of goods | 1.343.934.541.680 | 1.142.517.518.024 |
| Net sales of merchandise and materials | 72.925.801.038 | 636.165.713 |

**4. Cost of sales**

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| Cost of finished goods, materials and merchandise sold | 1.035.350.522.823 | 806.347.768.324 |
| Deduction and loss in inventories | - | 255.670.145 |
| **Total** | **1.035.350.522.823** | **806.603.438.469** |

**5. Financial Income**

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| Deposit and loan interest | 9.240.656.733 | 3.282.325.450 |
| Dividends, division of profits | 1.019.897.040 | 850.000.000 |
| Earnings from difference in foreign currency exchange rate | 118.829.796 | 41.494.521 |
| Interest to sell bonds | 22.200.000 | - |
| **Total** | **10.401.583.569** | **4.173.819.971** |

**6. Financial expenses**

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| Interest expenses | 1.130.064.900 | 2.229.277.877 |
| Loss from difference in foreign currency exchange rate (Completed transactions) | 697.945.448 | 2.403.665.382 |
| Loss from difference in foreign currency exchange rate (Incomplete transactions) | 269.442.356 | 91.410.138 |
| Discount payment | 4.582.537.003 | 3.282.093.492 |
| Return to provision of financial investment | - | (4.658.181.820) |
| Provision for devaluation of financial investments | 559.090.909 | |
| **Total** | **7.239.080.616** | **3.348.265.069** |

### 7. Cost of current corporate income tax

Corporate income tax payable is 25% of taxable income.

According to Document No. 11924 TC-CST dated 20th October 2004 of Ministry of Finance and Notice No. 1257/CT-TKN dated 1st February 2007 of Tax Department of Ho Chi Minh City on preferential corporate income tax for listed on the stock market, the parent Company will enjoy a 50% reduction in corporate income tax in two consecutive years after the expiration of exemption. The 50% corporate income tax in 2010 which is the second year.

Tax settlement of the Company will be controlled by the tax agency. By applying the laws and regulations on taxes for many different types of transactions which can be explained in several ways, the tax presented on the financial statements can be changed by decision of the tax agency.

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| **Cost of current corporate income tax** | **38.372.731.116** | **35.445.777.279** |

### 8. Cost of corporate income tax delayed

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| Cost of corporate income tax delayed arising from return of assets in income tax delayed | 231.302.493 | 20.993.923 |
| Cost of corporate income tax delayed arising from the differences of temporary deductibles | (170.416.401) | (221.808.118) |
| **Total** | **60.886.093** | **(200.814.195)** |

### 9. Earning per shares

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| Accounting profit after corporate income tax | 275.297.732.223 | 249.919.254.416 |
| Increased and decreased adjustment items of accounting profit to determine profit or loss allocated to shareholders' common shares | - | - |
| Profit or loss allocated to shareholders'common shares | 275.297.732.223 | 249.919.254.416 |
| Average common shares during the year | 34.876.372 | 34.599.760 |
| ***(*) Earning per shares*** | **7.894** | **7.223** |

(*) Note: Earnings per share for 2009 have been adjusted retroactively for issuance of 107,180 bonus shares in 2010

### 10. Production and business costs by element

| | Current year VND | Previous year VND |
|---|---|---|
| Raw material cost | 891.771.449.310 | 674.907.305.858 |
| Labour cost | 68.886.317.024 | 60.553.456.450 |
| Depreciation cost | 53.707.370.042 | 44.928.770.996 |
| Outside service cost | 51.849.484.821 | 37.621.509.826 |
| Other costs in cash | 16.842.435.010 | 14.970.948.800 |
| **Total** | **1.083.057.056.208** | **832.981.991.930** |

## VII. OTHER INFORMATION

### Data comparison

Data comparison is from the consolidated financial report ended 31st December 2009, audited by Nam Viet Accounting Consultancy and Auditing Service Ltd. (AASCN).

Early data on the balance sheet has been restated in accordance with Circular 244/2009/TT-BTC on 31st December 2009 amendments the Vietnamese Accounting System as follows:

| Balance Sheet | Data as at 31/12/2009 | Data as at 31/12/2009 (Restatement) | Difference |
|---|---|---|---|
| Short-term liabilities | 145.787.992.107 | 151.306.364.225 | 5.518.372.118 |
| - Bonus & welfare funds | - | 5.518.372.118 | 5.518.372.118 |
| Owners' equity | 677.423.388.934 | 671.905.016.816 | (5.518.372.118) |
| - Bonus & welfare funds | 5.518.372.118 | - | (5.518.372.118) |

| Prepared by | Chief Accountant | General Director |
|---|---|---|
| Phung Huu Luan | Trang Thi Kieu Hau | Le Quang Doanh |

Hochiminh City - 03 rd March 2011

# Shareholder Information

## INVESTOR STRUCTURE AS OF 15/11/2010

| SHAREHOLDER STRUCTURE | SHARE HOLDING | STAKE % |
|---|---|---|
| The State shareholder | 10,356,516 | 29.79% |
| Board of Directors, Board of Supervisors | 1,381,316 | 3.97% |
| Foreign Individual Investors | 266,856 | 0.77% |
| Foreign Institutional Investors | 16,499,664 | 47.45% |
| Local Individual Investors | 4,207,710 | 12.10% |
| Local Institutional Investors | 2,057,130 | 5.92% |
| **Total** | **34,769,192** | **100%** |

## MAJORITY SHAREHOLDER AS OF 15/11/2010

| No. | SHAREHOLDER | TYPE | SHARE HOLDING | STAKE % |
|---|---|---|---|---|
| 1 | State Capital Investment Corporation | The State shareholder | 10,356,516 | 29.79% |
| 2 | Citigroup Global Markets Financial Products Ltd. | Foreign Institutional Investors | 634,962 | 1.83% |
| 3 | Citigroup Global Markets Ltd. | Foreign Institutional Investors | 710,162 | 2.04% |
| 4 | Franklin Templeton Investment Funds - Templeton Frontier Markets Fund | Foreign Institutional Investors | 1,603,850 | 4.61% |
| 5 | JF Vietnam Opportunities Fund | Foreign Institutional Investors | 943,920 | 2.71% |
| 6 | KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund | Foreign Institutional Investors | 1,328,804 | 3.82% |
| 7 | KWE Beteiligungen AG | Foreign Institutional Investors | 866,630 | 2.49% |
| 8 | PXP Vietnam Fund Limited | Foreign Institutional Investors | 1,000,000 | 2.88% |
| 9 | Vietnam Holding Ltd. | Foreign Institutional Investors | 2,144,468 | 6.17% |
| | **Total** | | **19,589,312** | **56.34%** |

## TRANSACTIONS OF MAJORITY SHAREHOLDERS & LOCAL SHAREHOLDERS AS OF 15/11/2010

| NO. | NAME | RELATION | QUANTITY BEFORE TRANSACTION | TRANSACTION | QUANTITY OF THE TRANSACTION | QUANTITY AFTER TRANSACTION | TIME OF TRANSACTION |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Citigroup Global Markets Ltd & Citigroup Global Financial Products Ltd | Majority shareholder | 922,742 | Buy & Sell | | 1,345,124 | In 2010 |
| 2 | State Capital Inevtment corporation (SCIC) | Majority shareholder | 10,152,696 | Buy | 203,820 | 10,356,516 | 31/07/2010 |
| 3 | Nguyen Thanh Hai | Information announcer | 57,922 | Sell | 20,000 | 37,922 | 19/05/2010 |
| 4 | Nguyen Thi Bich | Wife of Vice Chairman - Deputy General Director | 132,000 | Sell | 20,000 | 112,000 | 22/06/2010 |

## CHARTER CAPITAL FROM 2006 TO 2010

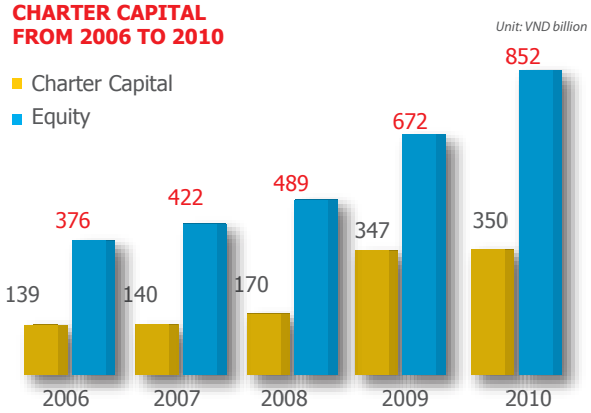


## Dividend - Profit FROM 2006 TO 2010

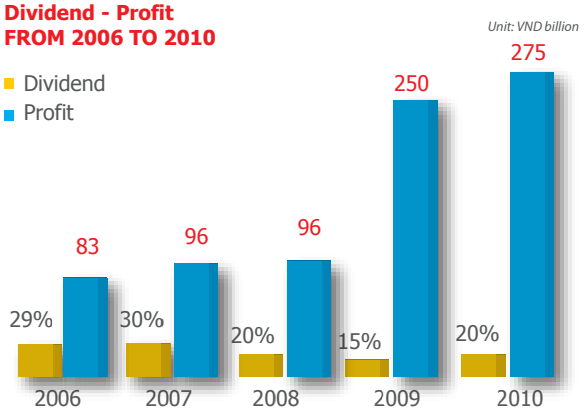


## TURNOVER FROM 2006 TO 2010

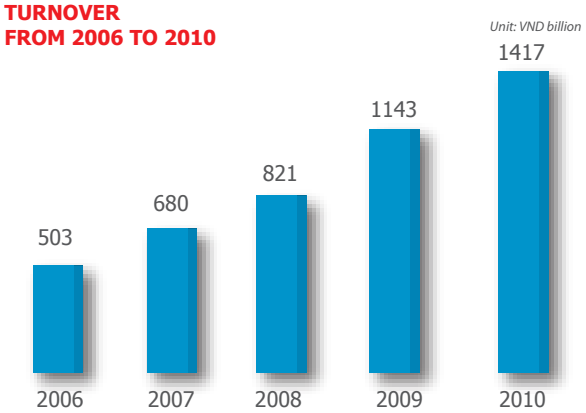


## OUTPUT FROM 2006 TO 2010

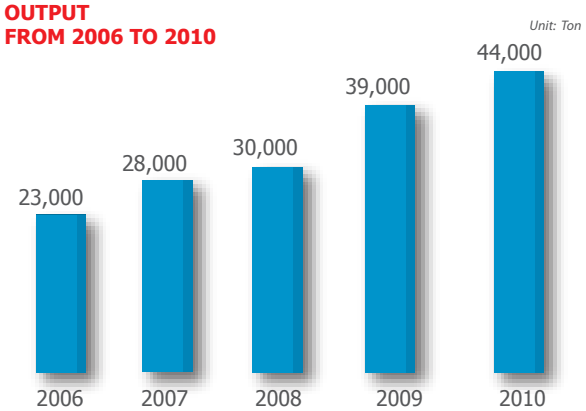

NHỰA BÌNH MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

**240 Hậu Giang - Phường 9 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh**
**Tel: (84) 8 3969 0973 - Fax: (84) 8 3960 6814**
**www.binhminhplastic.com**